

Dẫn nhập: Với cái nhìn chủ quan của người biên soạn, tuyển tập gần 400 tác giả và tác phẩm đơn thuần chỉ là công việc góp nhặt sỏi đá những tác phẩm tiêu biểu một thời của những tác giả tiền chiến, hậu chiến, trước hay sau 75 của hai miền Nam Bắc, trong nước cũng như ngoài nước, già hay trẻ, cũ hoặc mới. Tác giả và tác phẩm được góp mặt mỗi hai tuần theo thứ tự họ và mẫu tự *A, B, C...* Xin thành thực cảm ơn những tác giả có mặt trong tuyển tập nhưng vì trở ngại thông tin, chúng tôi đã không thể xin phép quý vị trước khi đăng tải. – Ngô Không Phí Ngọc Hùng.

Tác Giả và Tác Phẩm

Tường Hùng

Tiểu sử & Tác phẩm
(xem *Vài hàng về tác giả*)



Hồ Xuân Hương - tranh Tường Hùng

Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2

Truyện tục - 2

Người chú - 9

Con ve sầu - 14

Phụ đính I:

Con gà óng - 23

Tâm sự của An - 27

Chuyến đi ra biển sau đêm Tết - 28

Tâm sự của Tuấn - 29

Phụ đính II:

Những nhà văn dòng họ Nguyễn Tường

(bài vở đọc thêm)

Thạch Lam, cha tôi trong trí tưởng tượng - Nguyễn Tường Giang - 34

Papa tòa báo - Trần Khánh Triệu - 37

Rải theo gió - Nguyễn Tường Thiết - 45

Kỷ niệm về chú Viễn Sơn Nguyễn Tường Bách - Nguyễn Lân - 49

Dấu xưa - Nguyễn Tường Giang - 51

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

Vài hàng về tác giả (Lê Bảo Hoàng sưu tập)

Tiểu sử

Tên thật: Nguyễn Tường Hùng.
Sinh ngày 4-9-1931 tại Hà Nội.
Theo gia đình vào nam năm 54.
Học Kiến trúc tại Sài Gòn.
Sang Ý du học năm 1959
Tốt nghiệp Kiến trúc và điện ảnh.

Khởi viết năm 1949
Cộng tác với Văn Hóa Ngày Nay, Văn, Báo Mới, Tân Phong tại Sài Gòn.
Hợp Lưu tại Hoa Kỳ

Tác phẩm

Truyện dài đầu tay Gió Mát (1955).
Tiểu thuyết Lời Nói Ngập Ngừng (2005)

Tác phẩm chưa xuất bản: khoảng 40 truyện ngắn và 7 truyện dài, gồm:
Kẻ Trộm Hạnh Phúc, Năm Giọt Champagne, Người Bán Nô Lệ, Oeil Pour Oeil, Giết Và Giết,
Quyển Rũ Số Mệnh...

Phim đã sản xuất:
Phim ngắn phim dài tiếng Pháp

Phim ngắn
Amour Mort
Porcelain
V...V...
Phim dài
AK 47
Suzanne Et Deux Vieillards
V...V...

Truyện tục

Sài gòn, trời đẹp xanh đậm cao ngất không một bóng mây. Gió hây hây. Tuyết và tôi ăn sáng, xôi lúa có hành chiên thơm ngát, xôi trắng dẻo, hành vàng vàng, bỗng nhiên Tuyết ngừng đùa bảo tôi:

- Em muốn sướng.

Nàng gác chân lên tôi, cọ sát. Tôi thông thả ăn, thưởng thức khoái cảm. Đùi Tuyết thon thon, mịn màng như một múi mít chín vàng, đưa đẩy trên tôi như lăn bột để làm bánh trôi, bánh chay. *Trại quang*, một trưa hè tĩnh mịch, trong nhà, ngoài vườn vắng teo, không có ai cả. Như mọi buổi trưa khác, cô ở gái, tên là Hân, 14 tuổi, nõn nà trắng trẻo như một ngó sen, có bốn phận ngồi quạt cho tôi ngủ trưa. Ngoài khung cửa sổ, trên các khóm hoa, khóm dứa, vài con bướm bướm vàng bay lộn đũa nghịch giỡn cợt. Tôi còn nhớ tới bây giờ cái cảnh bình thản, êm đềm, điểm vài con bướm và khuôn mặt trái xoan trong bóng râm của cái phản gỗ mênh mông, mát mẻ, cái quạt trần phe phẩy. Cái quạt này hình chữ nhật, dài 2,5 thước, cao 1,0, bằng vải dày màu nâu vàng, treo trên trần bằng dây thừng, luồn vào móc sắt, một sợi thừng dài chạy trên một bánh xe nhỏ cũng bằng sắt, rồi thông xuống đất để Hân thò chân vào, đưa chân lên xuống làm que đạp. Tôi nằm nghiêng, nhìn đàn bướm bay lượn, như máy bay Nhật Bản tập dượt. Hồi đó Việt Nam có quân đội Nhật chiếm đóng, nên tôi về làng *quang* để tránh bom đạn. Tôi có óc lý luận khoa học tò mò nghiên cứu các hiện tượng, thí nghiệm các hiện tượng như vật hết chân để ruồi bay tròn vì bị buộc vào một sợi tóc dài mà Hân cho tôi, bắt cóc ăn thuốc lào say lừ đừ, dùng cua để cày đất, quan sát để hiểu làm sao chuồn chuồn bay và bay tại chỗ, tại sao bướm bướm bay chập choạng, rất nhanh mà mắt tinh tường nhìn kịp các trở ngại và phương hướng. Tuy nhìn bướm, tôi cũng để ý thấy đôi chân trắng xóa, tròn trĩnh của Hân đang rập rình kéo quạt. Đó cũng là dịp để nghiên cứu về cơ khí, hiện tượng cán cân, vì sao khi không khí chuyển động thì lại mát mẻ, cái nóng đi đâu và cái mát ở đâu tới. Hân mặc quần ống rất rộng, trời nóng, nên quần tuột gần tới háng. Hân làm bộ lim dim ngủ gà ngủ gật nhưng biết là tôi liếc nhìn nàng. Tôi gọi:

- Chị Hân!

- Gì thế cậu?

- Ngủ không được

- Ngủ không được thì giả vờ ngủ. Nếu không thì lát nữa mẹ cậu mắng tôi.

- Ve sầu kêu rền như thế này tôi phải buồn ngủ chứ.

- Thôi để tôi ru cậu ngủ và gãi lưng cho cậu. Lại gần đây, chân tôi còn phải thò vào dây để kéo quạt chứ.

Tôi nhích người như con rắn, lại gần Hân. Hân nói:

- Thêm chút nữa, còn xa quá, với không tới, nhúc nhích một tý. Nhích nào, nhúc nào. Thôi được rồi.

Hân vén áo tôi, bàn tay mềm mại xoa trên lưng tôi, làm tôi khoan khoái nằm thừ ra, ngất ngư.

Hân hỏi:

- Cậu muốn bài ru gì?

- Bài con cò trong cuốn quốc văn giáo khoa thư Lớp Đồng ấy.

- À! Con cò mà đi ăn đêm... Đâu phải cành mềm lộn cổ xuống ao... Ông đi ông vớt tôi nao... Tôi có lòng nào thì hãy xáo măng... Có xáo thì xáo nước trong... Đừng xáo nước đục đau lòng cò con...

- Bài con cóc !

- Con cóc... ơ... con cóc trong hang... con cóc... ơ... nhảy ra... [...] cóc lo thì cóc cứ lo... Đừng lo, lo quá... lo bò trắng răng...

Ru đến đây thì Hân bò lên lưng tôi mà cười. Ngực non trẻ, tròn cứng như hai nửa quả cau in trên lưng tôi, những rung chuyển của lồng ngực nàng. Vừa cười vừa nói:

- Ru em mà ru như tôi, vừa ru vừa bịa thêm ra thì thánh cũng không ngủ được.

- Nóng quá, chị Hân ạ.

- Thì mình ra tắm nước mưa.

Bể nước mưa bằng gạch và xi măng, trên có vòm cũng bằng xi măng. Người ta múc nước bằng gáo dừa qua một lỗ hồng vuông vức. Tôi thường hét qua lỗ hồng đó để nghe tiếng vang dội trên mái và thành bể. Trong bể có một số nòng nọc đen xì, lội tung tăng, tôi ngắm chúng nó không chán.

Hân lột hết quần áo của tôi ra, múc nước rồi áo lên đầu tôi. Nước mát rượi trong suốt. Hồi đó tôi mới 7 tuổi, nhưng nhỏ bé xinh xắn như một búp bê vì thế mà Hân coi tôi như một đồ chơi, đùa giỡn tự nhiên với tôi.

- Cậu muốn sướng không? Hân tinh nghịch hỏi tôi, rồi dội nước lên cu tôi, bé tí như đầu con chim bồ câu.

Đúng như Tuyết hỏi tôi trong khi ăn xôi lúa mấy chục năm sau tại Thành phố Hồ Chí Minh. Không chút ngần ngại Tuyết nắm cu tôi, Hân thì ru con, Tuyết thì ngâm thơ Hồ Xuân Hương. Nàng nắn nót cu theo bài thơ:

- Thân em vừa trắng lại vừa tròn

Tuyết xoa tròn, vuốt dọc, xoay tròn như vuốt một cái ống, xoa tròn như xoa cái đầu trọc. Tôi hỏi, tinh nghịch:

- Ăn hay chơi.

Tuyết cười, chân thật:

- Vừa ăn vừa chơi. Chơi cho sướng, ăn cho tơi bời.

Và nàng nhắc lại:

- Em muốn sướng.

Hồi đó cùng Hân, tôi bé tí, bây giờ cùng Tuyết thì tôi đã già rồi. Trẻ hay già tôi lúc nào cũng bấu víu vào cuộc đời, muốn nhặt từng mảnh hạnh phúc như con dế tràng xây cát bể Đông, nhọc nhằn mà chẳng nên công cán gì, nhặt, tìm chỉ còn rớt lại vài mảnh vụn hão huyền, vài hạt cát bơ vơ.

Tuyết lấy đũa, gắp một miếng xôi lúa, đưa lên miệng, nhai thong thả, để thấm nhuần khoái cảm đang ăn, vị nhuyễn mịn của ngò và mùi thoang thoang của hành chiên. Đúng là một cô gái có năm giác quan nẩy nở thích hưởng thụ. Làm như vô ý nàng vờ lấy cu tôi, vò đi vò lại, lăn trong tay như lăn bột làm bánh. Tuyết nhìn tôi, dò xét vì tôi ngần tò te:

- Anh cứ tự nhiên ăn.

Tôi nhai xôi lúa, ngẫm nghĩ:

- Này Tuyết! Tôi muốn ghi lại cảm giác đang tràn ngập trong tôi, tả cái cảnh ăn tối xôi lúa một buổi sáng đẹp Sài Gòn.

- Sao nữa? Lúc này sẽ thành một kỷ niệm ngộ nghĩnh sống mãi trên một tờ giấy, qua các hàng chữ, các câu viết, các dấu chấm sắc huyền hồi ngã nặng. Khi đọc giả đọc thì sẽ cảm thấy trời xanh, thấy bàn tay Tuyết, nghe thấy câu chuyện của chúng ta, có khác gì một cuốn phim nhỏ. Tuyết để trước mặt tôi sấp giấy trắng tinh làm tôi nhớ tới các lọ nước hoa trong suốt, mùi thơm ngát, ánh sáng lung linh xuyên qua thủy tinh. Chỉ là một liên tưởng thoáng qua vài giây, rồi chuyển thành một kỷ niệm, một đoạn trong truyện.

Hân lấy cục xà phòng, sát lên người tôi, mạnh mẽ, làm người tôi đầy bọt, tóc tôi xù lên dưới bọt trắng xóa. Nàng ngắm tôi như ngắm một pho tượng. Tôi kêu lên:

- Chị dội nước đi, cay mắt quá.

- Nhắm chặt mắt lại, để tôi xoa người cậu, cậu sẽ mới tinh như đồng xu mới.

Nàng lấy hai tay xoa thực mạnh trên người tôi, lấy ngón tay ngoáy vào tay tôi, vào rốn tôi làm tôi nhột, cù vào nách tôi, và xoa lên cu tôi đến nỗi tôi cứng lên, nhưng tôi còn ngây thơ, không biết là hiện tượng gì, chỉ đòi Hân xoa nhiều hơn vào đó. Hân cười, hỏi:

- Thích phải không?

- Dạ. Tôi có cảm giác băng khuâng, nung nung.

- Muốn nữa không? Nàng tinh nghịch hỏi.

- Chị cứ tiếp tục xem sao.

Hân tinh nghịch ngâm Kiều:

- Thì, cũng liền nhắm mắt đưa chân, để xem con tạo xoay vần tới đâu. Tôi xoay cậu, tôi vắn cậu, cậu sẽ thấy thiên đường.

- Thiên đường là gì?
- Là hạnh phúc.
- Hạnh phúc là gì?
- Là tình yêu.

- Tôi yêu chị, chị Hân, vì chị xinh xẻo. Tôi muốn chị cởi hết quần áo ra cho tôi xem thân thể chị. Tôi nhớ tới Hân, tới bể nước, tới tôi hồi 7 tuổi. Những kỷ niệm hiện ra trong vài giây, rõ rệt, sáng chói như một tấm ảnh, hay một đoạn phim, đủ sức mạnh để tôi sống lại, như đang sống thì đúng hơn, cái mảnh quá khứ đó, làm tôi xúc động, bồi hồi. Quá khứ, hiện tại, lẫn vào nhau, cô gái trên bãi cát, Hân cạnh bể nước, tôi hồi thơ ấu, tôi lúc cười đòi, tất cả chỉ sự theo đuổi tuyệt vọng thời gian.

Thấy Hân đi ra phía cửa, tôi hỏi:

- Chị đi đâu?

Hân quay lại nhìn tôi, quần áo ướt nhẹp, dán sát vài cặp đùi, mông, đôi vú nhỏ nhỏ:

- Đi kiếm chút lá chanh và bồ kết. Bồ kết vò trong nước, có bọt như xà phòng, và ứng dụng cũng như xà phòng, gội đầu thì tóc sẽ óng ả, mượt mà như lông mèo.

- Thế hả? Ở Hà Nội tôi chỉ xài xà phòng Cô bé, màu xanh lá cây.

Hân mỉm cười chạy ra vườn. Chúng tôi đang ở trong cái trại mênh mông đầy nhãn, vải, roi, mà hôm nay không có ai cả. Chỉ có tôi và Hân. Hân có bồn phận trông coi tôi đừng nghịch ngợm bậy bạ, đừng làm thí nghiệm kỳ cục nhất là đừng ngã xuống sông chảy dọc một phía trại, sông nhỏ nhưng nước đổ ngẫu phù sa chảy cuộn cuộn.

Tôi đang thò đầu nhòm nòng nọc trong bể nước thì Hân đã trở về với bó lá chanh, bó bồ kết, thêm cả vài trái bồ hòn. Nàng lôi tôi ra khỏi bể nước, chút bồ kết và bồ hòn và tóc tôi, vò lá chanh trên người tôi làm tôi rất cả thân thể hơi nóng nóng. Nàng ngấm nghĩa kết quả cuộc tắm mát. Tôi nói:

- Tôi trần như con nhộng.
- Nhộng rang muối ngon lắm.
- Còn chị thì chưa bắt đầu tắm.

- Thì tôi tắm. Dội nước cho tôi, cậu!

Tôi kiểng chân, mức nước dội ào ào lên người Hân. Cái áo cánh bằng vải trắng mỏng in rõ rệt lên đôi vú nàng, còn cái quần đen dán rõ đôi đùi nẩy nở. Tôi bảo:

- Tôi thì cởi truồng, còn chị thì mặc quần áo từ đầu đến chân, không có công bằng chút nào. Hân cởi luôn áo, nhưng kéo cái quần lên tới cổ che kín ngực. Tôi không bằng lòng, đòi nàng cởi hết. Nàng thách thức:

- Cậu có giỏi thì cởi quần tôi! Giải rút đây này.

Tôi loay hoay cởi cái nút buộc giải nút mãi không được, tuy hồi đấy tôi ở trong một đoàn Sói con, đã học được nhiều thứ nút giây thừng. Sau cùng tôi phải ghé răng kéo sợi giây bướng bỉnh. Cởi được giải rút, tôi tìm cách kéo quần Hân xuống. Nàng lại giữ chặt trên ngực, cười khúc khích. Khi nàng hoàn toàn trần truồng thì ôm tôi thì thầm:

- Sao cậu lại tò mò thế!

Vì tò mò mà đến bây giờ tôi còn giữ hình ảnh cô gái còn tơ, trinh bạch, ngây thơ, đứng trơ trơ như bức tường lấm tấm những hạt nước cho tôi tha hồ ngấm nghĩa. Có thể đó là một trong những nguyên cơ gây nguồn thơ cảm hứng cho các thi sĩ. Và cũng vì thế mà tôi thích nghe ve sầu kêu vang những buổi trưa hè vắng vẻ, vừa nghe vừa bâng khuâng tìm trong tiếng ve những cái gì đẹp nhưng không biết là cái gì, vừa ẩn vừa hiện, khi ở chỗ này khi ở chỗ khác, y hệt như tiếng ve kêu. Bây giờ, cái trại quang bây giờ bị phá, họ xây đầy nhà gạch trên đó chỉ còn cây roi cổ thụ nơi mà ngày xưa có cái bể nước mưa, có tuổi thơ của tôi và cô gái quê. Còn tôi, tóc bạc da mồi, tay cầm cái máy quay phim, quay vài cây nhãn, vài cây vải, rồi quay cây roi, trong tai tiếng ve còn vang rền như xưa.

Tôi giật mình khi Tuyết nhắc lại:

- Em muốn sướng.

Nàng đã ăn xong bát xôi lúa, nằm ngửa. Tôi nghĩ là nằm tên hên, không phải dâng trai đào thơm mà phàm tục hơn, dâng cơm hến đen đen đã hé mở. Tôi vội ăn một bát xôi của tôi, trả lời sự thèm muốn đã tràn trề của Tuyết.

Kỷ niệm Tuyết ghi vào các tế bào chuyên về khoái cảm của óc tôi, nằm ở một vị trí đặc biệt của thái dương, gần chỗ mà người ta xoa dầu Con Hồ hay dầu Nhị Thiên Đường, dầu khuynh diệp... mỗi khi bị nhức đầu. Bao nhiêu năm rồi, các tế bào vẫn trung thành nhắc lại cảm giác sướng cho tôi làm tôi ngạc nhiên khen trời sao lại khéo tay thế.

- Này cậu, Hân nói, chả mấy khi cái trại này vắng teo...

Tôi tuy trẻ con nhưng đã biết đồng tai nghe khi cần thiết

- Chị cứ nói đi!

Trong khi tôi lau người cho chị. Tôi lấy cái khăn bông trắng, to như cái khăn bàn, trùm lên cái thân thể Hân, nồn nà, còn tơ như con gà con mới ra ràng, như con vịt mới lần đầu xuống nước.

Hân lim dim mắt:

- Được cậu công tử lau chút

Khi mặc quần áo xong Hân kéo tôi vào trong nhà đầy bóng râm mát, ba cái phản gỗ nằm liền nhau mênh mông như cái bể bơi. Nàng mở tủ lạnh lấy hai cái bánh mật bọc lá chuối, hai chai bia Con Hồ lấm tấm lạnh. Tôi ngạc nhiên, vì chưa bao giờ có ý uống bia. Chỉ có một lần anh Sửu, người kéo xe nhà cho gia đình tôi, cho tôi rít một hơi thuốc làm tôi say ngất ngư cả một buổi trưa. Hân cắt bánh mật thành từng khoanh trong như hồ phách, rót hai cốc bia vàng trong suốt, đầy bọt trắng. Chúng tôi cụng ly, nhậu với bánh mật. Nhậu bia với bánh là một ý tưởng ngộ nghĩnh, hồi đó tôi không biết là vậy, sau này không biết bao nhiêu lần gặp lại Hân, chúng tôi nhậu bia với *phé* nhồi ở đường Lỗ Ngự, Hồ Tây, Hồ Trúc Bạch. Cả hai lần nhậu tôi đều say mềm. Lần đầu vì chưa biết uống và Hân khéo ép tôi, lần sau vì mừng tái ngộ muốn quên trời đất. Hai lần đều ôm nhau ngủ cùng chung mộng, chung mơ, như là Hân vào giấc mơ một trưa hè của tôi và chúng tôi cùng sống những điều mà trong đời thực chúng tôi không bao giờ dám nghĩ tới chứ đừng nói là dám làm.

Làm sao không nhớ, không sống lại trong khi ngoài vườn cái phòng vẽ của tôi cũng có rẫy dứa, cũng có bướm vàng, trưa hè rục rờ, ve kêu vang rền? Tôi hí hoáy vẽ truyện bằng tranh. Truyện dài chừng bốn chục trang mà tôi mới vẽ được năm trang dở dở ương ương, không ra truyện cổ tích mà cũng không ra truyện khoa học viễn tưởng, còn các nhân vật thì chưa thành hình, nhất là cô công chúa trong phòng vẽ đầy bóng râm mát. Trong góc phòng một cái quạt mát quay đều đều, quạt luồng gió khắp phòng. Truyện giản dị nhưng tôi loay hoay gần hết buổi sáng. Bỗng có hai bàn tay mềm mại mát dịu bịt mắt, rồi thì có tiếng ngọt ngào, mà tôi thuộc lòng, hỏi tôi:

- Đố biết là ai?

- Hélène chứ là ai nữa!

Hélène là cô đầm tóc vàng mắt xanh chừng 16 tuổi, xinh, đẹp đúng là người kiêu mẫu mà một anh thợ vẽ quen người Việt như tôi ao ước được làm quen. Giá còn là thời Pháp thuộc, thời mà nhà văn Vũ Trọng Phụng tả trong cuốn Xuân tóc đỏ, thì tôi đâu có dám mơ ước được một cô đầm cao quý như Hélène nhìn tôi chứ đừng nói là đưa tay bịt mắt tôi.

Hélène là em gái Etienne làm việc cùng hãng với tôi, chuyên viết truyện cho các truyện tranh. Chính anh ta có ý kiến dùng các truyện cổ tích Việt Nam để vẽ thành hình. Hélène là thư ký tập sự, hôm nay tuy là chủ nhật nhưng nàng cũng đến làm, thường trực để học tập và kiếm thêm tiền. Lúc nào Hélène cũng cần tiền vì nàng thích mua quần áo diện, đồ trang sức đẹp. Nàng có nói với tôi là ai mà biếu nàng một con chuồn chuồn bằng kim cương màu xanh thì bắt nàng làm gì cũng được chứ không những là làm thường trực một buổi sáng chủ nhật. Hélène rót vào tai tôi cái giọng nói ngọt như mía lùi của nàng:

- Làm sao anh đoán hay vậy! Anh biết ngay là tôi!

- Nghe Hélène nói ngọt như đường thì kiến trong lỗ cũng phải bò ra

- Anh giỏi thực. Đố con rắn ra con kiến nghe dụ hơn. Muốn nghe tiếng tôi thì tôi cho nghe đây!

Nàng ghé sát mồm vào tai tôi, làm tôi nhột mình một cách dễ chịu, và thì thầm hát, làm tôi rợn cả người :

Nàng đứng sát vào tôi, cúi mình trên cánh tay, vú nàng vừa chắc lại vừa tròn. Nàng hỏi :

- Anh vẽ cái gì mà lem nhem thế này?

- Một cô công chúa!

- Công chúa lọ lem?

- Một cô công chúa đẹp tuyệt trần.

- Tôi chỉ thấy một cô gái lọ lem xấu tuyệt trần!

- À, tại vì tôi vô tài!

Tôi ngồi trên một cái ghế cao đặc biệt của các thợ vẽ hay kiến trúc sư, các bàn vẽ cũng để trên kệ cao, thành ra đầu gối tôi chạm đúng vào cái mu êm êm của Hélène. Nàng có vẻ không thấy sự đụng chạm đó, cứ có vẻ không thấy sự đụng chạm đó, cứ đứng sát như thường, cứ lấy ngón tay chỉ trỏ trên các hình vẽ, bình phẩm :

- Con cóc thì anh vẽ đúng lắm, xấu ời là xấu, nhìn mà thấy gớm cả người. Còn con ngựa trắng này là đực hay cái, anh vẽ không rõ lắm ! Hoàng tử thì đẹp thực, thanh tú, anh dựng y như Lã Bố trong truyện Tam Quốc Chí. Lã Bố vị võ dũng mà vô mưu, còn hoàng tử của anh coi bộ thông minh, học thức.

Tôi muốn nàng cứ nói mãi, vì mãi nói mà nàng cứ sát người vào tôi, khi ngón tay chỉ trỏ thì ngực nàng cọ sát trên tay tôi, và cái mu vẫn mềm dịu đưa đi đưa lại trên đầu gối tôi. Tôi cảm ơn trời, tuy tôi không tin là có trời, đã tạo ra cảnh Hélène bình phẩm các hình vẽ của tôi, và mong Hélène đừng biết là thân thể trẻ măng của nàng đang có những hành động mà có lẽ nàng hổ thẹn không làm nếu tôi yêu cầu nàng cho tôi sờ người nàng, và có lẽ nàng đã cho tôi một cái tát nảy lửa. Thân thể Hélène kêu gọi thân thể tôi làm tôi vẽ như cua bò, lời nói Hélène làm tôi ngất ngư như say rượu. Hélène nhìn tôi :

- Vẽ chi mà kỳ vậy, ngoằn ngoèo ngoèo ngoèo.

Nàng ngừng vài giây, nói tiếp :

- Có lẽ tôi làm anh luống cuống ?

- Con cóc thì dễ vẽ vì nó xấu. Vẽ người thực sự đẹp thì khó...

- Anh đã nói rồi, khi nãy.

Nàng suy nghĩ :

- Anh phải có một cô gái làm kiểu mẫu.

- Tôi đang bí tắc, truyện đến đây không tiến lên được

- Sao vậy anh?

Tôi nhìn Hélène, nhìn mái tóc vàng óng ánh đùa với tia nắng, nhìn hàm răng trắng cười sau đôi môi hồng hé nở, nửa kín nửa mở, mà nghĩ tới thân phận của tôi, nghĩa là tôi cũng chẳng khác gì một con cóc, tôi to ngang, thấp gần sát đất, chân tay khểnh khiu như càng cua, thô kệch, môi dày, miệng rộng, đời nào có cô công chúa cỡi ngựa đi tới hôn một cái để tôi vụt trở thành một hoàng tử đẹp như một thiên thần, y như truyện cổ tích tôi đang vẽ để kiếm tí tiền còm.

Tuy nghĩ lang bang mà tôi không quên rằng Hélène vẫn nhẹ nhàng cọ cái mu của nàng lên đầu gối tôi, tự nhiên, làm như không biết, hay là biết nhưng bất cần. Nàng hỏi :

- Tôi làm kiểu mẫu cho anh được không?

- Tức sẽ là công chúa!

- Anh hoàng tử thì chưa biết sao chứ tôi sợ cóc lắm. Nghe nó nghiêng răng, kêu ì ộp khi trời đổ mưa thì hay lắm, y như một đoàn hòa tấu thứ chín của Beethoven. Bảo tôi hôn một con cóc thì eo ôi!

Hélène nhăn mặt ghê tởm:

- Cho vàng cũng không dám

Tôi nghĩ thầm thế thì chẳng bao giờ cô lại hôn tôi, được sờ cái mu bằng đầu gối đã là phúc bầy mười đời.

Hélène lấy cái khăn tay :

- Miệng anh đầy bút chì, để tôi lau cho.

Hélène lau nhẹ nhàng trên môi tôi, cẩn thận như một con mèo rửa mặt nhưng môi tôi khô quá, vết chì không chịu đi. Rất tự nhiên, Hélène nhâm nhấm một góc khăn, chùi sạch mồm tôi, tuy không phải là một cái hôn, nhưng tôi cũng được hưởng nước bọt của Hélène, ngọt hơn mía lùi, thơm hơn mùi thịt chín. Truyện cổ tích sắp thành truyện thực.

Ngoài kia, trên cao, một quả bóng đỏ trong suốt như hạt lựu đang bay theo chiều gió, Hélène kêu kên :

- Anh coi kìa ! Có đẹp không!

Nàng giơ cánh tay trắng như một, tròn như một khúc sấn mới bóc vỏ, trở lên trời, dựa sát ngực vào cánh tay tôi, đôi vú mới núp, êm dịu và chắc nịch. Nàng vẫy quả bóng :

- Lại đây! Lại đây! Anh khẩn thăm đi.

Tôi khẩn rằng Hélène sẽ dựa ngực mãi mãi lên tôi, mồm tôi thì lại nói:

- Bóng tròn ơi! Ở đây có cô công chúa đang đợi cho mày một cái hôn.

Hélène phá ra cười dòn tan, lồng ngực rung chuyển, thấm sâu vào lưng tôi, làm tim tôi đập lung tung. Tôi cảm ơn quả bóng, không có nó thì có bao giờ Hélène cho tôi những cảm giác kỳ diệu như vậy.

- Này anh, Hélène nói, anh đã nghĩ tới hình dáng và khuôn mặt của cô công chúa? Hiện giờ tôi chỉ thấy một con cóc xù xì, xấu xí.

Hélène nói đúng. Tôi nhắm mắt, có tưởng tượng hình dung một cô gái với vẻ đẹp hoàn hảo.

Hélène lay tôi:

- Thế nào? Anh ngoáy thử vài nét xem!

Trong khi nói, Hélène sát người vào tôi, cúi nhìn cái hình vẽ, đùi nàng rồi háng nàng cọ lên đầu gối tôi, rõ rệt hơn trước như yêu cầu, kêu gọi, giữa háng là cái mu cong cong, tròn tròn, đưa đi đưa lại, khấn khiến, như giọng hát thần tiên của cô cóc. Hélène bao nhiêu tuổi ? Chừng 16, lúc nào cũng tươi cười, da mịn như cánh hoa nhài, thân thể mới nở nang, là em gái của anh họa viên, làm cùng sở với tôi. Đôi khi anh ta và Hélène đi ăn cơm trưa cùng tôi ở quán cơm đầu đường, dưới cây đa um tùm. Nhưng Hélène không để ý tới tôi, nhìn tôi như nhìn qua cửa kính, tuy nàng có nói chuyện với tôi. Hôm nay Hélène có vẻ tò mò và ngạc nhiên khám phá ra rằng tôi cũng là một người biết vẽ và biết kể chuyện bằng tranh. Bây giờ tôi còn nhớ buổi sáng xanh tươi đó, cái mu của cô gái mơn mơn vô tình một cách cố ý cọ sát vào đầu gối tôi, vú trái cau xoa nhẹ trên cánh tay, trên lưng tôi, trong khi nàng mấp má nói trong tai tôi buồn buồn rộn tới xương sống tôi. Bỗng nhiên Hélène để ngón trở trên môi tôi:

- Hôn thử đi, xem có vị gì, có mùi gì. Hôn nhẹ nhẹ, hôn thông thả.

Ngón tay vuốt giữa hai lần môi, len dần vào tới răng, đặt lên đầu lưỡi tôi. Tôi nhắm nháp :

- Ngòn ngọt!

- Sao nữa?

- Thơm thơm.

- Như?

- Như lúa mới chín.

- Ngon không?

- Như kẹo mạch nha.

- Sao không mút đi!

Tôi ngậm rồi mút cả ngón tay nàng, sâu vào mồm, mút ngon lành, như hồi bé tôi ăn que kem, ngọt lịm, mát rượi, tẩm hồn tôi vào nước mưa.

Nàng từ từ đưa ra đút vào ngón tay mồm mồm cho thêm mùi, thêm vị, mắt xanh lam nhìn tôi đăm đăm, dò xét, mỉm cười:

- Đẹp thực ! Tôi là công chúa, tôi vào tranh để thành truyện đời xưa.

Hông nàng, đùi nàng, bụng nàng vẫn uyển chuyển, mềm mại:

- Này anh!

- Dạ!

- Anh thấy gì không?

- Một cô tiên! Thực à?

- Một cô công chúa!

Tôi ngắm Hélène, mắt nàng sáng long lanh, xanh lam thủy tinh, khuôn mặt xinh xinh, tóc tơ vàng, và tôi bắt chợt vẽ Hélène thành một cô công chúa diễm lệ, yêu kiều. Hélène cầm tờ tranh chăm chú nhìn, nụ cười dần dần hiện ra trên miệng nàng. Nàng nhìn tôi, nói :

- Cóc hay không cóc, tôi cóc cần!

Và nàng hôn tôi.

Người chú

Roma yên lành, yêu đời, có trời xanh ngắt, đường phố thái bình, mọi người hình như chỉ vui vàng vui vẻ sống để hưởng hết cái đẹp của tỉnh đẹp này.

Buổi sáng hôm đó một người bạn tôi gọi dây nói và báo tin Nhất Linh mất. Tự tử. Tin đến dữ dội như sét đánh, rồi bỗng biến đi, yên lặng. Tôi vội vã đi xuống đường, lẫn vào đám đông, và trong cái tiếng xa lạ và quen thuộc này tôi dần dần thấy Nhất Linh.

Sau khi chính quyền Pháp bị lật đổ, Nhất Linh – Nguyễn Tường Tam thì đúng hơn – trở về Hà Nội. Ông tới nhà chúng tôi. Rất hiên ngang, to lớn, mặc áo da phi công, chân đi giày ống, trên mép có hàm râu đen nhánh. Con người cách mạng, cương quyết, sau bao năm tranh đấu, trở về mang theo tất cả sự quặn rũ của cuộc đời hùng mạnh, như Dũng trong truyện *Loan và Dũng*.

Tôi còn nhớ đôi mắt nhìn thẳng dưới đôi lông mày rậm (điểm đặc biệt của gia đình chúng tôi), nụ cười rộng lượng phô hàm răng trắng, đều.

Rồi bao nhiêu biến đổi, Việt Minh cướp chính quyền. Tàn cư. Loạn lạc. Khi tôi vào Sài Gòn tôi lại gặp Nhất Linh.

Đối với tôi, Nhất Linh bé nhỏ hẳn đi, tóc đã muối tiêu, đi đứng nhẹ nhàng, như một nhà ẩn dật, và giống một văn sĩ. Nhưng vẫn nụ cười ngày xưa rộng lượng và tha thứ tất cả mọi sự.

Có đôi mắt Nhất Linh làm tôi ngạc nhiên: đôi mắt trở thành màu xám đục. Cũng như mắt của bà tôi khi trở về già, đôi mắt không đen.

Và việc hoạt động cho văn nghệ bắt đầu. Nhất Linh vẫn thường nói văn hoá có sức mạnh thay đổi lâu bền hơn chính trị. Làm chính trị có ích trong một thời, làm văn hoá – nếu thành công – sẽ còn lại mãi mãi. Điểm này cũng giống như câu châm ngôn của báo *Văn hoá ngày nay*: “Văn chương vượt không gian và thời gian”.

Nhất Linh có sức làm việc phi thường. Làm việc cả ngày không mệt. Những hôm bận việc Nhất Linh chỉ ngủ hai ba tiếng đồng hồ. Khi làm báo có khi hàng tuần Nhất Linh làm việc như vậy. Vì đã tìm ra triết lý tuyệt hảo, Nhất Linh đã áp dụng triết lý này vào tất cả mọi việc trong đời Nhất Linh. Khi làm gì thì làm với tất cả tâm hồn, làm cho tới mức tuyệt hảo. Và Nhất Linh nói tới chuyện rửa bát ở bên Tàu. Nếu ta rửa bát một cách qua loa cho xong việc thì ta ngại rửa bát, nhưng nếu ta coi việc đó như một nghệ thuật cần phải làm tới cùng thì việc rửa bát tự nhiên trở nên hứng thú. Cuộc đời Nhất Linh hứng thú vì Nhất Linh sống cuộc đời của mình đến tận cùng.

Khi còn ở Nguyễn Bình Khiêm, trong căn nhà có vườn cỏ xanh bao bọc, phòng tôi ở ngay cạnh phòng của Nhất Linh. Nhiều đêm tỉnh giấc vào quãng ba bốn giờ sáng, tôi thấy bên phòng Nhất Linh còn đèn sáng. Tôi sang thăm và cảnh làm việc làm tôi sợ hãi.

Trong căn phòng đầy sách vở, giấy tờ, Nhất Linh cặm cụi soạn bài, sửa bài, vẽ, một mình làm gần hết tờ báo. Trong phòng khói thuốc trừ muỗi bay mờ mịt. Trên trần cái quạt quay nhanh, không khí lạnh lạnh làm tôi rùng mình nghĩ đến sức khoẻ của Nhất Linh.

“Chú không ngủ, nhớ ốm thì ai làm *Văn hoá ngày nay*?”

Tay run run châm điều thuốc, Nhất Linh nhìn tôi, mỉm cười:

“Cháu đang còn sức trai, cần phải ngủ nhiều.”

Những điểm gì đã làm Nhất Linh trội hơn nhiều người trong những phạm vi ông hoạt động? Tôi cho rằng đó là sự ham mê, hay nói một cách khác đi, triết lý tuyệt hảo. Ông có tài lôi cuốn nhiều người vào công việc làm của ông vì thế. Ngày xưa khi ông ở Hưng Yên, ông đã làm cả tỉnh hăng hái tập thể thao. Khi ở trên Đà Lạt, tôi thấy nhiều người chơi hoa lan theo Nhất Linh. Đó chỉ là một vài việc nhỏ, để chứng tỏ sức lôi cuốn đám đông của ông. Còn những việc to lớn hơn mà tôi không nói đến như chính trị văn hoá. Trong tất cả các hoạt động này Nhất Linh không kém ai, vì ông đã làm với tất cả tâm hồn của ông.

Và thêm vào đó – một điều rất quan trọng: Nhất Linh có một khối óc phi thường, luôn luôn có những ý kiến mạnh mẽ. Ông nhìn rất xa, bao trùm cả vấn đề, rồi giản dị hoá tất cả. Có thể nói Nhất Linh là một tâm hồn phức tạp – một người ưa hoạt động và thực tế.

Ông thường nói ông bị giằng xé nhiều năm bởi hai khuynh hướng đó. Ông đã hoạt động về xã hội làm nhà Ánh Sáng, về chính trị chống Pháp, chống cộng sản. Ông đã trở về tu tiên ở Đà Lạt để chỉ sáng tác văn nghệ. Việc mà đã điều hoà được cả hai khuynh hướng, đó làm báo làm báo. Và Nhất Linh đã làm những tờ báo nổi tiếng: *Phong hoá, Ngày nay*.

Trong các tiểu thuyết của Nhất Linh, người ta cũng thấy sự hiện diện của hai sức mạnh đó. Ngày trước, thời của các cuốn *Đôi bạn, Đoạn tuyệt*, tiểu thuyết của Nhất Linh là một phương tiện tranh đấu. Nghệ thuật chỉ đứng sau, nhưng cũng rất rõ rệt, đủ để chứng tỏ ông là một văn sĩ có tài. Và dần dần nghệ thuật trở nên quan trọng, trong *Bướm trắng* chẳng hạn.

Trong các tác phẩm cuối cùng của Nhất Linh như *Xóm cầu Mối, Cô Mùi*, thì Nhất Linh trở nên hoàn toàn văn sĩ.

Nguyễn Du nói tạo hoá ghen ghét những người tài hoa. Nhưng làm gì có tạo hoá theo nghĩa của Nguyễn Du! Những người tài hoa đã tự lựa chọn cuộc đời của họ. Và vì nhân cách không giống tất cả mọi người, họ thường phải đối chọi với xã hội và chết một cách khác thường, nhiều khi vô lý. Tại sao Hemingway nhét khẩu súng vào mồm, bắn nổ tung óc, để tự tử? Tôi không bao giờ nghĩ rằng Nhất Linh tự tử, tự tử một cách giản dị như bước đi một bước, một bước sang thế giới bên kia. Giản dị và tự nhiên như câu thơ của Nhất Linh nhẹ nhàng: “Hạt muối tan trong bát nước lã”. Tôi chưa bao giờ được nghe Nhất Linh nói đến sự chết. Đôi khi Nhất Linh nói đến triết lý, một thứ triết lý thấm nhuần sự bình thản của đạo Phật, sự hoà hợp với thiên nhiên của đạo Lão. Nhất Linh viết về sự chết, để tả cái gì xảy ra sau khi chết: người ta sẽ “phiêu diêu” trong sự sung sướng, thân thể sẽ tan đi mất như trong một giấc mơ. Nhưng Nhất Linh tự tử!

Có lẽ người ta rất sung sướng khi được biết sự bí mật cuối cùng cuộc đời dành cho ta: SỰ CHẾT.

Ở Đà Lạt Nhất Linh thường ngâm câu thơ:

*Người đi lâu chưa thấy về
Nhớ người lòng suối Đa-mê gợn buồn.*

Tôi vẫn thường tự hỏi có phải Nhất Linh nhớ dòng suối Đa-mê thực hay không. Trời Đà Lạt lạnh, lòng suối trong suốt, nước cũng lạnh buốt nằm trơ giữa cỏ cây, cô đơn trong rừng núi, nếu thực suối có nhớ ai thì suối có khung cảnh âm đạm, nỗi buồn của suối sẽ thấm thía. Bây giờ trở lại nơi cũ, cạnh dòng suối, người ta tìm hình bóng Nhất Linh trong chiếc võng treo giữa hai cái cây. Lan rừng vẫn tung hương cho gió, như những câu văn của Nhất Linh vẫn còn nằm trên giấy, vẫn nói bằng giọng nói của Nhất Linh. Tôi không khỏi xao xuyến khi giờ tập truyện của Nhất Linh ra đọc. Hình như người vẫn còn lẩn quất đâu đây, gầy gò, thanh đạm chơi lan, cặm cụi viết văn và đôi khi mỉm cười rộng lượng tha thứ tất cả.

Nhất Linh đã mất nhưng tâm hồn của Nhất Linh còn mãi mãi. Và khi đọc cuốn trường thiên tiểu thuyết *Xóm cầu Mối*, người ta sẽ thấy, qua cảnh khốn khổ nhưng khôi hài của một đám dân trong xóm nhỏ, người ta sẽ thấy Nhất Linh mỉm cười. Phải giấu lòng yêu nhân loại mới có nụ cười đó.

Một vài nét về chân dung Nhất Linh

Con người

Ít khi tôi gặp một người bình dân như Nhất Linh. Dù ông nói chuyện với một văn sĩ trứ danh, một anh bán phở, một lãnh tụ chính trị hay một cậu bé con, ông vẫn giữ thái độ giản dị, hoà nhã.

Hồi còn báo *Văn hoá ngày nay*, Nhất Linh bàn cãi với Duy Lam và tôi – chúng tôi rất trẻ tuổi – coi chúng tôi ngang hàng. Trong những buổi họp ở Trung tâm Bút Việt, Nhất Linh bảo tôi gọi ông bằng “anh”, bởi vì theo Nhất Linh cùng là văn sĩ thì không còn coi nhau như chú cháu nữa. Khi đi đến nhà báo hay đến nhà in, Nhất Linh thường ngồi đằng sau cái xe Lambretta của tôi. Ông không thích xe hơi, không thích lái.

Nhưng Nhất Linh rất ghét xã giao, ghét lạc vào một phòng khách nói những chuyện thù tiếp. Trong những bữa tiệc đông người, Nhất Linh thường chỉ yên lặng cười và uống rượu.

Bề ngoài Nhất Linh tuy rất bình thản, hoà nhã, nhưng bên trong – theo lời Nhất Linh – thì nhiều lúc chứa những bão táp ghê gớm, những tư tưởng mà chính Nhất Linh cũng không ngờ tại sao ông lại có. Có lẽ vì có một tâm hồn dễ xúc động quá mực thường nên đôi khi Nhất Linh nổi giận một cách khác thường.

Dễ xúc động cũng tùy lúc. Có lần Nhất Linh tự dưng ôm mặt khóc, vô cớ, như để thoả mãn một nỗi ám ức không tên. Nhưng ở hội nghị Pháp - Việt tại Đà Lạt, khi Pháp ra những điều kiện gắt gao để bắt chẹt Việt Nam, khi hội nghị tan vỡ và viễn tượng chiến tranh hiện rõ, Nhất Linh đã nhỏ những giọt nước mắt yêu nước.

Một buổi trưa sau bữa cơm, hồi Nguyễn Tường Tam còn uống rượu, Nhất Linh đã trở vào buồng nằm, cửa đóng. Lúc đó thì một bà mà chúng tôi vẫn gọi là cô vì thân với gia đình, đến chơi. Bà tính ồn ào, vui vẻ, lúc nào cũng cười nói. Sau khi tán chuyện với chúng tôi, bà hỏi:

“Anh Tam đâu rồi? Chắc lại vào buồng nằm.”

Nói rồi bà vào phòng Nhất Linh, không gõ cửa như lệ thường ở nước mình, đẩy cửa vào.

Một lúc sau chúng tôi nghe thấy tiếng quát tháo của Nhất Linh rồi tiếng chai bị ném vỡ trên sàn nhà.

Nhất Linh nổi giận vì cô chúng tôi vào không gõ cửa! Mọi khi vào phòng Nhất Linh có bao giờ chúng tôi gõ cửa đâu!

Nhưng Nhất Linh quên giận rất nhanh chóng.

Hồn dỗi là một tính cố hữu của một vài người trong họ chúng tôi. Tôi còn nhớ hồi nhỏ chơi đùa với Duy Lam, nếu lỡ làm Duy Lam giận thì chúng tôi lại mất công dỗ Duy Lam cả ngày. Nhất Linh tuy không tỏ ra hồn dỗi ai, nhưng trong truyện của Nhất Linh các nhân vật hay hồn dỗi nhau. Họ thường hồn dỗi nhau vì họ yêu nhau. Có bao nhiêu xen Trương dỗi Thu, Thu dỗi Trương trong truyện *Bướm trắng*. Ngay trong cuốn *Xóm Cầu Mới* (chưa in) có nhiều đoạn Mùi dỗi ông anh họ Siêu, rớm máu trên da và để lòng nhẹ đi. Ngay cả Triết, em Mùi, cũng dỗi Mùi. Chắc Nhất Linh cũng cảm thấy tình cảm đó một cách thấm thía nên mới hay nhắc lại trong truyện của ông.

Làm việc

William Faulkner đã nói về người viết văn: “Văn sĩ có tài cần phải có 90% tài, 90% kỷ luật và 90% làm việc... Không bao giờ hoàn toàn hài lòng về cái mình viết vì lúc nào mình cũng có thể viết hơn được. Bao giờ cũng nhìn lên cao. Không để ý đến phải hơn các văn sĩ khác cùng thời hay các văn sĩ ngày xưa, chỉ cần phải hơn mình là đủ. Một nghệ sĩ là một nhân vật bị lôi cuốn bởi một con quỷ...” – tôi thấy câu này thực hợp với Nhất Linh khi ông làm việc.

Một hôm trời đẹp Nhất Linh tươi cười đưa cho tôi một chồng bản thảo cuốn truyện dài *Xóm Cầu Mới*. Những trang giấy trắng không kẻ hàng đóng thành từng tập dày, bìa đen, chứa đầy những dòng chữ nhỏ li ti, viết bằng mực xanh lá cây, xanh da trời, những chữ bị cắt thành từng gạch nhỏ, như ai đã cầm kéo cắt vụn và trải trên giấy, như đã bị những tư tưởng dồn dập và xao động đã đập tan, kéo dài thành những con đường chứa các hình ảnh, những bản khoản muốn chạy mau về một nơi nào. Và những dòng chữ đó nhiều nơi bị đập xoá, viết chồng lên, nhiều đoạn được viết lại.

Cuốn truyện này Nhất Linh đã viết năm sáu lần, bản thảo đã có khi bị mất nên Nhất Linh phải nhớ lại và viết lại. Theo tôi biết đó là tác phẩm cuối cùng của Nhất Linh. (Nhưng lúc xa Nhất Linh tôi không được biết ông có sáng tác chuyện nào không).

Tôi yên chí đó là hình thức cuối cùng của cuốn truyện, tôi tưởng viết như thế là đã tới sự thăng bằng của tư tưởng, của văn, của chữ. Khi Nhất Linh trích những đoạn trong *Xóm Cầu Mới* để đăng thành truyện ngắn, tôi ngạc nhiên vì ông đã viết lại, thêm bớt, gọt dũa không biết bao nhiêu lần nữa. Và khi đã xếp chữ tại nhà in, Nhất Linh còn sửa đi sửa lại, cặp kính trắng hơi trễ trên mũi, tay run run cầm cái bút Parker 61, viết ngoằn ngoèo và nhanh. Ông thường khuyên tôi: “Chỉ cần thêm bớt một chút là truyện trở nên khác hẳn, nhưng cái khó là tìm ra phải thêm gì, phải bớt gì”. Tôi nghĩ có lẽ cũng như một bức tranh, một phong cảnh đẹp, nếu các phần tử hoà thuận với nhau, sẽ gây cho chúng ta những rung động. Văn sĩ dàn xếp các tiếng như một nhạc sĩ điều khiển âm thanh. Các tiếng, và cả các nhân vật nữa, khi gặp nhau sẽ có phản ứng, phản ứng mà văn sĩ đoán trước, nhưng không bao giờ biết trước được rõ ràng. Đó là một trong

những cái bất ngờ thú vị khi viết văn.

Nhất Linh thường làm việc rất khuya, có khi đến rạng đông. Nhất Linh làm việc một cách say mê, gần như quên hết các việc khác, quên khung cảnh chung quanh. Nhưng ông cũng hay dậy sớm ngồi hút thuốc lá trên cái ghế vải, nhấm nháp chén trà tàu. Ông thích viết trên giấy trắng không kẻ hàng, nhưng dòng chữ của Nhất Linh vẫn chạy thẳng chữ không bay lên hay cúi xuống. Ít khi ông viết ở bàn viết, ông hay viết ngồi trong cái ghế vải.

Ông thường suy nghĩ rất nhiều về một truyện muốn viết, suy nghĩ một cách đại cương, về một vài xen, nhân vật. Rồi khi viết thì ông chỉ việc tả các nhân vật, đã được định rõ ràng, muốn sống ra sao thì sống, vì vậy có nhiều biến chuyển bất ngờ có khi đổi hẳn cốt truyện. Những điều này Nhất Linh đã viết thành sách để dựng một lý thuyết về cách viết văn.

Nhất Linh có những sáng kiến bất ngờ và những sáng kiến đó dần dập đến. Một hôm bị giục gấp quá, tôi đưa cho Nhất Linh một mẩu mà tôi định làm thành truyện ngắn, mẩu đó không có đầu không có đuôi. Nhất Linh đọc xong, cầm bút viết thêm một chút để cho có kết cục, sửa vài đoạn để cho có mạch lạc, rồi đặt thành một mục mới cho *Văn hoá ngày nay*: mục “Chàng và Nàng”. Đó chỉ là một mục vui vui, nhưng sau nhờ tài hài hước của Duy Lam mục đó đã được nhiều nữ độc giả viết thư đến “chửi” lại bọn con trai chúng tôi.

Những sáng kiến của Nhất Linh giúp rất nhiều về các truyện mà Nhất Linh sửa. Chỉ vài câu đặt lại, vài đoạn cho lên cho xuống, truyện tự nhiên đổi khác hẳn đi, rõ ràng hẳn lên.

Thường Nhất Linh rất ghét các câu quá “Tây”, những câu bí hiểm đầy chữ khó hiểu, những câu sáo rỗng. Ông chủ trương một lối văn hoàn toàn Việt Nam và thực giản dị.

Vài tài nhỏ

Nhất Linh có tài leo núi, kiếm lan. Ông thấy leo lên thì dễ mà xuống thì khó. Tuy đã lớn tuổi nhưng ông còn rất nhanh nhẹn, nhiều người trẻ tuổi không theo kịp ông. Ông có con mắt tinh, tuy phải đeo kính, tìm thấy những cụm lan đẹp một cách nhanh chóng.

Đem lan về ông còn bày hoa vào những chậu, cho hoa mọc trên những mảnh gỗ mà ông đã chọn mãi để có một hình đẹp. Rồi ông treo tất cả ở trong phòng. Chỗ thì có lan thấp nhỏ, chỗ thì lan mọc thành những dây dài lòng thòng xuống, tất cả hợp lại thành một khung cảnh cảnh lan thực đẹp.

Nhất Linh vẽ cũng khá. Ông đã thi đỗ đầu vào Trường Mỹ thuật Hà Nội mà ông theo học một năm để đổi sang học về khoa học ở Pháp. (Ông đỗ cử nhân khoa học sau một năm học nhờ trí thông minh và cũng nhờ một sự cho phép đặc biệt nhảy qua năm học. Nhưng Nhất Linh không dùng tài vẽ của ông để thành hoạ sĩ. Ông chỉ dùng trong báo chí. Tất cả bìa *Văn hoá ngày nay* đều do Nhất Linh vẽ. Cũng có lần nhờ tài vẽ để kiếm ăn: khi Nhất Linh lưu lạc ở Cao Miên và Sài Gòn, ông đi vẽ phông các rạp hát.

Nhất Linh có nói là Nhất Linh biết nấu mấy món ngon. Tôi chưa được Nhất Linh cho thưởng thức tài làm bếp của ông. Nhưng tôi có được biết tài rửa bát của Nhất Linh. Bát nào cũng sạch sẽ, khô ráo và sáng tinh.

Trí nhớ và sự khiêm tốn không cho tôi nói nhiều về một người chú mà tôi kính mến. Đáng lẽ tôi phải nói vài tật xấu để cho rõ chân dung Nhất Linh hơn, nhưng tôi xin thú thực sau bao nhiêu năm ở gần Nhất Linh tôi chưa được biết một tính xấu nào của Nhất Linh. Đã có một dạo cứ mỗi buổi chiều Nhất Linh lại say rượu. Nhưng ông uống rượu chỉ để cho dễ ngủ, và lúc say ông chỉ

ngồi im nghĩ ngợi trong căn phòng không có ánh sáng. Nhưng ông cũng bỏ được thói xấu đó và thay rượu bằng một buổi tập thể dục trước cửa sổ.

Thời gian sẽ xoá dần kỷ niệm con người Nhất Linh. Nhưng qua các tác phẩm của ông, qua các dòng chữ nói những câu quen thuộc, qua những nhân vật sống, yêu, ghét nhau, qua những tư tưởng trong các trang giấy, người ta sẽ biết một phần chính Nhất Linh, một phần mà tôi mong sẽ bền Meursault.

Con ve sầu

(trích đoạn từ Lời Nói Ngập Ngừng)

Một buổi sáng hè bình thản Oanh dẫn tôi tới nhà xuất bản. Nàng để tôi ngồi trong một cái ghế bành bằng da mát rượi trong khi ông giám đốc đưa cho tôi cuốn sách mới in còn thơm mùi mực.

Ông ta trông như một con mọt sách, cũ kỹ, ngoài thời gian, chỉ biết sống giữa các trang sách, với khuôn mặt khô sạch như một tờ giấy bản, đôi mắt thông minh, hiền từ, sau đôi kính dày như hai hòn bi.

Oanh ngồi cạnh tôi, trên thành ghế. Tôi ngửi mùi thơm nhẹ của nước hoa mà nàng thường dùng trong những ngày hè, mùi thoang thoang như mùi thị, mùi nhãn, mùi vải, có lẽ của mùi lúa chín.

Nàng mở nhanh những trang giấy quạt chút gió nhẹ và mát, bằng lòng về cách trình bày của cuốn truyện, rồi tìm đoạn mà nàng đã tả sự gặp gỡ giữa nàng và tôi.

Ông giám đốc ân cần nhìn chúng tôi như nhìn hai nhân vật sống bằng chữ, bằng lời, vừa thoát khỏi cuốn truyện để thể hiện thành người thực, cũng như ông vừa là người vừa là con mọt sách.

Ông lắng nghe giọng đọc trong trong của Oanh, mơ màng cùng tôi, lẫn vào sự quyến rũ của một buổi sáng đẹp.

Nàng tả tôi như sau đây:

"Hồi đó tôi mới lên bảy tuổi, trong những ngày vô tận của nghỉ hè, thường ra ngồi trên vệ cỏ của một con đường mòn ngắm mặt trời lặn trên đồng quê mênh mông. Đó là một con đường nhỏ, chạy vòng qua những thửa ruộng đầy nước sáng loáng như các tấm gương, xa tít mù tấp cho tới con đường lớn chặn ngang chân trời giữa hai rặng cây cao. Theo tôi biết thì con đường lớn sẽ đi ngang qua một cái cầu xi măng rồi song song với đường tàu điện sẽ chạy tới Hà Nội, một tỉnh thành xa lắc xa lơ.

"Trong vùng quê này, vùng Quang Tó, mỗi một hoàng hôn là một hội ánh sáng tượng bưng. Chân trời đỏ ối đủ các màu đỏ, màu hồng, màu da cam, màu vàng, lẫn ngay cả chút tím ngắt, màu bạc trắng như vẩy cá. Các tia sáng rọi qua các đám mây vùn vụt lưng trời thành những hình thù đủ loại: quái vật dữ tợn, núi biển êm dịu như bông gòn, chiến sĩ cỡi rồng, sư tử, đang gươm đao, kiếm chém nhau, các cô gái đứng hay ngồi rải rác. Theo chiều gió, họ gặp nhau, rồi rời nhau để biến dạng dần dần, không kịp yêu nhau, ghét nhau, đánh nhau, giết nhau. Trong khi vùng quê nhộn nhịp những tiếng ếch, nhái, dế mèn, châu chấu, ve sầu, nhất là ve sầu, kêu inh ỏi làm rung động của bầu không khí êm ả của chiều tà."

Oanh ngừng đọc, nhìn thoáng tôi, phần như dò hỏi, rồi ngược mắt lên ông giám đốc. Ông ta mỉm cười, đôi kính phản chiếu mấy cánh cửa sổ cao thành các hình cong cong trong suốt với nền trời xanh điểm vài đọt mây trắng.

- Anh còn nhớ không?

Nàng hỏi tôi bất thành linh, làm tôi giật mình. Vâng, tôi nhớ. Vì có những kỷ niệm mà chúng ta không bao giờ quên được, dù chúng không giữ hoàn toàn tính cách nguyên thủy, nhưng chúng vẫn làm ta xúc động, bồi hồi, như được sống lại các mảnh vụn đó một cách trọn vẹn. Kỷ niệm chung của Oanh và tôi không hoàn toàn giống nhau, nhất là nàng lại kể lại dưới hình thức tiểu thuyết, làm tôi ngỡ ngàng.

Tôi lại lắng nghe Oanh đọc. Cô gái mang lại khay nước trà đá trong cái ly lấm tấm nước.

"Dưới mặt nước phẳng lặng của các thửa ruộng, ánh nắng soi từng chi tiết một, cho tới đáy bùn lầy màu nâu tươi. Các con bọ nước đen xì chạy loăng quăng cùng các con nhện nước chân dài lêu nghêu, làm nhẵn mặt nước thành những vòng sóng nhỏ.

Tôi ngồi ngắm cảnh như vậy, rất lâu mà không chán, chờ đợi Oanh sẽ đến, tôi biết thể nào nàng cũng sẽ đến, vì chưa bao giờ nàng mãi vui mà quên hết các lời hẹn hò.

Tôi sung sướng, bình tĩnh như kẻ trúng số, giấy số đã nằm chắc trong túi, chỉ có việc đi lĩnh tiền thôi, vì trong báo đã đăng các số trúng và tôi có một trong các lô trúng giải lớn.

Tôi ngồi như vậy từ lâu chờ Oanh như chờ sự giải thoát khỏi tất cả phiền muộn của đời tôi.

Và tôi đưa mắt tìm con ve sầu mà tiếng kêu có vẻ gần đầu đây. Con ve có đặc tính là làm người ta tưởng nó đang kêu ở chỗ này mà thực ra nó nằm ở chỗ khác, để đánh lừa những kẻ thù. Vì vậy mà tôi tìm nó trên cành cây, rồi dọc thân cây, rồi lại rời mắt lên một cành khác. Sau cùng tôi tìm thấy nó nằm ẩn vào một gốc cây vỏ xù xì. Một mùi khói rơm rạ ở đầu thoáng tới, in vào trí nhớ còn non của tôi một dấu hiệu mà không bao giờ tôi quên nữa, đó là mùi của đồng quê, của hoàng hôn xuống, của ngày thơ, của tình thương mới nở.

Con ve chọn phía mặt trời lặn, chắc là để sưởi nắng. Nó có vẻ đang tham thiền hay đang mơ màng dưới ánh sáng rực rỡ, thân nó lóng lánh, cặp cánh mỏng và trong rung lên theo nhịp của tiếng nó ca hát. Chung quanh nó, rải rác khắp nơi, lẫn vào các cây nhãn, cây vải, các con ve khác cũng say sưa ca lên rầm rĩ.

Bây giờ tôi nhìn rõ con ve sầu, nó to gấp ba lần các con ve khác, chắc nó là một loại ve sầu rất hiếm, vì chưa bao giờ tôi thấy một con ve như vậy, mình nó đen xì vòng vàng giống như mình một con ong. Tôi tự hỏi nó nghĩ sao khi tự thấy khác hẳn các con ve khác, không những to lớn mà lại đen với những vòng vàng. Đôi mắt nó tròn và lóng lánh, gồm hàng trăm mắt nhỏ, nhìn về vô tận, nhìn đồng quê bát ngát, nhìn mặt trời đỏ ối. Cánh nó mỏng và trong, gấp dọc theo thân mình, chân nó có đầy gai và móng nhọn móc sâu vào vỏ cây.

Ở đây, tôi nghĩ thầm, nó thực là đúng chỗ, cùng với các con ve khác, yên ổn ca hát cho tới đêm tối.

Tôi rón rén tới gần nó, bắt được nó trong tay, tuy tôi sợ nó cắn tôi. Nó rên rỉ khe khẽ, vỗ cánh một cách vô ích. Tôi mang nó về Hà Nội. Trong toa xe điện xộc xệch bằng gỗ, nó bị đầy ải, cô

đơn theo nhịp bánh xe bằng thép nghiêng đều trên đường sắt. Nó không vỗ cánh nữa, chỉ se sẽ kêu. Tôi vuốt ve nó, an ủi nó và hiểu sự hãi hùng cùng cực của nó, làm như tôi cảm trước số phận cô độc của tôi trong một thế giới thờ ơ, khất khe. Tôi muốn nó được trở về với đồng loại. Mẹ tôi, ngồi cạnh tôi, thả con ve ra cửa sổ xe điện. Nó bay vào đêm tối, gió chiều ngập toa xe. Xe điện chạy rầm rầm về phía tỉnh thành, về phía ánh đèn điện bắt đầu ló ra. Tôi tự hỏi nó làm thế nào mà trở về quê cũ được. Thực ra nó không tìm thấy đường về, nó sẽ rơi vào một cái sân hiu quạnh bao bọc bởi bốn bức tường đá tổ ong.

Oanh đã tới, đứng sau lưng tôi trong khi tôi bận nhìn trời đất, nhìn con ve, nhìn các nhân vật bằng mây diễn kịch, nghe ếch nhái ca hát. Nàng đi nhẹ nhàng, uyển chuyển như một con rắn bò sát trên mặt đất. Nàng đứng lại cách tôi tám thước, nhìn tôi bằng con mắt đen tím, mỉm cười gập gờ, làm dịu hẳn đôi môi hồng nhạt và bình thản.

Tôi ngoảnh lại nhìn khuôn mặt trái xoan của nàng, làn tóc bay nhẹ lấp lánh trong ánh nắng, đẹp và sạch sẽ như một cô gái làm kiểu mẫu quảng cáo cho nước hoa.

Nàng đi về phía tôi kêu lên:

-Tôi tìm Đờm khắp mọi nơi. Tôi lạc vào các làng mạc, các hoàng hôn cô liêu, cho đến bây giờ mới gặp Đờm!

Oanh cúi mình lên tôi, bóng nàng chùng ngập lên tôi, kéo dài thành một vệt đen mênh mông trong ánh nắng quái xiên ngang. Vì sự trở trêu của một cô phù thủy tinh nghịch nào đó, tôi tự nhiên trở thành nhỏ xíu, chỉ cao bằng ngón tay trở và Oanh khổng lồ, đối với tôi, như một cô King Kong.

Tiếng nàng tròn và ngọt ngào thì thầm như sấm vào tai tôi:

- Cưng ơi!

Oanh ngồi xuống, mặt tằm trong ánh nắng vàng khè, mắt trong như thủy tinh tím ngắt. Nàng phá ra cười vì tôi nhảy vội để tránh khỏi bị đè bẹp bởi đôi môi hồng của nàng.

- Xin lỗi, tôi đã làm Đờm sợ hãi!

Tôi chưa kịp làm gì thì Oanh đã tóm được tôi bằng hai ngón tay. Nàng đặt tôi vào lòng bàn tay, nâng tôi lên miệng nàng để hôn tôi:

- Coi kìa! Các cô bạn tôi đang chạy tới!

Và tôi nhìn phía đằng xa một đàn con gái đang nhịp nhàng chạy, người này lấn vào người kia, thành một khối uyển chuyển. Họ đều trầm xuống, như trong một giấc mơ lạ lùng. Chân, tay, đùi họ mạnh mẽ căng ra, co lại trong nhịp chạy, nổi bật các bắp thịt, họ cười nói vui vẻ tằm trong ánh nắng còn âm ảm. Tôi biết họ, như người ta biết nhau trong một giấc mơ dù chưa bao giờ gặp nhau, nhưng đối với họ tôi chỉ là một đồ chơi, một hình nộm bằng gỗ nhỏ xíu. Họ có ngờ đâu tôi là một người đàn ông trước khi bị biến thành đồ chơi, và một ngày nào đó tôi sẽ thoát khỏi ảo thuật để trở lại thành người.

Các cô gái kêu lên:

- Chào anh Đờm!

Họ vây tròn Oanh và tôi. Còn tôi thì vẫn đứng trên bàn tay Oanh như một anh hề làm trò vui cho các cô gái trẻ. Họ trêu ghẹo tôi, chọc tôi, cù tôi. Bích, cô gái trẻ nhất và ngây thơ nhất trong bọn lấy ngón tay út cù tôi. Tôi cười đến nỗi suýt ngã ra khỏi lòng bàn tay Oanh. Bích cười bảo tôi:

- Chưa cù mà đã cười!

Tôi vội trốn trong các ngón tay Oanh.

Sau khi đùa nghịch chán chê, các cô gái trải khăn bông xuống đất, người thì nằm dài, người thì ngồi, người thì đứng, như những bức tượng, thân thể, ngực bụng, hông, vai, mắt nửa nhắm nửa mở. Mặt trời bây giờ đã lặn sát chân trời, ánh nắng xiên song song mặt đất.

Gió chiều lên, hơi lạnh lạnh. Bích đặt tôi giữa đôi vú tròn và xinh xinh của nàng, như giữa hai cái đồi cát nhỏ. Tôi cố giấu sự thèm muốn của tôi bằng cách nằm sấp trên ngực Bích, cảm thấy làn da của nàng mềm, ấm, các sợi lông tơ mịn như mây. Tôi hôn đầu vú hồng hồng của nàng làm nàng mỉm cười bí mật, thân thể hơi rợn lên.

Chiều xuống càng nhanh. Các vì sao bắt đầu lần lượt nhấp nháy giữa các làn mây tím. Gió bây giờ nổi lên, quét lá tràn mặt đất. Các cô gái bỗng không cử động nữa, yên như các bức tượng muối, yên bất trong gió lốc cuốn tròn cỏ may và bụi đất. Tôi vội cuốn mình vào trong vạt cái lá khô. Bích tan dần trong cơn lốc cùng các cô gái khác, cùng với Oanh thành muối trắng, thành bụi nhỏ. Chẳng bao lâu chung quanh tôi chẳng còn ai nữa. Chỉ còn tôi chơ vơ đứng trên một đồng cây khô mà gió đã tạc lờ mờ thành hình các cô gái."

Làm sao cho Oanh hiểu rằng quê tôi xa lắm, mãi tít trong làng Quang Tó bao bọc bởi hàng ngàn ruộng nước, bờ tre rậm rạp ? Đêm nay giao thừa, tôi lại nhắc điều đó cho Oanh. Nàng nắm tay tôi:

- Xa, gần, đâu có gì quan trọng?

Đêm giao thừa, đêm củ mực tối như mực, thì có ai đi chơi, ngoài chúng tôi? Bánh chưng đã được vớt ra từ lâu, lửa rơm đã tàn, chỉ còn than đỏ ngoi ngóp trong tro trắng. Đèn nến sáng rực bàn thờ, khói hương bay ngào ngạt.

Bỗng pháo nổ rầm rĩ khắp cả tỉnh. Mùi diêm sinh thơm nồng, xác pháo đỏ đầy sân lẫn vào hoa đào. Các hoa thủy tiên bắt đầu nhú bông. Oanh và tôi vừa kịp tới nhà các bạn ăn tết. Họ ăn, uống, hát, vui vẻ. Thực là "thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ, nêu cao tràng pháo bánh chưng xanh". Đêm nay Oanh uống nhiều, mặt như có vẻ tân, hừng hực dưới ánh nến. Nàng thì thầm kể rằng ngày xưa, cách đây sáu bảy chục năm, 1909, bà cô nàng, cũng tên là Oanh, đã tới thăm đền Vòng ở cách Hà Nội 35 cây số. Và cô nàng đã gặp một anh lính thú. Câu chuyện được Oanh kể lại trong cuốn sách của nàng. Tôi xin chép lại đoạn đó, vì có nhiều sự trùng hợp thú vị:

"Bồn phận hàng ngày của anh lính là đứng canh trong một sân đền gạch Bát Tràng dưới nắng hè chang chang, giữa hàng ngàn cây nhãn cổ thụ um tùm xanh sẫm.

Oanh, vì bà cô cũng tên là Oanh, đi lang thang từ miếu này đến đền kia, từ sân này đến hồ nọ, bỗng gặp anh lính thú đứng bất động. Nàng bật kêu khẽ, nhưng lại bình tĩnh ngay, nâng cái máy chụp hình lên chụp. Anh lính mỉm cười rất nhẹ, nhưng vẫn không nhúc nhích. Oanh cố nhiên mặc theo thời trang thời đó: món quai thao, áo the đen, vắn khăn nhung, đi giày cong. Giữa lúc này thì đàn ve bùng ra ca hát mạnh đến nỗi làm rung cả không khí, buổi trưa nóng.

Đàn ve, không hiểu tại sao, có lúc im bật hết, rồi cùng một lúc lại kêu cùng một lượt. Oanh rất ngạc nhiên tại sao ở đây lại nhiều ve sầu thế, hàng ngàn, hàng triệu con. Bây giờ là đúng giữa trưa, nắng khô làm đọng cả thời gian và tiếng ve trở thành tiếng ru ngủ, đưa người ta vào cõi mộng miên man.

Thái bình đã đến từ lâu, lâu lắm rồi, mà anh lính vẫn tro tro chống giáo đứng canh hàng giờ, im như các tượng đá chung quanh, không hề cử động, không mỏi, không mệt, đến nỗi biến thành một phần tử kiến trúc trong khu đền này.

Thời đó, quan niệm xây đền không xây cao, mà chỉ xây theo chiều ngang, sân này nối sân kia, đền này tiếp theo đền khác, hồ nước lại nối hồ nước. Các sân thường rất lớn, có khi tro trụ lát gạch, có khi có tượng voi, chiến sĩ, tượng tướng giữ trận, quan lại đứng chầu với hia và mũ, cầm hốt trong tay.

Giữa các sân trồng trái đó, người ta xây đền với các mái bằng ngói đẹp. Bóng mặt trời buổi trưa che mất cột, kèo, cửa ngõ, làm người ta có cảm tưởng các mái vĩ đại đang nổi lơ lờ trong không.

Oanh chỉ có một mình trong sân gạch, đứng cách anh lính 8 thước (khi Oanh gặp tôi nàng cũng đứng cách tôi 8 thước). Nàng giữ ý tứ và ngạc nhiên vì sự có mặt của anh lính trong khung cảnh trầm lặng của rừng nhĩn, inh ỏi của đàn ve, và cổ kính của đền đài. Đôi mắt tím than của Oanh dò xét anh lính. Anh ta vẫn đứng yên. Nàng tiến lại gần thêm chút nữa, ngắm nghía, đắn đo. Khoảng cách này thực hợp để chụp hình anh lính. Mấy ngón tay trắng trẻo của Oanh loay hoay vặn máy. Đó là một cái máy chụp ảnh vuông như cái hộp, bọc da đen. Ống kính đủ sáng để chụp hình đẹp trên phim bằng kính mỏng. Oanh nhân tiện ngắm anh lính qua máy ảnh. Anh ta đội cái mũ làm bằng đồng, 4 mảnh đồng được nối vào nhau bằng sợi dây da trâu. Như mọi tất cả các anh lính khác thời đó, anh ta mặc một cái áo nâu đỏ, một cái quần trắng, bấp chân bó bằng vải đỏ. Một cái áo giáp bằng da trâu che ngực và lưng anh ta. Trên trán có trầm ba chữ "cảm tử quân".

Anh lính liếc nhanh nhìn Oanh, còn nhanh hơn cả máy chụp hình, anh ta đã nhận thấy rằng mũi Oanh cao và thẳng, khác hẳn các cô gái mũi tẹt mà anh quen, và đôi môi hồng, làn da trắng, làm tăng cái duyên sẵn có của Oanh, khác màu da bánh mật mà anh thường gặp. Anh ta biết rằng qua đôi mắt tím đen kia hình ảnh của anh đã lọt vào tận đáy mắt Oanh, như một sự đụng chạm cụ thể. Trong vài giây, Oanh bối rối, nhưng nàng lại tự chủ được ngay. Nàng lại trở thành một khách du lịch đi ngoạn cảnh các đền đài cổ. Tấm hình được đăng trên một tuần báo văn chương. Bây giờ tôi còn giữ một bản, nhưng tấm ảnh hình như cũ hơn một thế kỷ, mái ngói đã xiêu vẹo, các tượng thì sứt mẻ, có cái mất đầu, mất tay. Gạch trong sân đã phủ rêu và vài chỗ ngập cỏ dại. Binh phục của anh lính thì vá vúi nhiều chỗ, cây giáo cũng mất mũi nhọn. Nhưng bọn ve sầu vẫn ca hát, qua tấm hình, y như buổi chiều mà tôi ngồi chờ đợi Oanh tới. Tôi để đàn ve ru tôi vào tiếng éch nhái, châu chấu, dế mèn, mà cánh đồng quê này có rất nhiều.

Đêm nay, năm cũ qua năm mới, tôi lắng nghe Oanh kể chuyện anh lính thú đời xa. Rượu nồng đã cạn, pháo còn lác đác nổ đâu đây. Tôi nói với Oanh rằng sự gặp gỡ anh lính thú là điềm báo hiệu sự gặp gỡ giữa nàng và tôi. Oanh kéo tay tôi đứng dậy:

- Thôi, đừng nói nữa. Ra nhảy đi anh!

Tôi đứng lên, ôm Oanh vào tôi. Tôi tưởng tượng như tôi là anh lính. Dẫu rằng nếu anh ta ở đây, anh rất có thể nhảy với Oanh, uống và hát với Oanh, rồi sẽ yêu Oanh như tôi đang yêu nàng.

*

Mùa thu đến với lá vàng xào xạc trên mặt đường vắng. Những lá nhỏ còn xanh tấp tóe như một tấm màn treo trên nền trời xanh biếc. Con ve sầu khi ca hát suốt cả mùa hè bây giờ run rét trong một cái sân vắng teo. Nó rơi vào cái sân này vì kiệt sức và đói khát, thất vọng vì thiếu mặt trời, nhớ tiếc thời huy hoàng nhảy múa đã qua. Mỗi lần lướt bên tai ve sầu, gió thu lại hỏi:

- Hỏi cô gái đẹp! Cô bao nhiêu tuổi?

- 18 tuổi, ve sầu trả lời. Tôi đói và khát!

Nhưng gió đã đi nơi khác, leo qua tường đá tổ ong, len lỏi vào lá cây dây leo. Gió sẽ trở lại, và sẽ hỏi ghẹo hoài cô gái. Gió thu lạnh, mây thu xây thành, trong sân hiu quạnh, cô ve sầu vẫn run rế trong cái áo dạ hội mỏng manh, rách rưới, làm hở hang cái thân thể đều đặn để gió vô tình vuốt ve.

Tôi vẫn giữ tấm ảnh cô gái ve sầu, tóc dài chấm mông, trần truồng, đứng co ro vào một góc tường. Chân không ngập lá khô. Nàng thu tay trên ngực xinh xắn, da nàng vẫn sạch sẽ, trừ vài vết bunn rêu. "Chết trong một cái sân hiu quạnh, chết không ai hay, chết xó, chết xỉnh, tôi làm sao mà chết như vậy được?", cô gái buồn rầu tự hỏi.

Cô ve sầu giương giương cánh đã rách, cố bay lên mà không được, chỉ làm cánh rách thêm. Nàng quay lại chỗ cũ, làm như là chỗ đó đã được chỉ định từ lâu. Thôi, từ nay hết bay nhảy cảnh này qua cảnh khác, say mê ca hát với mùa hè, với nhựa cây ngọt ngào, với những ngày hội hè, nhảy múa chân không, váy mỏng bay tung, lộ đôi chân dài nõn nà.

*

Dưới ánh đèn lộng lẫy, cô gái để mồm gần sát vào mi-crô mà hát, tiếng thầm thì kêu gọi tha thiết trong một bầu âm thanh trầm trầm và mênh mang. Mắt cô to, mắt ve sầu, mắt gồm hàng trăm mắt phần tử, khi nửa nhắm, nửa mở, khi thì nhìn thẳng ném những tia sáng đủ màu, vừa giải bày các lời nhạc, lại vừa như từ chối các lời đó.

Ngồi trong một góc xa, trước một ly Gin-tonic, tôi để tiếng hát ru tôi vào thế giới của các đứa trẻ khổ sở. Và cô ve sầu là nàng tiên che chở chúng tôi.

Ban đồng ca gồm các cô gái mặc đồ đen và các cậu trai mặc đồ trắng hát phụ họa: "Đừng để nàng tiên rơi vào trong một cái sân vắng." Rồi lại hát trả lời: "Không! Không bao giờ em yêu anh!" Cô ve sầu, tung làn tóc xoã lên vai, quyết định đau khổ: "Vâng !Vâng! Không bao giờ em quên anh!"

Tôi nhủ thầm: "Chúng ta sẽ không bay qua biển dưới các vì sao nhấp nháy. Hành trình của chúng ta sẽ không còn một dấu vết nào." Và tôi cũng buồn khổ như cô gái. Tôi muốn Oanh có mặt cạnh tôi, nắm tay tôi, thì thảo đọc vào tai tôi những bài thơ vô tận. Rồi bất chợt cô gái vươn thân mình mỏng manh lên, quay tròn bắt đầu múa. Cô hát mạnh đầu làm tung bay tóc, chợt đứng khựng lại, rồi nhìn phải nhìn trái, y hệt con gà trọc đang khiêu khích địch thủ, rồi lại múa như hoa đào bay một ngày Tết. Nàng có trí nhớ phi thường từng cử chỉ dù nhỏ nhặt của bài múa. Nàng sống bản khiêu vũ này, chứ không phải là múa thôi, làm tôi ngây người ra nhìn.

Rồi không biết sao, tôi đi theo cô gái, quàng tay lên cái eo xinh xinh, như eo của một con ong, cảm rõ rệt từng cử động nhỏ của thân thể nàng. Chúng tôi hoà lẫn vào đám đông ra nhảy. Cô

ve sầu tiếp tục hát khe khẽ, nhưng rất đam mê. Sự giải thoát chợt đến. Không còn có thảm kịch nữa, không còn bùa ngải. Tất cả trở nên bình thường. Còn có gì bình thường hơn cái quán khiêu vũ này, nơi mà tôi đã mời cô gái tới? Đứa trẻ bơ vơ sống trong hầm tối - Tôi sẽ đọc đoạn này trong cuốn truyện Oanh viết - và cô ve sầu đọa đày, biến thành một cặp trẻ tuổi đang ôm nhau nhảy như tất cả các cặp trẻ tuổi khác.

*

Nhạc trở nên hỗn loạn, rất lớn, rất mạnh, làm rung các lồng ngực. Các tia laser chiếu khắp nơi, gặp nhau, rời nhau, thành các hình ảnh bất ngờ. Các cặp nhảy tung bồng. Trong bóng tối, tôi không nhìn thấy cái áo đen của ve sầu, mà chỉ thấy các vòng vàng chói, làm nổi bật các thân thể tròn trĩnh, cái khuôn mặt trái xoan với đôi mắt đen xanh (như đôi mắt của một con ve), tròn, to; đôi môi nhấp nhánh hút điếu thuốc lá, khói thuốc bay lẫn vào các tia laser như sương mù trong thung lũng mùa đông. Tôi định ôm cô gái thì cô ta sát người vào người tôi y như tôi mong muốn, y như sự mong muốn trong một giấc mơ, và hai đầu chúng tôi chạm vào nhau. Tiện thể chúng tôi nhảy, má cọ má, lắng nghe nhạc du dương.

- Em bao nhiêu tuổi? Tôi hỏi khẽ cô gái.

- Anh nói nhẹ như gió mùa thu.

- Ủa? Em có nghe thấy anh nói không?

- Tiếng của anh đã bị nhạc mang đi mất rồi.

- Em bao nhiêu tuổi?

Cô gái lùi lại một bước nhìn tôi. Chúng tôi mỉm cười. Tôi không hiểu tại sao tôi lại hỏi tuổi cô gái, làm như tôi buột miệng mà hỏi chứ không phải tôi muốn. Cô gái lấy ngón tay để nhẹ lên mí mắt tôi.

- Em mới 18 tuổi. Em đang khát nước!

Ly của ve sầu đã cạn, tôi cầm lấy ly của tôi đưa cho cô gái. Cô ngửa đầu uống một hơi hết. Tôi nói:

- Tôi tên là Đờm. Một thứ tên quê mùa, như cái lòng quê của tôi.

Tôi muốn hỏi cô gái địa chỉ và số dây nói. Cô ta trả lời với một nụ cười:

- Tên em là Ve... Ve Sầu!

- Tên nghe cũng là lạ!

- Có gì mà lạ! Em tên là Ve, tiện thể người ta gọi em là Ve Sầu. Ve thì vui, ve có bao giờ sầu! Sầu là buồn bã sầu muộn. Thực là trước ngực.

- Vậy em tên thật là gì?

- Sao mà anh tò mò thế! Nàng trả lời và ngả đầu lên vai tôi. Tóc nàng làm buồn buồn trên cổ tôi, nhưng tôi không nhúc nhích mà cũng không hỏi thêm gì nữa. Tôi chỉ ôm cái lưng nhẹ bồng, nhẹ

đến nỗi có thể bay bổng lên được. Vẫy cánh vài cái là cô gái sẽ từ từ bay lên không, giữa trần nhà, cạnh cái quả bóng tròn làm bằng hàng trăm mảnh kiếng nhỏ.

Tôi ngắm khuôn mặt nàng trong bóng tối, khuôn mặt thanh và đẹp, như tất cả các cô gái thời này, như là vừa mới ra từ một tạp chí thẩm mỹ. Tự nhiên tôi thấy nhẹ nhõm cả tâm hồn, vì không bao giờ tôi sẽ mất nàng, vì còn bao nhiêu cô gái gần hoàn toàn giống nàng trên trái đất này. Tôi thoát khỏi sự độc nhất của bản thể để tìm thấy sự biến dạng và đa dạng của mọi vật, không những qua đời trước đời sau mà ngay cả lúc này.

- Người ta gọi em là Ve Sầu vì em lúc nào chẳng vô tư lự, hay hát, thích nhảy.

Sau khi giải thích, cô gái dơ ngón tay trở đánh nhịp theo âm nhạc, đầu hơi lắc lư, mắt lạc vào hư vô. Rồi thân thể nàng bắt đầu theo nhịp, như bị thúc giục bởi một nhu cầu cần thiết.

- Anh muốn nhảy không? Ve Sầu hỏi tôi. Tôi đứng dậy, cầm tay nàng, dẫn nàng đi len lỏi qua các bàn ghế. Trong khi đi, tôi đụng chân vào một cái va ly -Ai lại đến chỗ khiêu vũ này với một cái valy ? - Đặt dưới một cái bàn. Một người đàn ông hình dáng tầm thường xin lỗi tôi. Nhưng tôi đâu có để ý tới ông ta tôi chỉ chú ý đến cô gái Ve Sầu đang nắm nhẹ tay tôi nhiều lần như muốn truyền cho tôi một điều gì bí mật.

Tôi nhìn kỹ cô gái, đôi mắt xanh đậm phần như đen, đôi môi đỏ chói, cái thân thể nõn nà trong các vòng băng tròn màu vàng, và dò hỏi cô ta muốn nói gì. Đó là một sự mời mọc, một cái gì thân mật, giản dị như một bông hoa đang nở, vô ích như một vì sao lạc.

Trông nàng nõn nà và tin cẩn làm tôi tưởng tôi là một con rắn cấp đớp một con nhái béo ngậy, dễ dàng, ngon lành.

Nhạc trở rafgac, rồi đánh bossa-nova, tango, blues, rock, disco, soul, tecno, thực đủ loại. Theo nhạc, cô gái uyển chuyển người, đôi hông tròn, đôi chân lê trên sàn theo điệu nhảy 1950 của Jane Powell hay Debbie Reynold. Nàng quay quanh tôi, trong cái áo đen vàng, khi chạm vào tôi, khi chạy ra xa. Nàng khe khẽ hát, nàng ôm tôi vào đôi tay mảnh mai, quay lưng đi, quay mặt lại, chân tay mềm mại, vung tóc đập vào mặt tôi. Nàng thực là một con ve chỉ biết hát và nhảy.

Khi gần tôi, nàng ghé vào tai tôi hỏi:

- Anh có để ý anh chàng có cái valy?

- Có, có chứ...

Tôi chưa nói xong thì nàng đã đi lẫn vào đám người đang nhảy. Khi nàng quay lại thì nàng lại nói nhỏ:

- Anh chàng hoàn toàn lạc lõng ở nơi này, anh ta ăn mặc như một người bán hàng dạo.

Rồi nàng lại biến đi, bụng rung chuyển múa như một cô vũ nữ chuyên môn múa bụng. Rồi nàng quay thành những hình tròn, như thế đủ biết nàng khéo léo múa làm sao. Nàng nháy tôi:

- Anh chàng có thể là thám tử theo dõi cặp nhân tình ngồi cạnh cái cột đá, nàng mặc hoàn toàn trắng, chàng cũng mặc đồ trắng, đầu đội cái mũ rơm. Chắc nàng rất giàu, anh chàng chắc chả kém. Anh có để ý thấy hòn kim cương to tướng mà nàng đeo ở ngón tay ?

Như để trả lời tôi, hòn kim cương rơi vào mắt tôi một tia sáng màu lam rực rỡ làm tôi bàng hoàng. Anh chàng có lẽ là một kỹ nghệ gia đi du lịch, tóc phần trắng xoá, mắt sáng nhìn thẳng vào mắt người ta, da rám nắng, thân thể mạnh mẽ như một nhà thể thao. Còn cô gái thì giống Oanh quá, đến nỗi tôi muốn chạy lại hỏi xem nàng có phải là Oanh không. Đã nhiều lần tôi gặp những người giống nhau như hai giọt nước. Chính tôi cũng giống y hệt một nhạc trưởng nổi danh, đến nỗi một bà bạn cũ đã cắt hình ông ta trong báo để gửi cho tôi. Vậy cô gái ngồi kia có thể là hay không là Oanh. Tôi tạm gọi nàng là Oanh cho tiện kể tiếp.

Anh kỹ nghệ gia - hay khách du lịch - nâng cốc sâm banh, Oanh cũng nâng cốc. Hai người uống, mắt nhìn mắt, tay quàng tay. Mắt cô gái - hay là mắt Oanh? - nhìn tôi trong hai giây như dò hỏi, rồi nhìn đám người đang khiêu vũ, cô Ve Sầu cạnh tôi, anh kỹ nghệ gia; anh này trả lời cái nhìn bằng một nụ cười sáng loáng như trăng lưỡi liềm, vì răng anh rất trắng, rất đều. Ngay lúc đó, có lẽ một ảo tưởng, tôi nhìn thấy một hình người cao bằng ngón tay trở đang múa trong cốc sâm banh của Oanh. Sau khi múa vài cử động, hình người đó biến mất, sung sướng như khi đã hiện ra, chứng nhận rằng dù là ảo ảnh hán cũng đã sống. Tôi không dám thổ lộ gì cho Ve Sầu, sợ nàng cho tôi là lập dị.

Khi Ve Sầu và tôi trở về bàn của chúng tôi, tôi cố ý đi sát vào bàn của Oanh và anh kỹ nghệ gia. Cái nhẫn kim cương thực là đẹp, luôn luôn ném những tia sáng đủ màu đi mọi hướng. Và tôi thấy rõ rằng trong ly sâm banh của Oanh không có một hình nộm nào cả.

Ve Sầu thúc khuỷu tay vào tôi:

- Anh chàng có cái valy đã đi rồi.

- Chắc anh ta đã chán cảnh nhẩy nhót.

- Không, anh ta đi vì anh ta yêu cái cô áo trắng đeo nhẫn kim cương. Em khát nước. Anh kêu một ly Gin-tonic cho em đi !

Chúng tôi ngồi sát vào nhau, nàng để tay vào tay tôi, cử chỉ này làm tôi cảm động vì đã nhắc đi nhắc lại hàng nghìn năm rồi. Đôi môi nàng mấp máy hát buồn buồn cạnh tai tôi, thu gọn chúng tôi vào một thứ tình yêu cô độc chỉ có hai người, tiếng hát gần gũi, rõ rệt đến nỗi tôi có thể sờ nó, hôn nó được. Tôi thoáng thấy mùi thơm say say của nhãn, vài quả chín, như mùi rượu. Tự nhiên tôi muốn tâm sự, và thú thực:

- Tôi chỉ là một hình nộm bé nhỏ, tôi ngạc nhiên nói.

- Ai giật dây anh? Phải có người giật dây thì hình nộm mới sống được. Hình nộm chỉ sống cho một người nào, vì một người nào.

- Anh chàng có cái valy cũng là tôi!

Cô Ve Sầu cười, thích thú. Đờm tìm cách giải thích cho cô gái:

- Thực vậy! Dù rằng rất khó tin. Ve nhìn kỹ tôi mà xem!

Nàng ngồi thẳng lên nhìn Đờm mà như không thấy Đờm. Các tia laser, sau khi phản chiếu vào hàng trăm tấm kính của quả cầu, làm Đờm giống thứ hình nhấp nháy không thực của một cuộn phim đen trắng cũ.

- Còn cô gái áo trắng tên là Oanh.

- Anh biết nhiều điều nhỉ, cô Ve Sầu gheo Đờm.

Và nàng lôi tôi ra khỏi sàn nhảy.

Ánh sáng, âm nhạc, trộn lẫn nhau, trả lời nhau. Đôi chân không của Ve Sầu lướt trên sàn gỗ hầu như không chạm. Người ta có cảm tưởng là nàng biết bay. Thực vậy, nàng nhẹ nhàng, lượn đi lượn lại, đôi khi kéo cái váy lên lộ đôi chân dài, thon thon. Tại sao mà nàng thèm khát sống như vậy? Làm sao mà nàng sống đam mê mãnh liệt như vậy? Tôi chạy theo Ve Sầu, ngửi các mùi quả chín trong từng nếp áo và tôi hát lớn hơn mọi khi.

Phụ đính I:

Con gà ổng

Tôi đi nghênh ngang giữa đám cỏ may, đầu tôi quay phải, quay trái, mắt tôi nhìn một cách kiêu ngạo, chân tôi nhấc lên cao, các ngón chân quắp lại rồi mở ra từ từ đặt xuống đất, rồi chân kia lại nhấc lên, các ngón chân quắp lại rồi mở ra từ từ đặt xuống đất, cứ như thế tôi đi, nghênh ngang, như một chiến sĩ thời xưa.

Nắng lên cao chiếu xiên vào con mắt màu đồng thau của tôi, tôi nháy mắt một cái. Khởi chói mắt, tôi lại mở to mắt, trừng trừng nhìn mọi vật. Những bông hoa dại nắng mở to màu tung ánh nắng, những bông hoa nằm trên những thân hoa mỏng manh. Các con bướm bay hỗn độn thành những điểm dài ngắn. Những đàn ve thi nhau kêu trong các lùm cây, vang từ cây này sang cây khác, gọi nhau, trả lời nhau, từ xa vang ròn rập lại, như một bản nhạc.

Một bàn tay con gái xinh xắn để trên cửa vườn. Có tiếng cười vui vẻ rồi cửa vườn mở ra, một cô gái trẻ tuổi bước vào. Theo sau là một người đàn ông trạc ngoài bốn mươi, quần áo màu xám nhạt, chân đi giày da nhẹ, đeo đôi kính đen to che gần hết mặt.

Cô gái chột dừng lại, để tay lên miệng, kêu lên:

“Trời ơi! Đẹp quá! Tuấn có thấy thế không?”

Người đàn ông mỉm cười, tay đặt lên lưng cô gái:

“Đẹp và trẻ như An vậy!”

An mở to mắt, gió làm rung nhẹ hàng mi, làm trong thêm màu của mắt. Các cây cỏ xanh cũng rung rung nhẹ, các bông hoa lắc lư trên nền trời cao xanh ngắt.

Từ xa, ngoài tiếng ve kêu, lại có tiếng gõ mõ tụng kinh nổi lên. Tiếng mõ đều đều chìm nổi trong tiếng ve.

Hai người nhìn nhau mỉm cười:

“Một cái vườn hoang đầy cỏ rậm!”

“Có ai vào đây không anh?”

“Vườn của nhà anh, ai dám vào? Ê! Có chú gà trẻ tuổi!”

Tuấn ném vào chân tôi một hòn sỏi. Tôi kêu “quác” một tiếng rồi vỗ cánh chạy. Nhưng tôi chạy không xa, tôi dừng lại cách họ vài chục thước rồi dương cổ dương mắt để xem họ sẽ làm trò gì.

Chàng bốn mươi tuổi nhìn tôi trừng trừng rồi xùy một tiếng để dọa tôi. Tôi giật mình nhẩy vài bước rồi lại đứng yên. Bỗng chàng trai phá lên cười to. Chàng nói thắm vào tai An:

“Em có thích ăn thịt gà không?”

“Có, nhưng chú gà kia đẹp trai quá, ăn hẳn, tội nghiệp.”

“Em ăn gà ống bao giờ chưa?”

Tôi tò mò lắng tai nghe.

“Người ta bắt một con gà còn non, đút vào một cái ống tre, nuôi hẳn ở trong đó. Khi hẳn lớn lên, thân thể sẽ thon dài như cái ống, trụi thui lụi không có tí lông nào cả.

An khoái trí cười:

“Trụi thui lụi! Vâng, em sẽ ăn gà ống. Có ngon không anh?”

Tuấn lấy ngón tay xoáy vào má:

“Ngon tuyệt trần!”

Tôi bị trói hai chân, nằm cạnh Tuấn và An. Tiếng mõ vẫn đều đều gõ nhịp. Cô gái nằm ngửa, miệng ngậm cái cỏ, răng trắng sẽ nhấm lá cỏ xanh, chàng trai nằm sấp, tay chống vào cằm, ngấm cô gái:

“Anh yêu em.”

“Thế hả?”

“Ừ, anh yêu em”

“Yêu bằng ngàn nào?”

“Bằng tất cả tuổi già của anh.”

“Chỉ nói bậy thôi. Dù anh có già cũng không sao. Em yêu các cụ già.”

Khuôn mặt cô gái hiền lành, đôi mắt khẽ nhắm lại, dịu như đứng trước bàn thờ Phật. Tiếng mõ đều đều như muốn ru cô gái vào cõi mộng.

“Em yêu anh!”

“Anh yêu em!”

Cô gái trắng trẻo nằm trên cỏ, ngon lành như một con sâu lạ.

Không hiểu những kiếp trước tôi đã làm nên tội tình gì ghê gớm mà kiếp này trời đầy tôi làm con gà ống. Tôi bị đút vào trong một cái ống tre, chân cánh bẹp dí, thân thể chật chội, khó thở, tức ngực, chóng mặt, rức đầu, lúc nào tôi cũng hầm hấp nóng như đang sốt, khi ăn nhiều thì ợ chua, không tiêu, đôi khi nước mắt trào ra, dãi chảy quanh mỏ, thực y như tôi đang mang một chứng bệnh kỳ dị.

Nằm cạnh tôi là một con gà mái, chắt vào ống đã lâu, nên khi thấy tôi, cô chỉ nói: “Chào anh!”, rồi thản nhiên đớp mấy hạt gạo trước mặt. Ít khi tôi được nhìn một cô gà xấu như cô ta. Cho đến bây giờ tôi cũng chưa biết tên cô ta là gì. Cứ tạm gọi là Lém.

Lém béo tròn, mắt chỉ còn hai cái khe mỏng. Mỏ Lém tái nhợt, lông của cô ta cũng vậy, bởi vì thiếu ánh mặt trời.

Tôi cựa quậy, thêm một lần nữa tôi hy vọng thoát khỏi cái ống. Tôi nguyện rửa loài người. Lém bảo tôi:

“Vô ích anh ạ! Anh cứ việc đợi ngày giải thoát. Ăn cũng là một cái thú.”

Tôi mĩa mai:

“Thế còn tình yêu?”

Lém nhún vai, tôi đoán là Lém nhún vai, nói:

“Đôi khi tôi cũng muốn yêu. Bây giờ tôi khinh tình yêu xác thịt, tôi có nhiều thì giờ để mơ mộng tới yêu. Tôi hoàn toàn yêu bằng tinh thần”

Tôi cười:

“Lúc cô ngứa, làm thế nào gãi?”

Lém lại nhún vai:

“Đổi cảm giác ngứa thành một cảm giác dễ chịu và cảm giác đó tan dần khắp thân thể.”

“Trời xanh, những đoá hoa, gió mát?”

“Trời xanh đối với tôi đẹp hơn trước. Tôi ăn, tôi sống sung sướng hơn ngày xưa.”

Tôi tức giận không nói nữa. Lém lim dim mắt ngủ, hay mơ mộng. Tôi há to mỏ kêu quác quác âm lên.

An chạy vào, vẫn đẹp như tiên, tóc rủ xuống vai, trần truồng. An quỳ xuống cạnh tôi, các ngón tay vuốt ve mào tôi, miệng thì thầm nói:

“Tội nghiệp chú bé!”

Đầu tôi áp vào vú An, tròn trĩnh, ấm áp. Tay An ép đầu tôi vào ngực nàng. Tôi hơi tức thờ, tôi khe khẽ ngó ngoáy đầu để thoát khỏi bàn tay cô gái. Bàn tay An buông lỏng dần ra, miệng An vẫn thì thầm những tiếng ngọt ngào, đôi mắt An nhìn tôi đăm đăm. Tôi mổ nhẹ lên ngực An vì trông ngon lành quá.

Tôi để mổ chạy quanh ngực An, như một bộ hành đi quanh cái đồi cỏ. An từ từ đứng dậy, thân thể của nàng chạy trước mắt tôi, thông thả như không bao giờ hết. Khi đám cỏ tóc tiên lên tới nơi, tôi hôn lên đó, say mê như được trở về vườn cũ của tôi.

Tôi yêu An từ ngày hôm nay.

Một ngày hai lần một bà vào cho chúng tôi ăn. Bà già lắm, mắt kém, đi chậm chạp, mồm lắm bầm nói chuyện một mình, đổ gạo thì khi xa quá, khi đổ lên đầu chúng tôi. Trước khi đi ra, bà thường cho chúng tôi mỗi đứa một cái tát rồi mắng:

“Đồ ăn hại!”

Và khi tôi mổ một cái thực đau vào tay bà, bà lại lắm bầm:

“À, thấy bà già thì bắt nạt? Rồi thì biết tay bà. Tiên sư cả họ nhà gà!”

Tiếp theo là những tiếng tôi không thể hiểu nổi. Đại khái là “ppp-chchtt!” nghe như hơi nước tức mình thoát khỏi nồi cơm.

Chỗ chúng tôi nằm là một cái lò sưởi bằng đá hoa, rất thấp, rất sạch sẽ vì bà già luôn luôn quét dọn. Chúng tôi là một trong những đồ trang hoàng cho căn phòng khách rộng mênh mông, kỳ dị và trắng xóa.

Nằm cạnh Lém, ít khi tôi nhìn về phía nàng. Lém chỉ là một con gà mái béo tròn, tính tình ngoan ngoáo, hay thù vặt và làm bộ. Mỗi lần tôi nhìn Lém thì Lém lại quay mặt đi, vênh mặt lên, như tôi đang thèm muốn nàng lắm. Một hôm mãi ăn, tôi vô tình mổ sang đồng gạo của Lém, Lém quay phắt đầu lại:

“Ê hay chữa! người ta là con gái đứng đắn!”

Tôi giật mình ra khỏi sự đặng trí. May cho Lém là tôi bị kẹt trong ống. Nếu ở ngoài vườn thì tôi đã nhảy phắt lên lưng Lém cho hết làm bộ.

Cuộc đời cứ như vậy, bé nhỏ, tù hãm, ăn ngủ, vô nghĩa lý, trôi qua dần.

Năm đó mùa đông đến sớm, nhưng là một mùa đông đẹp, khô ráo. Một buổi sáng chủ nhật nhàn rãi, một buổi sáng chủ nhật thư thả, thời gian dừng lại trên nắng vàng, trên hè phố, trên cành cây. Ngoài phố loài người riu rít đi lại, quần áo chủ nhật mới đẹp, quần quít, các cánh tay khoác nhau, yêu nhau. Một vài cô ở trên cửa sổ lau kính và dưới đường vài cậu trai và vài ông già đứng lại, ngược đầu lên nhìn đôi chân song song. Một đàn trẻ con chạy ào ra công viên, kêu hét rầm rĩ, rồi biến mất, như đàn chim sẻ, làm các cô gái cuống quýt đi tìm. Các bà già rộng lượng, đi thông thả, hiền từ nhìn cuộc đời thái bình và bình thản.

Nằm trong ống, tôi thấy tức thờ hơn mọi khi. Tôi đã lớn nên ống càng chật hơn. Tôi cảm thấy thân thể tôi không thể nở bè ngang được kéo dài ra theo chiều cái ống. Tôi không cảm thấy chân tôi đau nữa. Tự nhiên tôi vỗ cánh một cách tưởng tượng, rồi tôi muốn gáy thành “cô-cô-ri-

côô!” nhưng ngực tôi bẹp nên tôi chỉ gáy thành “pi-pi-pi i!”. Tôi phì cười, cười to, sặc sụa, lăn lóc. Cái ống tuột khỏi cái kệ, lăn trên lò sưởi rồi rơi xuống đất, vỡ toang ra.

Tôi trần trụi trụi, ngơ ngác nằm trên mặt đá hoa lạnh. Sự bất ngờ làm tôi choáng váng một lúc.

Tôi đã tự do! Bây giờ phải trốn mau về thiên nhiên, bay về rừng núi xa thẳm để quên hết.

Tôi cố cử động đôi chân. Mấy ngón bắt đầu xò ra đóng lại, rồi đôi đùi tách ra khỏi thân thể. Tôi cọ quây, quay tròn, nằm nghiêng, lăn phải, lăn trái, tôi chống mỏ xuống đất để gượng đứng dậy. Và tôi thông thả đứng lên hai chân tôi, run rẩy, nhưng tôi đứng được.

Lém nằm trên lò sưởi bấy giờ mới lên tiếng:

“Đi đâu thế anh?”

“Trở về vườn, chạy, nhảy, yêu, sống.”

“Đừng lo anh ạ, đã có số mệnh lo cho chúng ta. Số mệnh xếp đặt mọi sự đâu vào đấy.”

Tâm sự của An

Năm nay tôi đã 16 tuổi mà vẫn còn trinh. Điều này ám ảnh tôi suốt ngày. Không phải tôi cho rằng trinh tiết là quan trọng, nhưng tôi rất lãng mạn nên tôi muốn mất trinh một cách lãng mạn, để ngày sau còn có thể nhớ tới lúc đó một cách sung sướng. Theo ý tôi trước hết phải chọn người. Những cậu trai trạc tuổi tôi không làm xong việc. Họ ít tiền, không có kinh nghiệm, không có phương tiện và nhất là họ ích kỷ, chỉ nghĩ đến sự khoái lạc của họ. Nhiều cô bạn tôi đã kể lại những kinh nghiệm của họ, và tôi thất vọng. Vậy tại sao tôi lại không chọn một người đàn ông trạc bốn mươi? Đẹp trai, nếu có ít tóc bạc thì càng hay, có vợ rồi cũng được, có lẽ tôi thích ông ta có vợ rồi.

Tôi bắt đầu lựa trong đám bạn của cha tôi. Ít ra một lần một tuần cha tôi thường mời khách đến nhà ăn cơm. Tôi vẫn được cha mẹ tôi chiều nên tôi vẫn được dự vào các bữa ăn đó. Không những thế, cha tôi lại hãnh diện có một cô gái xinh như tôi.

Một buổi tối tôi đã sửa soạn xong, đang ngồi ở phòng khách để đón khách thì có chuông gọi cửa. Cô ở lon ton chạy ra, rồi có tiếng mở cửa. Cô ở báo:

“Ông Tuấn.”

Tuấn hiện ra trong khung cửa. Tôi mỉm cười nhìn Tuấn từ đầu đến chân. Tuấn trạc bốn mươi, cao và mảnh khảnh, khuôn mặt sành sỏi và nụ cười quyến rũ. Tôi nói:

“Mời ông ngồi chơi, cha mẹ tôi về chậm.”

Tuấn thông thả ngồi xuống, mắt chàng đã nhìn rất nhanh, một cách lơ đãng tự nhiên, khắp người tôi.

Tuấn ngồi bắt chéo chân, rút bao thuốc lá ra mời tôi:

“Cô hút thuốc? Cha mẹ cô cho phép cô hút thuốc?”

Tôi mỉm cười. Tuấn hơi nheo mắt sau làn khói và lại một lần nữa mắt Tuấn nhìn vào đầu gối tôi. Tuấn nói:

“Ba cô vẫn thường nói đến cô, tôi tưởng cô chỉ là cô bé vài ba tuổi...”

“Tôi gọi ba tôi là cha...”

Tuấn ngạc nhiên không biết nói gì. Tôi tiếp theo:

“Tôi không thích gọi cha tôi là ba. Ba là gì? Ba, bốn, năm?”

Tuấn cười to:

“Còn tôi, tôi gọi cha tôi là ông cụ!”

“Ông cụ nghe cũng hay. Các bạn tôi khi nói đến cha mẹ họ thường gọi là ông cụ, bà cụ.”

Tôi nhìn ngón tay Tuấn, thấy có cái nhẫn cưới:

“Thưa ông, bà Tuấn có đến không ạ?”

“Nhà tôi bận chút việc, sẽ đến chậm mười lăm phút, tức là nửa giờ.”

Tôi cười:

“Ông xét xử đàn bà một cách khe khắt quá. Sự chậm trễ làm tăng cái đẹp của sự gấp gáp, ông không thấy thế?”

Cô ở mang mấy chén trà ra, Tuấn đã liếc nhanh trên thân thể cô ta, và đôi mắt hơi chậm lên đôi chân thon thon của cô ở. Có lẽ Tuấn cho tôi còn nhỏ quá nên không giữ gìn, có lẽ tại tôi để ý nhận xét nên thấy rõ quá, có lẽ tôi tưởng tượng nhiều. Tôi nâng chén:

“Mời ông xơi trà.”

“Mời cô.”

“Trong khi đợi mọi người, ông có muốn nghe chút nhạc? Ông thích nhạc gì? Một cái gì vui vui, tre trẻ?”

Chuyến đi ra biển sau đêm Tết

Tôi cúi xuống mặt An, thông thả đến nỗi tôi đủ thì giờ nhận thấy không khí yên lặng, tiếng động xa xôi của tỉnh thành, những đồ vật bình thản trong buồng, trên tường bức tranh hình dung những cô gái ngày xưa béo tròn đang tắm trên bờ suối dưới những vòm cây um tùm. Khuôn mặt An không động, đôi mắt mở to nhìn thẳng vào tôi. Tôi nhận rõ màu trắng dịu của da An, đôi mắt sáng như hai hòn bi bằng thủy tinh, hai con mắt giống như hai món đồ chơi lạ chứ không phải là những con mắt. Môi tôi êm hẵn đi, như một ngày không mưa mà cũng không nắng,

bằng khuôn như khi trở lại hồi còn bé bảy tám tuổi chạy nhông đốt pháo giữa một ngày tết vắng tanh, ở một khu phố buồn, lạnh.

Chúng tôi ra khỏi tỉnh thành và bắt đầu vào một con đường lớn.

Tiếng xe chạy đều đều. Cây cối thong thả quay mình chạy vội về phía sau. Vài cái nhà lơ lửng trên cánh đồng. Phía xa là đồi, vài cây thông có tàn mọc thành hàng thẳng băng. Không khí của ngày tết vẫn nằm đây, trong xe, giữa tôi và An, làn tóc óng ánh, khuôn mặt trẻ, đôi mắt bình thản dưới hàng mi dài, đôi lông mày ngoan lạnh, hai bàn tay nhỏ chắp trên đùi, mùi thơm rộng rãi như có trầm, có sáp, có xạ, mùi xa lạ của các ngọn nến lung lay.

An mỉm cười, hơi quay lại, đôi mắt nhìn tôi như muốn hỏi gì lại thôi. An lại ngồi nhìn thẳng ra trước mặt. Ánh sáng trắng nhợt phản chiếu từ các mảng mây nửa xám nửa trắng lên khuôn mặt An, khuôn mặt đón nhận sự mát mẻ của trời vừa mưa xong. Nụ cười vẫn còn đọng trên môi An, môi hơi hồng, hơi mệt mỏi vì đêm qua tôi thức khuya uống rượu nói chuyện nhiều.

“An vẫn muốn ra biển chứ?”

“Vâng.”

“Mùa đông biển hoang vắng, gió lạnh, sóng gào trắng bọt”

“Vâng.”

“Và An mới có 16 tuổi!”

“Vâng.”

“Em ngoan quá, bao giờ cũng vâng!”

“Vâng.”

“Hay em mệt vì chuyện đêm qua?”

“Vâng.”

“Đã mệt lại còn ra biển đứng trơ vơ trên bãi cát, em sẽ buồn thêm.”

“Vâng.”

An phá ra cười. Tiếng cười trong trẻo, tự nhiên, ròn tan như thủy tinh vỡ. Đôi vai bé nhỏ khẽ run lên. Cánh tay trần của An tròn trĩnh, ôm choàng lấy cổ tôi, làm chiếc xe chạy loạng choạng.

Tâm sự của Tuấn

Bây giờ vào cuối tháng ba, trời đã trong và có nắng. Lá cây đã trở lại màu xanh, xanh trong, xanh nhạt, rung trước gió nhẹ, thân cây màu nâu sẫm tươi như hoa, hoa ướt những giọt sương sớm còn lại.

Trên công viên lát đá trắng đã đầy người. Một nhóm khách du lịch đeo máy ảnh ngơ ngác nhìn, ngắm, chụp, nói chuyện. Hai cô bé học trò mặc sạch sẽ dắt tay nhau vừa đi vừa nhảy. Vài chiếc xe buýt nối đuôi nhau đậu cạnh lề đường.

Tôi bỏ tay vào túi quần, thong thả trèo lên các bậc đá trắng, để đến chỗ hẹn. Gió thổi tung mái tóc bốn mươi tuổi của tôi, quần áo màu sáng sủa, cravat xám nhạt, giày nhẹ. Tôi đeo một đôi kính đen to, che gần hết mặt.

Tôi dừng lại cạnh một bể nước, tay vẫn còn trong túi quần, nhìn quanh để kiếm An. Chưa thấy An đến, tôi lấy tẩu thuốc ra, nhồi thuốc lá vào, thong thả, nhìn suối nước ào ào xuống bể nước, cho tẩu thuốc lên miệng, châm lửa, hút mấy hơi dài, khói thuốc xanh nhạt bay nhanh trong không khí thơm ngọt.

Một cậu bé con, chừng năm tuổi, không biết ở đâu chạy ra, nhất định đẩy tôi xuống bể nước. Tôi vẫn đứng trơ trơ, đôi kính đen phản chiếu ánh mặt trời, trời xanh, lá cây, xe cộ, mọi người.

Cậu bé cúi kính đấm vào đùi tôi. Một cô gái chừng 19 tuổi, chắc là ngoại quốc và là người coi cậu bé, cười với tôi rồi lôi cậu bé đi. Cậu bé bướng bỉnh đứng lại.

“Cho tôi hút pip! Một hơi thôi!”

Đôi kính đen của tôi vẫn nhìn thẳng ra xa, nhưng mắt tôi liếc xuống cô gái đang tuổi dậy thì, ngực nở nang, háng rộng, chân thon, tóc nâu, mắt nâu, trông có vẻ là người Ý.

Cô gái nói với cậu bé:

“Vieni! Non fare lo scemo!” (Lại đây! Đừng có làm thằng điên!)

Cậu bé:

“Cho tôi hút thuốc với, một hơi thôi!”

Cô gái:

“Xin lỗi ông! Thằng nhỏ cứng đầu lắm!”

Tôi đưa tẩu thuốc cho cậu bé. Cậu chụp ngay lấy, hút một hơi dài, ho chảy cả nước mắt, rồi khóc.

Cô gái nhìn tôi một cách trách móc, lôi cậu bé đi mất, lẫn vào các thân cây, vào vườn cho trẻ con.

Tôi nhìn cô gái, chân cô ta ngon lành, tôi nghĩ vẫn vợ.

Nhiều cô gái đi ngang qua tôi. Tôi nhìn họ sau đôi kính đen, nghĩ vẫn vợ.

Dưới kia An đang đi lên, gió tung tóc nàng. An đi từng bước, từng bậc, thong thả, An đi lên, nhịp nhàng, đôi đùi cử động, tôi bay tung, An đi lên, khuôn mặt ngược lên, về phía tôi, An giơ tay vẫy, bàn tay bé nhỏ, cánh tay mỏng mảnh, trẻ trung, đúng với cái tuổi mười sáu của nàng, miệng cười tươi, chân bước vội hơn, tay trái An vẫn cầm tập sách.

Tôi bỏ tay khỏi tượng đá, từ cao bước xuống. An nhìn lên, tôi nhìn xuống cùng bước. Tự nhiên tôi nghe thấy nhạc của Vivaldi, bài Bốn mùa, nhẹ nhàng dâng lên.

An đứng cạnh tôi:

“Em đến chậm phải không?”

Tôi giơ cái đồng hồ đen si ở cổ tay tôi:

“Chậm năm phút. Ba má em mạnh giỏi chứ?”

An nhún vai:

“Các cụ lúc nào cũng mạnh. Cám ơn anh. Thôi, đi chơi đi anh.”

An giơ tay vẫy trong nắng, tay kia vẫn ôm chồng sách. Bàn tay thon, ngón tay hồng nhỏ nhắn, ngực còn non mới nhô sau lần áo, má còn lông tơ dịu, môi không son đều đặn.

Tôi thản nhiên nhìn An từ đầu đến chân:

“Em đẹp quá!”

Vài người tò mò dừng lại nhìn chúng tôi. An khoác tay tôi, nói:

“Ba cho con đi ăn cà-rem!”

Chúng tôi đi lẫn vào đám đông.

An nằm sấp trên giường, phía sau nàng là khung cửa sổ đầy ánh sáng làm khuôn mặt An dịu, mắt mở trên vải trắng xóa, tóc An rủ xuống đôi vai tròn.

Tôi nghiêng đầu nhìn An không chán, vuốt ve khuôn mặt An bằng cái nhìn, môi An hơi mỉm cười, đôi mắt phản chiếu bóng tối sâu, êm và gọn gàng giữ tôi lại chặt chẽ. Đùi An man mát để nhẹ lên da tôi.

Tôi để An nằm trên giường, như một cành cây non còn lộc xanh, búp mới nhô, và tôi thong thả đi trên sàn gạch lạnh màu xanh đậm lấp lánh ánh mặt trời. Tôi đi từng bước chậm, nhỏ, như đang theo một đám rước. Tôi đi như thế không biết bao nhiêu lâu và tôi mở cửa buồng tắm, bước vào, cầm lấy cái khăn bông trắng dài quấn lên vai, tay giơ cao bàn chải đánh răng dưới các tia nắng chiếu qua không khí từ cao xuống.

An phá ra cười:

“Anh làm trò gì thế?”

“Anh đánh răng để lát nữa hôn em cho thơm.”

An tung khăn giường trắng ra khỏi người nàng, đứng xuống gạch, đôi chân song song, đôi chân vẫn còn con gái, hơi mỏng mảnh. Hai cánh tay An khoanh trước ngực nhưng cũng không che hết...

Tôi nói:

“Ờ cái đồi phía xa, trước cửa nhà anh, có một ông hàng xóm có cái ống nhôm dài. Hấn hay chiếu ống nhôm vào nhà anh, nếu em cứ đứng thế, hấn sẽ chết vì khoái, anh sẽ khổ vì ghen.”

“Sao anh biết hấn có ống nhôm? Em chỉ nhìn thấy cái nhà bé tí xíu xa lác xa lợ, có một cái cửa sổ nhỏ bằng cái tem.”

“Nhưng trong cái tem đó có ông già cầm ống nhôm. Anh biết vì một hôm anh cũng nghịch lấy ống nhôm nhìn sang bên đó.”

Tôi mở máy nước, nước ào ào chảy xuống người tôi. An cũng chạy đến đứng cạnh tôi. Nước rơi như mưa. Chỉ có tiếng nước rào rào. Những hạt nước bắn tung lên vai An, trên da An hơi se lại vì lạnh. An để đầu gục vào ngực tôi, tôi nghĩ vẫn vợ.

Buổi tối, An ngồi co chân trong ghế đọc báo:

“Gọi nhập ngũ từng đợt thanh niên đang được miễn dịch, hoãn dịch.”

“Dùng lựu đạn định khủng bố, hai Việt Cộng bị bắt quả tang.”

“Một nữ sinh tự thiêu trước mặt hàng trăm tá điền sau khi bị Việt Cộng bắt cóc một tháng.”

“Khám phá một tổ chức chuyên làm giấy tờ giả mạo.”

“Dạy khiêu vũ, học đủ các điệu... 500 đồng.”

An hỏi Tuấn:

“Với 500 đồng anh sống được bao nhiêu lâu?”

Tuấn đang lật con gà trong đĩa để cắt nhỏ. Tuấn trả lời:

“Nửa ngày. Một bao thuốc lá đã 40 đồng rồi.”

An chun mũi người:

“Con gà ống của anh thơm tệt!”

“Chú bé định trốn, trốn thế nào được. Còn cô gà mái nữa, một tháng nữa thì ăn được”

“Anh sẽ lại cho em ăn? Em thích ăn gà ống. Kể cũng tội nghiệp...”

“Tội nghiệp cái gì?”

“Tội nghiệp cho chú gà.”

Tuấn cười, vuốt má An.

Trên má An một giọt nước mắt từ từ chảy. Tuấn ngẩn người ra nhìn An:

“Làm sao thế em? Lại đây ăn chứ, không ăn nguội hết cả.”

An vẫn ngồi im. Giọt nước mắt rơi xuống áo An, thấm vào trong vải.

Tuấn hơi bực mình, ngồi dựa vào lưng ghế:

“Ăn đi An. Rồi em dẫn anh về quê chơi.”

“Vâng, về quê nhà em, bên cạnh sông Ác, nơi không có chiến tranh, nơi chỉ có mặt trời và các bài ca.”

Hai người ăn ngon miệng hết con gà ống, uống hết một lít rượu rượu hồng, ăn tráng miệng bằng hai cốc dâu có ngâm rượu Kirsch, rồi uống cà-phê. Họ nằm dài trên thảm êm, tay cầm điều thuốc lá, âm nhạc từ góc phòng đưa tới.

An với lấy tờ báo, đọc tiếp:

“Hạn chế lưu thông trên sông Nhà Bè. Vì lý do an ninh, toà Tỉnh trưởng Gia Định cấm tất cả mọi sự lưu thông trên các sông rạch kể dưới đây thuộc xã Nhơn Đức và Long Đức, quận Nhà Bè, tỉnh Gia Định, đến khi có lệnh mới: Rạch Bà Lào, Rạch Đồi, Sông Soi Rạp, Rạch Đập Nậu. Rạch Tôm, Rạch Mương Chuối, Rạch Rơi, Rạch Đĩa, Rạch Ông Lớn, Rạch Cây Thờ, Rạch Cây Khô, Rạch Nạp Giao.”

Tuấn hỏi An:

“Em có tin gì hay hơn tin đó?”

“Bán xe Alfa Romeo, xe Italie, danh tiếng nhất Âu châu, hiệu xe thượng hạng, 4 cửa, mui sắt, mới tinh, EB số lớn...”

An phá ra cười:

“Xe có những bốn cửa, mà mui lại bằng sắt. Xe thượng hạng nhất Âu châu là phải”

Tuấn bình phẩm:

“Khi em cười to, môi em trông xinh lạ và tiếng cười của em thật tự nhiên”

*

Ánh đèn của rạp chiếu bóng chiếu hắt ra mặt đường. An cùng một nhóm bạn đứng xếp hàng để lấy vé. Tối hôm ấy không đông lắm vì trời mưa. Hai thanh niên thi nhau kể chuyện hài hước, và An, sau mỗi câu chuyện lại phá ra cười ròn tan, mắt An lóng lánh dưới ánh đèn, má hơi ửng hồng, tiếng cười tự nhiên, tự do bay đến tai mọi người, vui vẻ.

An không nhớ tới Tuấn, chàng trai bốn mươi. An không nhớ tới con gà ống, tới đêm đầu tiên ngủ lại nhà Tuấn. Năm nay An lên 18 tuổi.

Phụ đính II:

Thạch Lam, cha tôi trong trí tưởng tượng Nguyễn Tường Giang

Con trai Thạch Lam
Sinh ngày 24.6.1942

Chết là giải thoát một đời. Chết là đầu bên kia của sợi dây ngày tháng. Một sớm kia, một tối nào. Tôi hay anh, cũng thế. Bên kia cái chết là nội cỏ ngàn cây hoa mộng hay bên kia cái chết là thẳng thốt khổ đau. Tôi đã nhìn thấy nhiều cái chết, nhiều khuôn mặt chết. Quá nhiều. Nhưng không bao giờ, mãi mãi, tôi có thể hình dung được một cái chết, một khuôn mặt chết thân yêu nhất và buồn bã nhất của đời tôi. Cái chết của cha tôi. Thạch Lam. Người văn sĩ tài hoa ấy đã chết quá sớm. Ông chết như thế nào, có thể mẹ tôi, bà nội tôi, một vài người bạn của ông và người em ruột của ông biết rõ. Mẹ tôi cũng đã kể cho tôi, bà tôi cũng đôi lần mơ màng nhắc lại, một đoạn văn đã viết. Nếu muốn xác thực hơn, người chú tôi chưa một lần gặp mặt, còn sống ở một tỉnh Trung-hoa giáp ranh biên giới Việt-Nam, hẳn tôi có thể viết thư hỏi rõ và cặn kẽ. Nhưng không bao giờ tôi muốn thế. Bởi vì, đối với tôi Thạch Lam êm dịu quá, nhẹ nhàng quá và nói hay nghĩ tỉ mỉ về cái chết của ông tôi không thể không có một chút đau đớn trong lòng.

Sự ra đời của tôi, một đứa con trai, là tai họa cho ông. Một người đoán số tử vi nào đó, năm 1942, khi mẹ tôi đang mang thai, đã nói nếu sanh con trai người cha sẽ chết. Khi mẹ tôi đi sanh, cha tôi đang đau nặng. Ông đau bệnh gì: bệnh lao vì làm việc và suy nghĩ nhiều, ý chí muốn dứt bỏ cái thú phù dung, hay tại số. Tôi không thể định rõ được. Lúc người nhà về báo với ông đứa trẻ mới sinh là con trai, ông không nói gì, lặng lẽ coi tiếp tờ báo đang xem dở. Ba ngày sau, ngày 27-6-42, Thạch Lam mất. Sinh ra đời, buồn thay, nhiều khi đã mang một bản án sát nhân trong hồn.

Cao hơn một thước bảy mươi. Mát sâu và buồn. Buổi sáng lặng lẽ đội chiếc mũ phớt lên đầu, tay cầm vài cuốn sách để đi đến tòa báo. Thạch Lam. Ông rất ít khi uống cà phê ở ngoài, và vì thế mẹ tôi là người pha cà phê ngon nhất họ. Đôi khi nhà hết cà phê, người nhà lỡ mua về một ly cà phê nguội, ông bắt đồ đi. Ăn ít và nhỏ nhẹ như một con mèo, bát đĩa phải thật sạch và đẹp. Ông ăn nhẹ nhàng và ít nói. Mẹ tôi nấu cơm rất ngon. Bà đã chết, nhưng mỗi khi Ngạc, Thế-Uyên và tôi tụ họp ăn cơm tại nhà một người trong bọn theo thông lệ, chúng tôi không thể không nhắc tới những chén cơm bà nấu cho chúng tôi ăn ngày bà còn sống.

Thạch-Lam buổi tối đi chơi thật khuya, gần như mọi tối nhưng không bao giờ ông say rượu trở về. Tôi hồi còn nhỏ thường hỏi về quán nước cô Dần, về những đêm cha tôi đi suốt sáng không về, mẹ tôi chỉ cười. Quán nước cô Dần bà cũng biết và chuyện người chồng đi suốt sáng bà quen đi rồi. Thạch-Lam ít tiếp khách, buổi trưa ông thường nằm trong nhà, khách không quan trọng đến chơi ông nói người nhà ra xin lỗi, có gì cần thì viết vào một cuốn vở để sẵn trên bàn. Sau này, khi mới vào Nam, tôi cùng mẹ tôi đến thăm chú Đình Hùng - thi sĩ Đình Hùng vẫn coi cha tôi như anh em - tôi cũng phải viết giùm mẹ tôi trên tập vở ngoài phòng khách và thoang thoang bay trong buổi sáng hôm đó, tôi ngửi thấy mùi thơm ngào ngạt của một loại thuốc đen.

Vào mùa hạ, khi những cơn gió Lào nóng nhất đã thổi về Hà-nội. Trời cao và trong. Trời xanh và gió nhẹ. Buổi chiều, Thạch-Lam ngồi câu những con cá mát rượi nước hồ Tây, những con tôm tươi trong suốt còn lóng lánh những giọt nước đọng trên mình. Ông ngồi lặng lẽ trên một góc cây lớn, đã gãy. Nhìn mặt hồ gợn sóng rung rinh ánh mặt trời chiều. Đôi khi Nhất-Linh Nguyễn-Tường-Tam, người anh ruột, người trưởng nhóm, đến nhắc nhở ông về một truyện

ngắn ông hứa viết. Nhưng những ngày hè nóng quá ông đã viết đâu. Lại hẹn thêm một lần nữa. Nghĩ đến buổi tối rủ năm ba người bạn, bày bàn dưới gốc liễu, ăn cái nguyên thủy của đất trời, nhấp những giọt rượu tinh túy và thơm ngát, bàn về chuyện văn chương thời thế. Hẳn tối nay anh cũng động lòng muốn sống thêm một ngày.

Thạch-Lam, người chỉ cần cái phẩm hơn cái lượng. Văn chương và đời sống ông tinh tế, nhẹ nhàng quá. Người yêu hoa cắm chướng, viết văn thật sớm vào buổi sáng, dạy học thêm một tuần đôi ba giờ, đến tòa báo vào những giờ đẹp nhất trong ngày. Ông thích thơ Nguyễn Nhược Pháp, yêu văn Nguyễn Tuân. Người văn sĩ tài hoa của dĩ vãng đã tặng ông một chiếc ấm gan gà và một bộ đồ trà, ngày nay tôi chỉ lâu lâu nhìn và ngắm nghía trong những lần dọn nhà. Hỡi ơi, giữa thời đại này một chiếc ấm trà đã lạc lõng, huống chi một chiếc ấm gan gà của một tình bạn cố tri. Thạch-Lam cũng có làm thơ, góp phần khá nhiều vào bài “Tương Biệt Dạ” của Huyền-Kiều. Thi sĩ Đinh Hùng - những bài thơ trác tuyệt của mùa thu - đã khóc khi đưa quan tài ông đến nơi an nghỉ cuối cùng. *Đêm nào tôi mộng buồn riêng gói, Anh đã nằm yên dưới mộ hoa.* Nghe tin Thạch-Lam chết, Thanh-Tĩnh một sớm nào đã đáp xe từ Nghệ-an ra Hà-nội, thấp trước bàn thờ người bạn tâm giao ba nén hương, nhỏ những giọt nước mắt chân tình nhất rồi lại tắt tả trở về. Hàng năm cứ vào cuối thu...

Trời mấy hôm nay lạnh, ảnh hưởng của một cơn bão rút hay đất trời cũng cảm thông với con người buồn bã của những ngày cuối năm 71. Chỉ biết ra đường đã phải mặc len. Những người trên dưới ba mươi đã một lần dòi quê hương miền Bắc, không hẹn mà ùa ra ngoài đường, tìm đến gần nhau, nghe tiếng nói của nhau, nhấp một ly cà phê đen, phà một hơi thuốc hôm nay sao ngọt ngào đến thế. Họ đi trên đường âu yếm, chiếm hết các quán cà phê đẹp, thì thầm thủ thỉ nhắc đến những kỷ niệm ấu thơ. Tôi cũng thế, cũng phải ra khỏi nhà, lên phố, vào một quán cà phê quen thuộc, ngó những chiếc áo len ấm cúng, màu nâu non, màu trắng sữa, màu xám trời đông, màu vàng lá rụng. Tôi ngồi với người bạn hiền dịu miền Trung, nói chuyện về mùa thu và Thạch-Lam. Chúng tôi cùng yêu cái nhẹ nhàng êm dịu của “Dưới bóng hoàng lan,” cái ấm cúng gia đình của “Gió lạnh đầu mùa.” Chúng tôi nhắc đến một Cô áo lụa hồng nhí nhảnh đáng yêu và riêng tôi cũng vì hôm nay trời đẹp quá phải ngượng ngùng nghĩ mình đôi lần cũng chỉ còn cách một Sợi tóc là sa chân. Còn anh, có phải anh đôi lần cũng buồn nhè nhẹ với một mối Tình xưa. Tôi kể cho bạn tôi nghe những năm trẻ thơ chạy loạn. Dời Hà-nội trên một chiếc thúng, tôi còn nhỏ quá và chiếc thúng nhẹ lác lư trên bờ đê ào ạt gió. Tôi kể cho bạn tôi nghe những ngày mùa đông tôi đứng ngoài ngõ đón mẹ và chị đi chợ về ở một vùng quê Nhã-nam nào đó, một thiên đường trong trí nhớ. Những ngày đi mót lúa dưới bầu trời hiu hắt của mùa thu, phía xa kia là một khu rừng lau trắng xóa chuyển động dịu dàng như những đám mây nhẹ bay. Tại sao tôi lại nhớ đến những kỷ niệm đẹp như thế trong khi đối với người khác có thể là khổ đau và uất hận. Bởi vì, không giải thích được, tôi đã là con của Thạch-Lam. Tôi đã học những chữ đầu tiên trong một ngôi đình nhỏ, dưới bóng cò đỏ. Tôi đã ngồi cạnh những anh du kích với một khẩu súng trường đòi bắn máy bay. Tôi đã chạy trốn lính Tây càn quét trong những khu rừng lau. Tôi thường theo anh tôi, hơn tôi ba tuổi, vào rừng tìm những cây nhót trái mọng nước và đầy bột để chùi lên áo len, giấu một quả mít trong bụi cây chờ mai chín đến ăn hay hì hục chạy kiếm đá sỏi để bắn một con chim nhiều màu sắc sỡ trên bụi ruối dày đặc. Hồi đó chúng tôi ngây thơ quá, không hiểu mình đang sống giữa một miền đất thù. Hồi đó, vì ảnh hưởng của Nguyễn Tường Tam - Việt Minh đang lùng kiếm - mẹ tôi phải đốt và chôn vùi tất cả những hình ảnh của gia đình. Những hình ảnh của cha tôi, bác Tam, và các bạn văn nghệ của ông, một vài cuốn bản thảo, cuốn sách kỷ niệm có thủ bút của Nguyễn Tuân, Nguyễn Nhược Pháp, các hình ảnh đám tang cha tôi chạy dài trên đường Quan Thánh - số 80 - cơ sở của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Mẹ tôi phải giấu hết dĩ vãng, đổi chữ đệm chúng tôi là Nguyễn Thạch - Nguyễn Thạch Giang - tên tôi đầu tiên trên cuốn vở vỡ lòng, và đó là, hỡi ơi, những ý thức chính trị đầu tiên trong đời đã ám ảnh tôi tới bây giờ. Tôi vẫn tự hỏi tại sao Thạch-Lam không

tham dự một hành động chính trị tích cực nào. Trong khi bác Tam, nửa đêm ghé qua nhà, uống một ly cà phê mẹ tôi pha, bàn cãi với người em một vài chuyện về báo chí rồi vội vã vượt biên giới qua Tàu, bác Long bị mật thám Tây bắt và treo lên sà nhà bằng hai ngón tay cái, Thạch-Lam phải chạy trốn suốt đêm ngoài nghĩa địa. Nhưng sau đó ông vẫn chỉ nhận trông coi tờ báo và viết những bài văn nhẹ nhàng. Có phải chăng - ông là sợi tơ giăng giữa một trời bão táp.

Cách đây khoảng hai ba năm, sau một tuần nghỉ ngơi ở Đà-Lạt trở về, tôi, Thế-Uyên và vài ba người bạn có ý định thành lập một nhóm văn hóa. Vợ tôi giết hai con gà nhà nuôi, mua thêm ít giò chả đặc biệt và chúng tôi tổ chức một bữa ăn họp mặt tại nhà - chúng tôi vẫn cảm thấy đậm đà, dễ bàn cãi và nói chuyện với các thức ăn ngon, gọi một chút xa xưa khi còn bé gặp nhau trong các buổi giỗ Tết. Chiếc bàn tròn được kê dưới những cành mận đầu mùa, lâu lâu một cơn gió nhẹ làm rơi đôi ba cánh hoa sắp kết thành trái. Bữa cơm ăn xong chúng tôi kê một ít ghé bành cũ, pha cà phê trên một mặt bàn thấp hơn, yên lặng hưởng cái thú êm ả của trời đêm. Gió thổi nhẹ, trời trong và cao. Chúng tôi bàn về sự thất bại của những năm qua khi làm tờ báo quay tay, tự hỏi lý do và phương thức làm việc của nhóm Tự Lực Văn Đoàn và phác thảo một đường lối làm việc mới. Chúng tôi thảo luận về những kinh nghiệm cũ, bàn cãi các dữ kiện cần thiết cho một tổ hợp xuất bản. Đêm càng khuya, những tiếng nói cũng to hơn và gay gắt hơn. Thế-Uyên nổi giận, nóng tính và bỏ về. Nhưng việc đó đối với vài người chúng tôi đã quá quen, vài ngày sau hay có thể ngay sớm mai, Thế-Uyên lại cùng chúng tôi uống cà phê và quên chuyện cũ - bởi vì trước tiên chúng tôi đã là những người bạn của nhau. Khi mọi người về hết, buổi họp đã không thành công ở một phương diện nào đó. Thái-Lãng và Kỳ ở lại cùng tôi. Đêm hôm đó chúng tôi ba người thức suốt đêm ở ngoài trời, pha thêm cà phê và tâm sự cùng nhau. Thái-Lãng hăng say nói những dự tính của anh - lần này về Đà-Lạt phải làm thêm một khu vườn hoa phía sau nhà, trồng vài luống cúc vàng hay hồng nhung đỏ thắm, buổi chiều ngồi trong chiếc ghé mây, hút pipe, nhắm chút rượu mạnh và ngó đàng xa đồi núi cỏ cây trong hơi lạnh của một ngày giáp Tết. Lãng cũng kể cho tôi và Kỳ nghe một vài truyện ngắn dự tính viết trong thời gian sắp tới. Cuốn bút ký của Lãng, tập thơ của tôi và Ngạc, một tập đoàn văn của Thế-Uyên đã bị bộ Thông Tin cấm. Chúng tôi không làm gì được về văn hóa. Chúng tôi đã bị ngăn cản. Tôi chợt có ý nghĩ về nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Họ làm nếu có thể gọi là thành công thời đó, phải chăng vì hoàn cảnh Pháp thuộc tự do và rộng rãi hơn? Họ đoàn kết hơn hay họ khôn khéo và gặp may hơn? Tôi không thể có một câu trả lời rõ rệt. Chúng tôi lạc quan nghĩ rằng muốn thành công phải chịu khó chờ đợi thêm, kể cả sự đoàn kết cũng thế. Kỳ đưa ra ý tưởng về sự khác biệt giữa những năm ba mươi sáu mươi và mĩ mai: ít ra bọn Pháp cũng có truyền thống văn hóa cao trên thế giới. Tôi ngậm ngùi tưởng tượng cảnh các chú bác, cha tôi và bạn hữu ngồi với nhau phác thảo kế hoạch. Họ có bàn cãi như chúng tôi, hăng say hơn chúng tôi, Thạch-Lam chắc cũng chỉ ngồi yên lặng, mơ màng. Đối với ông chỉ có văn chương là đáng quý. Ông yêu văn chương cũng thâm lặng và nhẹ nhàng như ông viết. Tôi nhớ tới lời người bạn miền Trung dịu hiền: góp phần vào văn chương không phải chỉ có những tác phẩm ồn ào, tiếng tăm - văn chương còn được xây dựng vững vàng và yêu quý hơn bởi những tác phẩm nhẹ nhàng thâm lặng. Sớm hôm sau, khi mặt bàn và các ly cà phê được phủ đầy bởi những cánh hoa, chúng tôi phủi những cánh hoa bám trên tóc và trên quần áo, cùng đi đến một quán nhỏ đầu đường uống ly cà phê đầu ngày. Một sớm mai nào cũng gọi cho con người đôi chút lạc quan về tương lai. Tôi cũng hy vọng một ngày nào đó, gần đây, chúng tôi sẽ cùng ngồi lại với nhau, như ngày xưa chú bác tôi, cha tôi và các bạn hữu đã làm.

Mẹ tôi mất đã gần hai năm, vào một ngày giáp Tết. Sợi dây liên lạc thân yêu giữa chúng tôi và Thạch-Lam bị đứt đoạn hoàn toàn. Còn đâu những ngày chúng tôi cùng ngồi ăn với bà, khi gặp một món ăn ngon bà nói: ngày xưa cậu mày còn ăn cầu kỳ hơn nhiều. Khi đi chơi khuya về nhà, nhè nhẹ chui vào giường ngủ, sớm hôm sau thức giấc bà đã pha một ly cà phê phin đen

sánh và thơm ngát: thật giống cha mà như đúc, đêm nào đi cũng tới sáng mới về. Chúng tôi làm cái gì bà cũng coi như chuyện thường. Bà bình thản khi tôi nói với bà về kết quả kỳ thi năm vừa qua và tôi đậu đầu: ngày xưa cậu mà 16 tuổi đã đậu Tú Tài. Ngày xưa cậu mà thông minh nhất nhà. Ngày xưa... ngày xưa...

Ngày xưa... Căn nhà ở Cẩm-giàng nơi có những đóa hải đường ven con đường lát sỏi vào nhà, có những cây khế trong vườn lâu đời đến nỗi chúng tôi có thể trải chiếu nằm và há miệng cắn những trái thấp nhất, có một bụi ổi ở cuối vườn. Căn nhà cha tôi, các chú bác hàng năm từ mọi nơi về giỗ Tết. Có một đêm 30 nào, Xuân-Diệu ngồi canh bánh chưng và sau khi ăn chiếc bánh nóng hổi đầu tiên vớt trong nồi ra, ông lại cùng Huy-Cận lên đường vào Trung. Tôi nhớ con đường xe lửa chạy ngang nhà trước khi vào ga. Buổi chiều ngồi ngắm người bẻ ghi in bóng trên nền trời vàng nhạt, nghe tiếng pháo báo hiệu nổ dưới bánh xe và dưới bầu trời con bay đầy khói tầu, chúng tôi tranh nhau chạy ra lấy chiếc pháo đã bị kẹp mỏng như một lưỡi dao.

Dĩ vãng bao giờ cũng đẹp. Chúng tôi đã trên dưới ba mươi và một thế hệ đã trôi qua. Năm nay là cái Tết thứ hai chúng tôi không có mẹ bầy một mâm cỗ cúng Thạch-Lam, không tự tay bà cắm những bông cẩm chướng màu hồng trên bàn thờ và ngồi nhắc lại một vài kỷ niệm về người chồng chết quá sớm. Nơi nghĩa trang chùa Giác Minh, bà nằm chung với bà nội chúng tôi, bác Tam, bác Hoàn chồng cô Năm và một người cháu ruột chết trận. Ba thế hệ của dòng họ đều nằm êm ả trong hương thơm của nến nhang, phần đất hiền lành của Phật. Bên chùa, một cây ngọc lan cao và đầy bóng mát, ngày xưa mẹ tôi mỗi lần đi thăm mộ bà nội vẫn thường xin một hai bông hoa đầu mùa về xếp lên bàn thờ Phật. Đôi khi tôi tự nghĩ chúng tôi lưu lạc như những người Do-Thái: Ngôi nhà từ đường ở tỉnh Quảng-Nam nghèo nàn và anh dũng, căn trại nhỏ ở Cẩm-giàng nơi nuôi dưỡng che chở Nhất-Linh, Hoàng Đạo, Thạch-Lam và thế hệ chúng tôi đang xây dựng cho tương lai ở Sài Gòn và các tỉnh miền Nam. Tôi vẫn mong một ngày nào hết chiến tranh để có thể đưa các con tôi đi thăm, vào một ngày cuối tháng chạp, từ ngôi mộ của bà nội chúng nơi hiền hòa cửa Phật, ngôi nhà Từ đường miền Trung xa xôi, và buổi chiều nhạt cỏ trên ngôi mộ Thạch-Lam, ông nội chúng. Phần mộ đó nằm hiu quạnh trong nghĩa trang Bạch Mai vùng ngoại ô Hà-nội, - nơi nếu không bị phá hủy, hẳn bây giờ đêm ngày chỉ vang vọng tiếng máy bay.

11-1971

Papa tòa báo Trần Khánh Triệu

Trần Khánh Triệu là con đẻ của nhà văn Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam), và là con nuôi của nhà văn Khái Hưng (Trần Khánh Giư).

Bài viết kể về những kỷ niệm với Khái Hưng và những ngày cuối trước khi ông bị Việt Minh bắt và đưa đi thủ tiêu.

*Mây vẫn lòng lộng một trời
Dáng xưa hiu hắt... tháng ngày phôi pha.*

Nào hãy thử nhắm mắt lại thả hồn trôi về dĩ vãng... tưởng tượng vào một ngày xa xưa nào đó ta trở về Hà Nội, cái thành phố đầy ắp kỷ niệm thời tiền chiến mơ màng trong ký ức.

Rồi hãy tưởng tượng tiếp ngày nào đó, ta được về tới vùng mây trời quê hương lãng đãng... Hải Phòng rồi Hải Dương... con đường số 5 hai bên ruộng lúa ngút ngàn... Cẩm Giàng rồi Gia Lâm và kia, cây cầu Paul Doumer vắt ngang sông Hồng phù sa cuộn cuộn. Lẩn khuất trong sương mù Yên Phụ... cột đồng hồ... tới tận bảo tàng, phà Đen... Hà Nội đó, nơi ngàn năm văn vật đất Thăng Long.

Rời khỏi bờ sông lộng gió, dốc Hàng Đậu thoải thoải... tòa nhà tròn chứa nước ba tầng bằng đá xám bề thế chắn ngang, con đường tàu điện từ chợ Đồng Xuân qua ngã tư Hàng Than rẽ về phía Quan Thánh rợp lá bàng xanh... Vườn hoa Hàng Đậu, bên kia là phố Carnot, thành lính tây bát ngát, bên này đường, gần phía nhà thương khách... phòng trồng rừng Đông Nam Mỹ rồi tiếp đó... dancing Rialtoz đêm đêm tiếng nhạc rập rình, hiệu Phúc Hưng Lâu với món phở sào dòn ăn miếng nhớ đời... kế bên, hăng chè tàu Phúc Kiến và quá chút nữa góc Hàng Bún. Quan Thánh... Đây rồi! Ngay đối diện với hiệu thực phẩm Hạp Ký của người Tàu là căn nhà số 80. Vàng, căn nhà 80 Quan Thánh mà tôi đã sống cùng cha mẹ nuôi tôi cả một thời thơ ấu với bao buồn vui kỷ niệm. Nơi đây, cha nuôi tôi, nhà văn Khái Hưng đã sống, đã viết bao nhiêu tác phẩm để đời trong khoảng thời gian 1934, tới năm 1946 nghĩa là cách đây đã hơn 50 năm rồi!

Tòa báo: 80 Avenue du Grand Bouddha

Tòa báo có hai mặt, mặt chính trông ra phố Quan Thánh, hồi trước 45 có cái tên tây là Avenue du Grand Bouddha, mặt kia số 55 quay về phía Hàng Bún tức Rue des Vermicelles, nhà này nguyên của một bà đầm cho papa tôi thuê (ấy theo thói quen tôi vẫn thừa với cha nuôi tôi là papa hay rõ hơn “papa tòa báo” để phân biệt với cha đẻ tôi — ông cụ ở Hàng Bè nên tôi vẫn dùng những chữ “cậu Hàng Bè” cho tiện).

Mặt trông ra phía Quan Thánh bước vào là một cái cổng nhỏ, hàng rào thấp, có cây leo rậm rạp quanh năm. Mặt phía Hàng Bún, cổng sắt hai cánh rộng hơn, xe ô tô đi lọt, vườn hoa bao bọc xanh tốt bốn mùa. Những luống hồng nhung mọc giữa dãy cỏ tóc tiên mượt mà, vài cây phượng trở hoa đỏ rực, cây lá móng ngựa hoa màu lam dịu, lại có cả một bụi tre già cao chót vót, những ngày gió mạnh lá cọ vào nhau nghe cọt kẹt. Dưới vòm tre xanh tốt một bàn ping pong được kê ngay ngắn, lâu lâu papa lại đưa bạn bè xuống đánh vài ván, tiếng bóng nhựa nảy trên bàn ròn rã. Những buổi trưa hè oi ả sau bữa ăn trưa papa thường nằm trên ghế xích đu hút pip, mẹ ngồi thêu áo kế bên, tôi thì khoai nhất được leo lên cây ngâu già gần đó, thò tay chụp đuôi con mèo xiêm đang nằm lim dim suy tư nghiền ngẫm trên cành.

Từ vườn bước lên năm sáu bậc thêm vào nhà, hàng hiên trước khá rộng... phòng lớn đặt máy in cùng chỗ sắp chữ, phòng bên phải nhỏ hơn nơi làm việc của ban trị sự tờ Ngày Nay, nhà xuất bản Đời Nay và sau này là tờ Việt Nam cơ quan tranh đấu của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Đi lên gác, hàng hiên lát gạch men tàu ngăn chia bên này là dãy buồng kho, nhà tắm... bên kia phòng lớn quét vôi màu xanh lơ thoáng mát. Phòng bên trái trông ra bụi tre được ngăn đôi: Buồng ăn và buồng ngủ của riêng gia đình tôi. Phòng giữa nơi làm việc của Papa và tòa soạn kê hai bàn lớn đầu vào nhau, đầu bàn được khắc dấu hiệu Tự Lực văn đoàn, trên tường treo mấy bức tranh sơn dầu vẽ phong cảnh của họa sĩ Trần Bình Lộc và Nguyễn Gia Trí.

Phía bên phải là phòng khách kê một bộ salon nhỏ, một bàn làm việc, còn cái tủ sách lớn sát tường thì xếp toàn sách quý của nhà xuất bản Đời Nay, bìa da chữ mạ vàng óng ánh. Đứng bên cửa sổ nhìn ra phía Hàng Bún, hàng cây bàng xanh ngắt, xé một chút gần nhà bác sĩ Hào, những con tàu điện từ Bưởi xuống hay từ Bạch Mai lên dừng đón khách ở ngã tư Quan Thánh lại đóng lên vài tiếng leng keng uest oải chậm chạp. Từng đợt ve sầu kêu ran, lan man đâu từ phía vườn hoa Hàng Đậu ủa tới rồi tản mát xuống tít mãi cuối phố khúc gần cửa Bắc, xa dần rồi mất hẳn. Những lúc ấy tôi cảm thấy thời gian sao dài quá! Cứ cái ngữ này không biết bao giờ mới tới được bữa cơm chiều đây!

“Papa tòa báo” viết văn

Mỗi buổi sáng khi thức giấc, trong cái cơn ngái ngủ mơ màng tôi đã cảm thấy bao trùm một mùi cà phê thơm dịu. Papa đang ngồi đọc sách, chốc chốc lại nhấc tách lên nhấp một ngụm, khói thuốc *mélie* quyện tỏa khắp phòng. Cái đèn còn đun nước kêu sè sè đưa ra một vòng lửa xanh lam, lâu lâu papa đứng lên xoay chặt lại cái phin rồi đổ thêm nước sôi. Tôi trở dậy kéo ghế ngồi cạnh, tần mẩn nhìn từng giọt cà phê tí tách rơi xuống. Papa từ tốn dở từng trang sách chữ Hán nhỏ li ti vừa đọc vừa gật gù thỉnh thoảng lại cầm kính lúp lên soi. Đôi khi ông cụ còn mài miết chơi ô chữ trong tờ báo *La Volonté Indochinoise* xuất bản ở Hà Nội thời đó. Khi tìm được chữ nào đặc ý papa xoa nhẹ lên đầu tôi, ca se sẽ một bài hát quen thuộc của đoàn Ánh Sáng... “Rồi đây anh em chúng ta cùng nhau kết đoàn...”

Sau đó là bữa điểm tâm, thường thường trên mâm chỉ có cháo hoa với đường cát vàng hoặc cơm nắm muối vừng, hôm nào sang mới có xôi lúa mua của bà hàng quen. Bánh cuốn hay phở, những món sao mà ngon thế, thì buồn thay... năm thì mười họa chỉ khi nào có khách mới được bung lên. Hồi ấy gia đình tôi cũng không được dư giả cho lắm, bữa ăn sáng thường đạm bạc như vậy. Nghe mẹ kể lại lương nhà báo của papa ít lắm may bà ngoại có cho mẹ ít ruộng ở vùng Quế Phương, Hải Hậu nên nhờ vào đó mới đủ chi dùng. Ông nội tôi tuy làm quan nhưng khi ông mất tài sản tứ tán đi cả, papa cũng chẳng được hưởng gì. Còn nhớ khi viết xong cuốn sách hồng, hình như “Cái ấm đất” thì phải, tiền bản quyền chỉ đủ mua một cái áo đi mưa cho papa ở Hàng Đào và một đôi giày Bata cho tôi. À quên, tôi còn được cây súng lục Euraka, bằng đạn đũa dài đầu bịt cao su, bách phát bách trúng... ghê chưa? Khoảng những năm 44, 45, vì tiền nhuận bút sách báo thiếu hụt, mẹ có chung với cô em mở một hiệu tạp hóa nhỏ ở Hàng Trống, cửa hàng thuê của nhà in Thụy Ký. Tuy vậy, đôi khi tôi tới chơi thấy vắng khách, mẹ ngồi sau quầy tư lự thờ dài... “Hàng họ lúc này khó khăn quá!”

Rồi khi mặt trời đã lên cao, ánh nắng chiếu vào nhà, papa đứng lên vươn vai sang phòng làm việc. Trong cái không khí vắng lặng êm ả, papa say sưa viết trên những trang giấy trắng rời không kê hàng bằng cây bút máy waterman ngồi vàng mềm mại, nét chữ đứng ngay ngắn rõ ràng. Có lúc viết xong một đoạn bỗng ngừng lại, papa nhắm mắt nhìn lên trần, tay gõ nhịp lên bàn, sau đó thế nào trên giấy cũng có thêm những hình loằng ngoằng như xoắn ốc kéo dài mãi ra. Đôi khi con mèo xiêm lách cửa đi vào nhảy tót lên bàn nằm chình ình một đống, tự nhiên như không... papa lấy tay khẽ vuốt ve, nưng niu con vật, miệng se sẽ hát câu chèo quen thuộc “Đất ngài đây... thanh lịch... đất có hữu tình...”

Chiều và tối thì phòng giữa nhộn nhịp hẳn lên, khói thuốc tỏa lan khắp nơi. Bác Thế Lữ lúc nào cũng ngồi đối diện với papa, người hao hao gầy, đôi mắt sắc sảo, dáng điệu trông lúc nào cũng đầy vẻ bí mật. Có lần tôi thấy bác lấy trong túi ra một khẩu súng lục rất xinh đặt ngay trước mặt rồi chăm chú viết, đôi lúc lại gật gù nhìn khẩu súng. Sợ nhất là có lần bác mang về một cái sọ người, không biết thật hay giả, đặt ngay trên thành lò sưởi, nghe răng cười với hai lỗ mắt sâu thăm thẳm ghê hồn! Chú Hoàng Đạo và “cậu Hàng Bè” của tôi thì làm việc bên phòng khách có khi tới khuya cũng chưa ra về. Hai người lúc nghỉ ngơi thường bày cờ ra đánh, mỗi lần chiếu tướng chú lại đập mạnh quân cờ cười ha hả. Papa lâu lâu cũng tới góp nước, hoặc mở đàn tam thập lục ra dạo một bản, tiếng trong trẻo rộn ràng.

Những ngày tòa soạn làm việc như vậy tôi thích nhất được xem chú Gia Trí vẽ tranh. Chấm mực đen chú vẽ Lý Toét rất gọn, rất ngon lành, hình Xã Xệ chỉ đưa vài nét là xong, bao giờ cái tóc xoắn như lò so của ông Xã cũng được vẽ sau chót. Có một dạo bác Tô Ngọc Vân thay thế chú Trí. Hình như bác mới ở bên Xiêm về, bác vừa vẽ vừa kể cho tôi nghe nhiều chuyện bên đó. Đôi khi bác còn cho tôi vài viên kẹo gồm tằm đường nhưng kẹo không ngon và nhiều như loại Toffee chú Trí vẫn cho, bởi vậy hồi đó tôi thấy bác vẽ Lý Toét, Xã Xệ sao không được đẹp bằng chú Trí của tôi!

Thỉnh thoảng bác Tú Mỡ từ Láng cỡi bình bịch tới tòa báo thăm anh em, người gầy gầy nhưng tiếng cười rộn rã đi đến đâu cũng nhộn nhịp tới đó. Thấy bác đến là tôi mừng rơn, vì thường

thường sau khi công việc xong thế nào cả tòa soạn cũng cùng bác sang ăn phở xào dòn, phở áp chảo của hiệu Phúc Hưng Lâu gần đó, hay ít ra cũng là một châu bia, nước ngọt, bánh trái bên hiệu Hạp Ký trước cửa. Dĩ nhiên trong những trường hợp hy hữu đó bắt buộc tôi phải đi theo hầu papa rồi!

Ngược hẳn với bác Tú Mỡ, chú Thạch Lam của tôi đi tới đâu cũng yên lặng như một cái bóng, chú thường mặc áo dài the thâm, dáng người điềm đạm, ánh mắt sâu thẳm thẳm. Chú Huy Cận thì thân với tôi hơn, còn nhớ có lần ở Trung ra chú cho tôi một củ khoai to tướng, gấp ba bốn lần khoai thường. Tôi thích quá, nhất định không ăn, để dành mãi dưới gầm giường. Sau đó ít lâu papa với về trang trọng đưa cho tôi tập Lửa Thiêng và nói chú có tặng tôi một bài thơ trong đó, tôi lật trang giấy rồi lăm bằm đánh vần:

TỰU TRƯỜNG

Tặng em Triệu

Một bài thơ chú tặng cho tôi, ờ, giá chú Huy Cận của tôi cho tôi thêm một củ khoai như hôm nọ có hơn không?

Sầm Sơn – Villa des pins

Những ngày tuyệt diệu nhất trong đời tôi, đó là những ngày nghỉ hè tắm biển ở Sầm Sơn. Kỳ niệm thật êm đẹp, mỗi lần hồi tưởng còn thấy gờn gợn trong tâm tư một niềm vui rào rạt. Buổi sáng hè còn dẫm hơi sương, tuy ngái ngủ nhưng lòng tôi sao quá rộn ràng trong chuyến đi xa... Chiếc xe tay ven theo vườn hoa Hàng Đậu, băng ngang qua trại lính tây đường thành vắng ngắt, mùi hương của hoa sữa thoang thoảng đâu đây. Rồi nhà ga Hàng Cỏ, đường sắt chi chít, con tàu xinh xịch chạy... Phủ Lý, Nam Định, Ninh Bình... Cầu Hàm Rồng và sau cùng là Thanh Hóa. Lên chiếc xe ca ì ạch tới Sầm Sơn thì trời cũng đã về chiều.

Villa des Pins là một biệt thự kiểu xưa ở vào dãy thứ tư tính từ biển trở vào. Bà ngoại tôi mua đã từ lâu dành cho con cháu ra nghỉ mát. Tới nơi, papa lập ngay một chương trình rõ ràng. Sáng sớm ra biển tập thể thao, coi kéo lưới rồi nhảy xuống tắm. Ngày nào mưa gió thì ở nhà, khi đó papa sẽ vừa viết văn vừa kèm tôi học. Tối đến tung tăng ở rừng phi lao hay trên bãi cát, hôm nào nhóm “Lo cho trẻ em đi nghỉ mát” có tổ chức lửa trại, diễn kịch gần hotel Renaud (?) thì cả nhà lại được đi coi giải trí không mất tiền. Những ngày đẹp đi chơi xa thăm hòn Độc Cước, hòn Trống Mái, hoặc ven theo rừng phi lao tới tận cửa sông Mã. Thích nhất là những hôm lên vùng “Sầm Sơn le haut” đường xe lên dốc ngoằn ngoèo, papa mặc quần soọc đi xăng đan xách theo giỏ bánh mì, cơm nắm, hăng hái tiến trước, tôi thờ hớn hển theo sau. Hai bên là rừng phi lao bát ngát, những biệt thự ẩn hiện đẹp như mơ. Lên hết dốc tới một vùng quang đãng... hòn Trống Mái với hai phiến đá đè lên nhau, gần đó bước lên ít bậc thang, đỉnh Belvédère có cái mái tròn xây xi măng, tôi leo lên đó đứng nhìn bao quát một vùng núi đồi, biển cả. Papa lấy tay chỉ ra khơi... xa tít ngoài kia là hòn Mê, phải đi theo mảng đánh cá đi lâu lắm mới tới được. Tôi ước gì được phăng phăng lướt sóng thám hiểm vùng xa xôi ấy, nhưng nay còn bé quá, biết đến bao giờ mới tới được hòn Mê!

Chơi chán rồi papa dẫn tôi tới gần một biệt thự cách đó không xa. Ngôi nhà này là của tây xây cất đã lâu mà hình như không có ai ở, mấy cửa ra vào đóng im ỉm. Chúng tôi ngồi xuống bậc thềm đá hoa mát dịu, lấy cơm nắm ra ăn dưới tàng cây xum xuê, gió lồng lộng thổi. No nê rồi papa châm thuốc hút lấy giấy ra viết văn, còn tôi thì chạy tung tăng hái hoa mọc len với cỏ rồi tựa lưng vào gốc thông già làm một giấc dài.

Trên đường về, những hôm nào viết được nhiều, papa vui vẻ nói chuyện luôn miệng, mua dừa tươi cho tôi uống, dẫn tôi đi len vào rừng chơi ú tim. Khi xuống tới vùng “Sầm Sơn le bas,” chúng tôi đi qua những biệt thự quen thuộc: Villa des Flamboyants, villa des Roses, villa Hương Ký, villa Ngọc Lan... tất cả đều như rộn ràng trong nắng chiều.

Về tới nhà đã mệt nhoài, bữa ăn sữa soạn xong, mẹ tôi sói cơm, dịu dàng lắng lặng nhìn hai cha con ăn ngon lành, mỉm nụ cười rạng rỡ.

Tây bắt papa rồi!

Lần cuối cùng đi nghỉ mát ở Sầm Sơn, lúc trở về Hà Nội, tôi còn nhớ các đầu đường đã bắt đầu gắn những bảng nhỏ có mũi tên chỉ “Abri – Hàm trú ẩn.” Không khí như nghiêm trọng hẳn lên, nghe nói sắp có bom, ban đêm đèn phòng thủ thụ động chiếu lờ mờ ghê rợn. Dạo này papa ít khi có mặt ở nhà, từ Ngày Nay bị kiểm duyệt gắt gao, nhiều cột bỏ trống. Có lần đứng bên cửa sổ nhìn xuống đường, mẹ lo lắng thì thầm với tôi “Có thằng mặt thám con ạ, nó canh ngoài cửa.” Tôi không hiểu chuyện gì nhưng cảm thấy có một cái gì ghê rợn lắm sắp xảy tới!

Thế rồi sang hôm đó, khi tôi còn đang ngủ tôi bỗng choàng tỉnh dậy khi nghe tiếng khóc của mẹ tôi, chạy sang phòng ăn, thấy mẹ tôi đang gục đầu xuống bàn nức nở “Triệu ơi! Tây nó bắt papa rồi!” Tôi sửng sốt và không biết gì hơn là ngơ ngác nhìn mẹ tôi, muốn nói một lời mà sao chân cứ như chôn chặt xuống đất.

Mẹ tôi tiếp: “Con lên kêu cô Tú Thái, nói cô tới ngay!” Cô Thái là em ruột của mẹ tôi cũng ở phố Quan Thánh khúc gần cửa Bắc, cách tòa báo không xa. Tôi không hiểu sao mẹ lại cần gặp cô Tú trong lúc này. Nhưng khi cô Tú tới trò chuyện một lúc, tôi thấy mẹ tôi không khóc nữa, hình như cơn đau buồn đã dịu đi phần nào. Tôi cũng đã hiểu vì sao mẹ tôi lại cần có người thân trong lúc này như vậy.

Ít ngày sau, tôi được theo mẹ vào thăm papa ở sở Liêm Phóng gần Đấu Xảo. Tôi vác theo một bị đồ ăn tiếp tế cho papa, mẹ thì mang quần áo. Cửa phòng xích mở, một ông tây lai đưa papa ra nói một tràng tiếng tây. Tôi chưa hiểu ắt giáp gì thì papa đã kéo mẹ con tôi ngồi xuống cái băng gần đó dịu dàng nói: “Kệ nó, được phép 15 phút nhưng mình hơn cũng chẳng sao.” Mặc bộ pi-da-ma màu xanh đã nhàu nát nhưng dáng điệu không đến nỗi tiêu tụy lắm, papa tóm tắt kể cho biết chuyện từ ngày bị bắt: – Chú Long và chú Gia Trí bị trước, tây nó đánh đau lắm, những gì phải khai hai người đã nói hết papa vào sau cứ theo đó mà khai nên chỉ bị sơ sơ thôi. Tôi chợt rùng mình nghĩ tới cái cảnh đánh đập rùng rợn ở sở mặt thám mà tôi vẫn được nghe những người lớn kể lại.

Chừng ba bốn tháng sau papa được chuyển lên trại An Trí tại Vụ Bản, vùng Nho Quan, Hòa Bình. Ngày ra đi, tôi không được đưa tiễn, nhưng nghe mẹ nghẹn ngào kể lại: papa bị mang còng sổ, còng tay lúc lên đường.

Lúc này, tòa báo vắng vẻ lắm, “cậu Hàng Bè” nghe nói đã trốn sang Tàu, chú Thạch Lam mới mất ở nhà cây liễu Yên Phụ, mẹ rầu rĩ suốt ngày, còn tôi nhìn vào phòng làm việc của papa thấy trống trơn, trong lòng thấy bùi ngùi làm sao!

Rồi ít lâu sau được phép của sở Liêm Phóng, tôi cùng mẹ, thím Long và Tường Ánh con trai thím lên Vụ Bản. Đường từ Nho Quan trở ra thật cheo leo, cảnh hoang sơ mà hùng vĩ, con đường đất đỏ dài hun hút, đến chiều mới tới nơi. Chúng tôi phải vào trú ngụ một đêm tại chũng viện, căn nhà do các bà sơ trông nom, hôm sau qua sông mới tới được trại trên đồi cao.

Papa hồi này da rạm nắng, trông khỏe mạnh. Chúng tôi được phép vào một căn phòng, tự do nói chuyện nửa ngày trời. Được biết chú Long, chú Trí phải đẩy xe nước và vào rừng lấy củi, papa may mắn vì yếu đuối được phụ việc ở nhà thương, công việc nhẹ nhàng, mẹ tôi cũng yên chí phần nào. Papa cũng cho biết cái thằng tây trưởng đồn, người đảo corse, hồi đầu rất hách dịch, nay dần dần cũng bớt rồi, lâu lâu lại có anh em trẻ nghịch ngợm dám nhạo cả cái giọng nói nặng nề của hắn nữa.

Khi chúng tôi trở về, papa được phép tiễn đến bến đò. Qua sông nước chảy xiết, giòng sông mênh mông, tôi thấy lòng se lại khi thấy hình dáng papa nhỏ dần, nhỏ dần. Trời lúc ấy thật thấp... thật nặng nề!

Bà nội Cổ Am mất

Bị an trí một năm, papa được tha về Hà Nội. Tuy vậy, cứ mỗi tháng papa lại phải đem một cuốn sổ bìa xanh (papa gọi là sổ đoạn trường) lên sở Liêm Phóng đóng dấu kiểm soát.

Tòa báo đạo này ít người lai vãng, “cậu Hàng Bè” vẫn biệt vô âm tín, chú Long Hoàng Đạo kẹt ở Vụ Bản, Bác Thế Lữ xoay sang diễn kịch, chú Trí vẫn mãi mê với tranh sơn mài trên đường Quần Ngựa... tờ Ngày Nay đóng cửa đã lâu. Papa thì trầm ngâm ít nói, loay hoay tỉa xén cây cảnh trên hòn non bộ nhỏ, đặt trong cái chậu sứ men tàu.

Rồi trong một buổi chiều cuối năm, trong lúc mọi người nhộn nhịp đón giao thừa thì bất chợt nhận được giấy thép báo tin bà nội ở Cổ Am bệnh nặng. Thế là cả nhà sáng mòng một tức tốc về quê. Gần trưa tàu hỏa tới Hải Dương, chuyển xe ca đi Ninh Giang qua Vĩnh Bảo về tới làng thì đã xế chiều. Bước vào nhà, chú Trần Tiêu chạy ra mếu máo nói bà đã nhập quan từ ngày 30. Mẹ òa khóc thảm thiết, papa lặng lẽ tới gần cổ áo quan, khẽ rời tay lên làn gỗ vàng tâm, nói với tôi mà y như nói một mình:

“Thế là bà đã nằm đây rồi, con ạ!”

Vì bà mất vào dịp tết nên mòng sáu mới phát tang và tới ngoài rằm mới an táng. Trong thời gian này tôi súng sính trong bộ áo trắng dài tay sột soạt màu hồ đi “thăm hiem” khắp nơi cùng vài chú em họ trong làng. Bây giờ tôi mới được rõ Cổ Am rộng lắm, chia làm bốn thôn: thôn Thượng, thôn Tràng, thôn Am và thôn Phần là chỗ nhà tôi ở. Khắp nơi, đâu đâu cũng thấy trồng thuốc lá xanh ngắt, nghe nói đến mùa hái thuốc cả làng nhộn nhịp vui lắm. Tôi còn được sang thăm mộ phần của ông nội tôi ngay sát bên nhà, xây toàn bằng đá đắp lên nhau như một trái núi nhỏ, bề cao dễ gần bằng căn nhà hai tầng, từ đỉnh trở xuống cây cỏ mọc um tùm chen lẫn những tượng nhỏ hình quái dị, xuyên vào lòng núi là nơi thờ tự, cảnh trí âm u, trầm hương tỏa ngát: kể bên mộ phần, một ngôi chùa nhỏ được ông tôi xây cất xưa kia... chùa Đông A nổi tiếng vì có một vị sư già nhiều pháp thuật, trụ trì. Tôi còn được biết thêm ông nội xưa làm tuần phủ Thái Bình có những năm bà tất cả, nên lúc mất đi con cháu đông đảo lắm. Bà nội tôi là cả sinh được bốn người con, trước hết là bác Trần Xuân làm Thượng tá nhưng chẳng may mất sớm, rồi đến papa, kế đó là chú Trần Tiêu và cuối cùng là cô Ngọc. Riêng bà thứ năm chỉ sinh được một cô con gái được ông nội tôi quý nhất cho rất nhiều của cải nhà cửa ở Ninh Giang, Hà Nội. Bà tôi tuy là cả nhưng lạnh lắm, không ham thích những nơi quan quyền chỉ an nhàn sống nơi quê làng nên ai cũng mến thương.

Thấm thoát cũng đã gần đến ngày an táng, trước nhà dựng rạp lớn, cỗ bàn ăn uống linh đình theo tục lệ. Các chú, các cô ở xa cũng dần dần về đông đủ. Tôi còn nhớ bà Năm cũng từ Ninh Giang về chịu tang, bà khóc to lắm, có vẻ như rất lầy làm đau sót, làm tôi ngạc nhiên hỏi papa: “Bà có khóc thật không papa, bà không ưa bà mình cơ mà?” Yên lặng một lúc papa mới khẽ nói với tôi “Bà khóc thật đó con ạ! Bà mình lúc sống hiền lành quá có làm hại ai đâu, chắc bây giờ bà Ninh Giang đã thương bà Cổ Am rồi con ạ!”

Rồi đám tang nhộn nhịp linh đình diễn ra, cỗ áo quan được đưa lên kiệu sơn son thiếp vàng được đưa từ nhà đi vòng mấy thôn trong làng rồi mới trở về hạ huyệt cạnh mộ ông tôi ngay kề bên nhà. Sau thời gian này papa còn ở lại Cổ Am vài tuần, lâu lâu sang chùa Đông A niệm Phật cầu siêu cho bà. tay gõ mõ, nhịp chuông đều đặn, papa tụng kinh tiếng trong và ấm, tay lần giở những trang kinh Phật bằng chữ Hán, hương trầm tỏa ngát, không khí diu diu hiền hòa.

Biến cố dồn dập

Tôi trở về Hà Nội và tiếp tục đi học cho tới ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp, súng nổ vang trời, cả nhà phải chui xuống buồng kho gấm cầu thang để tránh đạn cả đêm. Sáng hôm sau nhìn ra ngoài hai ba xác chết nằm bên kia đường ngay trước hiệu Hạp Ký, ghê quá! Rồi truyền đơn của Nhật trải xuống Hà Nội... Việt Nam độc lập... Toàn quyền Đại Nhật Bản thay toàn quyền Đờ-cu... người ta bắt đầu chết đói như rạ. Khẩu phần ăn nhà tôi bị hạn chế, cơm bữa nào cũng hôi sặc mùi bao tải, lại còn phải dành một phần đưa cho đoàn khát thực cứu đói. Có lần đi qua chợ Đồng Xuân, papa mua cho tôi một bắp ngô nướng nóng hổi, đang lấy tay lăn lăn sửa soạn ăn, thì một bàn tay gầy guộc giật mạnh lấy, ức quá tôi định chạy theo nhưng papa

giữ lại, lắc đầu buồn rầu nói: “Thôi con, người ta đói quá, khổ quá rồi!” Hàn học, tôi đi theo papa, từ đó cho tới lúc về nhà, tôi không thấy ông cụ nói thêm một lời nào nữa.

Đạo ấy papa cũng rất bận rộn, hết lo cho tờ Bình Minh lại tới tờ Ngày Nay kỷ nguyên mới. Tuy vậy những ngày yên ổn vì khỏi lo mật thám Tây bắt bớ không kéo dài được lâu. Một hôm đi học về... nhà thấy vắng vẻ quá, me đáng điệu bí mật kéo tôi lại gần nói nhỏ “Papa lánh mặt rồi, ai có hỏi nói về quê ít ngày.” Chúng tôi sống trong hồi hộp... rồi vào một buổi sáng Hiến binh Nhật ủa tới khám xét tòa báo, bao nhiêu sách trong nhà kho bị lục tung nhưng hình như không kiếm được gì khả nghi, chúng bỏ đi... Hú hồn! Rồi Nhật đầu hàng, Việt Minh cướp chính quyền, Quốc dân đảng đóng ở tòa báo, tờ Việt Nam ra đời, Việt Quốc, Việt Cách chống Việt Minh, Pháp lăm le trở lại, chính phủ liên hiệp thành lập. Lúc này papa viết cho tờ *Việt Nam*, tờ *Chính Nghĩa* và lâu lâu luôn cả tờ *Thiết Thực* nữa.

Tiếp đó Hiệp định sơ bộ 6-3 ra đời, Pháp đổ bộ Hải Phòng... Hội nghị Đà Lạt tan vỡ. “Cậu Hàng Bè” từ chức bộ trưởng rồi sang Tàu lần nữa... Các trụ sở Việt Quốc lần lượt bị tảo thanh. Công an xung phong đột nhập tòa báo lục soát, bắt bớ. Các đảng viên cao cấp như bác Hề, bác Đóa, Trí, Dị... bị đem đi biệt tích. Tờ *Việt Nam* đình bản... Tòa báo ngoài papa chỉ còn lèo tèo vài đồng chí lai vãng: anh Bằng, Kính, anh Cống, bác Thắng... Rồi tình hình giữa Việt và Pháp ngày càng căng thẳng, tự vệ thành xung đột với lính Pháp, hầm hố đào khắp nơi, dân chúng lũ lượt tản cư. Bất chợt một buổi sáng, Pháp tung quân tảo thanh Hàng Bún, xông vào tòa báo, bắt hết mọi người ra sân lục soát. Sau đó, với đáng điệu đảng đảng sát khí chúng áp giải, kẻ thì đi bộ, người bị lừa lên xe GMC chạy thẳng vào thành, giam trong những sà lim hôi hám. Súng nổ cả đêm, tôi bị giam chung với một số anh em thợ nhà in và lẫn lộn cả với mấy ông bà già cư ngụ cùng phố. Hoang mang không biết số phận papa, me và các bác, các chú trong tòa soạn ra sao! Sáng hôm sau may nhờ ủy ban Liêm Kiểm can thiệp mọi người được tha. Gặp lại papa, me mừng quá sức, hàn huyên đủ chuyện. Thấy tình thế không thể ở lại Hà Nội, papa quyết định tản cư về quê ngoại. Ngay chiều hôm sau chúng tôi xuống phà đen lên tàu thủy xuôi Nam Định. Hôm ấy là ngày 19-12-1946.

Papa bị Việt Minh bắt

Tàu chạy được ít lâu thì thấy rục rủa phía Hà Nội, mọi người xôn xao bàn tán, chắc là đánh nhau to rồi! Mờ sáng hôm sau tàu giạt vào bờ bên Mễ vì sợ tàu bay bắn phá. Chúng tôi phải tạm ngụ ở làng ven sông rồi sau thuê xe tay đi về quê.

Hai ngày sau mới về tới Dịch Diệp, quê me tôi, cách tỉnh lỵ Nam Định chừng 20 cây số, một làng rất trù phú, nhà gạch san sát, tiếng khung cửa dật khăn mặt lách cách khắp nơi. Sắc mặt papa có vẻ vui hơn, không còn đăm chiêu như mấy ngày ở Hà Nội nữa. Thoát được thẳng Tây là đỡ rồi, từ nay cũng tạm yên.

Vài hôm sau, một chiều hai thanh niên mặt lạ tới “mời” papa lên huyện. Cả nhà thất sắc nhưng papa chỉ vào cái phù hiệu của Liên Hiệp Quốc Dân Việt Nam do chính tay Trần Huy Liệu tặng còn gắn ở ve áo, bình tĩnh nói “Chắc không có chuyện gì đâu, để tôi đi xem sao, bây giờ kháng Pháp là lúc cần đoàn kết, đâu có chuyện bắt bớ bậy bạ!”

Băng đi vài ngày không thấy tăm hơi gì, me tôi cho người đi dò la tin tức trên huyện Trực Ninh thì được biết papa đã bị giam và sắp bị giải đi nơi khác. Tôi cùng một người nhà vợ lên Cổ Lễ rồi đi dọc theo đường cái tới huyện. May mắn thay trên đường đi lại gặp một đám người lẫn lộn trong đó hình như có papa. Anh người nhà kêu lớn:

“Ông Tú!”

Đúng papa tôi rồi, tôi chạy vội lên:

“Papa, con đây!”

Khuôn mặt vỡ vàng, mắt như sâu lại dưới gò má, tôi để ý, trên ve áo cái phù hiệu của Trần Huy Liệu tặng ngày nào không còn nữa!

Papa dùng chân lại: “Triệu, con về đi. Me con cuốc đất trồng rau sống qua ngày. Papa đi lần này không biết ra sao!”

Tôi run lẩy bẩy nắm lấy cánh tay gầy guộc của papa, nhưng một thanh niên, ý chừng là công an sẵn giọng: “Đi ngay, đường còn xa!”... Tôi lặng người nhìn theo bóng papa xa dần rồi khuất hẳn sau những ụ đất phá hoại trên đường liên tỉnh. Trở về nhà báo tin, cả nhà bồn chồn lo lắng. Tình hình chiến sự lan rộng, tàu chiến Pháp đi dọc theo sông Hồng bắn phá làng mạc hai bên bờ đê, tàu bay bà già vùn vù lâu lâu lại tuồn ra một loạt đạn vu vơ. Trong thời gian này, me cho người đi dò la khắp nơi tìm tin tức papa, lại viết rất nhiều đơn lên ủy ban Hành kháng tỉnh để xin cứu xét. Nhưng tất cả đều như chìm sâu trong sương mù vô vọng.

Rồi tết Đinh Hợi qua đi trong chán nản, kinh hoàng. Sau tết một thời gian tàu Pháp chạy dọc theo sông Hồng bắn phá dữ dội, trong làng đang rục rịch tản cư thì bất chợt, papa trở về. Một công an mang phù hiệu “Công an Thành Nam Định” hẳn hoi đi kèm. Trong lúc chờ nhà sửa soạn bữa cơm papa cho biết: “Bị bắt lên Trục Ninh, sau giải sang Lạc Quần, bị giam ở đó sợ lắm vì mỗi lần báo động oanh tạc chúng chạy hết còn tù thì xích chân lại cho trong đồn, cố ý mượn tay thằng Tây giết mình. Có lần tàu bay bắn phá may mà không sao.

Hôm nay có lệnh giải đi nơi khác vì vùng này mất an ninh, nhưng không biết đi đâu.” Rồi papa hạ giọng: “Hôm trước nó hỏi về thằng Triệu con anh Tam, tôi có khai là nuôi nó từ bé, nó không biết anh Tam là ai cả.” Trong lúc papa ngồi ăn vội vã, tên công an vẫn lão đảo ngoài hiên lừ lừ nhìn mọi người. Thấy me khóc nức nở hẳn đến gần nói mấy câu: “Cứ yên tâm, sẽ có ngày về, chính sách chính phủ bao giờ cũng đại đoàn kết để kháng Pháp.” Ăn xong lên đường, tên Công An còn ngoảnh lại nói như máy:

“Đến nơi sẽ có tin về nhà ngay, không sao cả, cứ yên tâm!”

Khi papa ra đã tới gần đầu ngõ, me tôi chợt nhớ vội gói mấy quả cam đường vào tờ kinh cứu khổ rồi bảo tôi: “Con chạy theo đưa papa mau lên, nói papa nhớ tụng kinh luôn, lạy trời phật cho tai qua nạn khỏi.”

Tôi chạy theo đưa papa nói vội:

“Cam đường papa nhớ ăn, kinh cứu khổ papa nhớ tụng!”

Tôi đi theo đến đầu làng, dáng papa thất thểu vác tay nải mệt nhọc đi trước, tên công an vạm vỡ đi theo sau. Đi mãi, đi mãi rồi khuất hẳn sau dãy tre, chắc là đi về phía sông Hồng xa lác đàng kia. Tôi bàng hoàng trở về nhà, miệng còn lẩm bẩm:

“Tội nghiệp, không biết papa mình có nhớ ăn cam đường và tụng kinh cứu khổ không?”

...

Từ cái ngày đó về sau, tôi không còn được gặp lại “papa tòa báo” nữa.

Rải theo gió Nguyễn Tường Thiết



Con út nhà văn Nhất Linh.
Sinh năm 1940 tại Hà Nội.
Hiện ngụ cư tại Seattle.

*Tặng Nhung, “đưa con đầu lòng”
của nhà văn Thạch Lam.*

Tôi gặp anh tất cả bốn lần. Bốn lần đó trải dài hơn ba thập niên. Không nhiều. Đã thế dường như trong cả bốn lần đó ngoài cái gật đầu chào chúng tôi không hề trao đổi với nhau lấy một tiếng. Anh vốn ít lời. Còn tôi thì e dè. Tôi vốn có tính rất ngại bắt chuyện với một người nổi tiếng, đặc biệt nếu người ấy lại là người có quyền thế. Trong thâm tâm tôi biết nếu tôi mở chuyện thì anh cũng sẽ vui vẻ bắt chuyện ngay. Đằng sau gương mặt lầm lì ít nói ấy anh là người rất bình dị. Nhưng lần nào cũng thế sau cái gật đầu chào, tôi không bao giờ cất tiếng. Để đến bây giờ ngồi trước bàn máy vi tính một buổi sáng mùa thu miền Tây Bắc nước Mỹ, tôi viết đôi dòng về anh mà lòng không khỏi gợn chút nuối tiếc: bài viết của tôi vì thế sẽ không ghi lại một mẫu đối thoại nào, dù ngắn, để làm kỷ niệm giữa anh và tôi. Mà nào giữa chúng tôi đâu có phải người xa lạ gì cho cam? Anh là người rất thân cận trong đại gia đình Nguyễn Tường chúng tôi, là chồng của người em họ tôi, trưởng nữ của nhà văn Thạch Lam.

Tôi nhớ lại hình ảnh anh trong bốn lần gặp ấy. Bốn lần thì có đến ba anh hiện lên trước ly rượu. Đó cũng là hình ảnh cha tôi thường thoáng hiện mỗi lần tôi nhớ về ông. Trước ly rượu anh trầm ngâm yên lặng. Cha tôi cũng thế. Và bao giờ cũng vậy mỗi lần nghĩ về anh lòng tôi không khỏi có ngấm một sự hãnh diện thầm kín rằng dòng họ tôi có được một người rể như anh nổi tiếng là người thanh liêm. Cách đây sáu năm khi tái bản cuốn truyện của cha tôi, cuốn Giòng Sông Thanh Thủy, tôi đã viết lời đề tặng anh trên trang đầu cuốn sách những lời thật lòng: “Tặng anh Ngô Quang Trường, với cả tấm lòng quý mến và ngưỡng mộ”.



Tướng Ngô Quang Trường

Cơ duyên nào mà một vị tướng lừng danh của quân lực miền Nam Việt Nam lại kết duyên với cô con gái lớn của nhà văn tài hoa nhất Tự Lực Văn Đoàn? Tôi không biết nhiều để trả lời thật đúng cho câu hỏi này. Người có thẩm quyền trả lời là bà Trường. Mang dòng máu của nhà văn Thạch Lam tôi nghĩ Nhung nếu muốn viết cũng sẽ dễ thôi. Tôi cũng không có ý định viết hồi ký về anh vì thật tình tôi không biết nhiều. Chỉ xin ghi lại đây đôi chút kỷ niệm với anh trong dăm lần gặp gỡ hiếm hoi.

Trước khi gặp anh lần đầu tiên vào năm 1962 tôi đã nghe lan truyền câu chuyện về một mối tình tay ba của hai sĩ quan trẻ thuộc hai binh chủng khác nhau của QLVNCH, một không quân và một nhảy dù, với cô con gái lớn của một nhà văn nổi tiếng. Hai quân nhân cùng yêu một cô gái. Đó là chuyện thường tình trong cuộc chiến. Điểm đặc biệt họ lại là đôi bạn rất thân nhau. Trước cái chết có thể đến bất cứ khi nào, họ giao ước với nhau trong tình bạn là nếu người nào nằm xuống trước thì người kia nguyện sẽ suốt đời chăm lo cho cô gái kia. Người phi công sau

đó tử nạn máy bay và định mệnh đã đẩy cô em họ tôi gắn liền cuộc đời với anh Trường. Sau này nhiều lần gặp Nhung tôi toan hỏi Nhung về câu chuyện tình này có đúng sự thực hay không, nhưng tôi lại thôi không hỏi. Với tôi đó là một huyền thoại đẹp, hãy cứ để nguyên vẹn như thế trong trí tưởng tượng của tôi.

Năm 1962 tôi ở Sài Gòn và dạy học tại trường trung học Minh Tân ở Biên Hòa. Một bữa anh Triệu tôi, hiệu trưởng trường Minh Tân, chở tôi từ Biên Hòa về Sài Gòn trên chiếc xe lambretta của anh. Đến Thủ Đức anh tôi đề nghị ghé thăm Nhung lúc này đang ở đó. Trong lúc nói chuyện với Nhung thì có tiếng xe đỗ ở ngoài cửa. Tôi nhìn ra. Từ trên xe jeep một sĩ quan bận đồ dù nhảy xuống. Hai bông mai trên ve áo trịnh. Anh Trường lúc ấy cấp bậc Trung úy giữ chức vụ Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 5 Nhảy Dù. Anh người tầm thước, nước da ngăm đen, khuôn mặt sần sùi khắc khổ. Cảm tưởng đầu tiên của tôi là anh không những không đẹp trai, lại không có cái “tướng” hùng của một quân nhân. Trí tôi lúc ấy thoáng hiện câu chuyện tình tay ba và tôi hình dung khuôn mặt chàng phi công tử trận chắc là phải hào hoa và đẹp trai hơn anh Trường.

Năm 1967 tôi gặp anh Trường lần thứ nhì ở Huế thì trên ve áo trịnh của anh hai bông mai đã thay thế bằng một ngôi sao. Anh đã lên tướng! Người sĩ quan tôi trông không có “tướng” ấy, năm năm sau đã được thăng tướng trong một thời gian ngắn kỷ lục. Trong họ tôi bắt đầu có lời đồn đãi là từ khi anh Trường lấy Nhung thì như điều gặp gió đường binh nghiệp của anh lên vùn vụt. Từ một Trung úy Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 5 Nhảy Dù anh bây giờ là Chuẩn tướng Sư đoàn trưởng Sư đoàn 1 Bộ Binh. Năm ấy từ Sài Gòn tôi bay ra Huế hai tuần lễ và tá túc tại đại học xá Nam Giao, nơi mà hai năm trước tôi đã từng là sinh viên nội trú để theo học ở Đại Học Khoa Học Huế. Từ Nam Giao tôi đi bộ đến thăm cô em họ, lúc này đã khó gặp vì ở một nơi rất “kín cổng cao tường”. Tư dinh của tướng Trường là một biệt thự trên đường Lê Thánh Tôn gần nhà bưu điện Huế. Chung quanh tòa nhà giấy thép gai giăng đầy, ở bốn góc là bốn lô cốt thiết lập bằng những bao cát với những họng súng chĩa ra từ lỗ châu mai. Người lính gác cổng vào trong nhà báo và Nhung đã ra tận cổng để tiếp tôi. Chúng tôi đang nói chuyện ở sa lông thì anh Trường về. Trông anh mệt nhọc nhưng oai phong hơn hẳn lần tôi gặp anh 5 năm trước. Thuở ấy tôi chưa nhập ngũ, vẫn còn là sinh viên, dù vậy trông anh tôi cũng có cảm giác hơi khóp. Không biết có phải vì ngôi sao trên ve áo anh khiến tôi thấy anh oai vệ hơn không. Tôi đứng dậy chào anh trong lúc Nhung nói với anh Trường: “Anh Thiết, con bác Tam đấy!”. Anh không nói gì, chỉ khẽ gật đầu, rồi lẳng lặng ra chỗ quày rượu nơi có đặt mấy chai Martell có ngậm những củ sâm bên trong, anh rót rượu vào ly rồi cầm ly rượu trên tay không uống, anh chậm rãi bước tới bước lui trong phòng khách, đầu cúi nhìn sàn nhà vẻ mặt đăm chiêu suy nghĩ.

Đèo Hải Vân

Năm 1970 khi tôi gặp lại anh lần thứ ba thì tôi đã là một quân nhân. Sau biến cố Tết Mậu Thân tôi nhập ngũ khóa 2/68 Thủ Đức. Ra trường tôi phục vụ ngành Chiến Tranh Chính Trị tại Tổng Cục CTCT ở Sài Gòn. Năm ấy khoảng gần tết thím Sáu tôi tức là bà Thạch Lam mất tôi đi viếng thím trong bộ quân phục. Quan tài thím đặt tại tư dinh tướng Trường trong cư xá sĩ quan Chí Hòa. Họ hàng chúng tôi đứng chập hai bên quan tài đặt chính giữa phòng khách. Xe jeep đậu trước cửa. Anh Trường bước vào. Bỏ chiếc mũ lưỡi trai cặp tay – chiếc mũ gắn hai ngôi sao đen – anh đứng yên lặng trước quan tài mẹ vợ cúi đầu. Đứng ở bên này quan tài, đối mặt anh lần đầu trong tư thế một quân nhân, một Thiếu úy trước một Thiếu tướng, tôi cảm nhận tất cả cái trọng trách lớn lao của vị tướng Tư Lệnh Quân Đoàn IV, quân khu IV, hẳn trên gương mặt khắc khổ của anh. Hai phút sau anh đội mũ lên đầu rồi vội vã bước ra xe đi mất.

Năm 1972 sau “mùa hè đỏ lửa” tôi là một trong ba sĩ quan của Khối Kế Hoạch/ Tổng Cục CTCT đi thanh tra vùng giới tuyến. Ba người ấy là Trung tá Vĩnh Huyền, Thiếu tá Nguyễn Công Luận và tôi với cấp bậc Trung úy. Phái đoàn bay ra Huế trú đóng hai tuần lễ ở Mang Cá trong cố thành Đại Nội. Không khí nơi đây đượm mùi chiến tranh. Lần đầu tiên kể từ ngày ra trường tôi

trực diện với cuộc chiến. Cộng quân lúc này thỉnh thoảng vẫn tiếp tục nã pháo vào cố thành Huế. Mỗi lần nghe tiếng đạn rít trên không trung tôi quơ nón sắt chụp lên đầu nhào xuống giao thông hào nơi hàng trăm binh sĩ thuộc đủ loại binh chủng và cấp bậc cùng nhào xuống trú pháo. Theo bản năng tự nhiên mỗi lần nghe tiếng đạn pháo rít trên cao là tôi lại cúi đầu xuống đất mặc dù tôi biết rằng nghe được tiếng đạn rít tức là mình đã thoát chết vì đạn đã bay qua khỏi đầu. Chính trong lúc trú pháo này mà tôi hiểu được nỗi kinh hoàng mà anh vợ tôi Trung úy Nguyễn Thái Hòa và những chiến sĩ sư đoàn 5 Bộ Binh tử thủ An Lộc đã phải hứng chịu trước những trận mưa pháo dữ dội hơn gấp cả ngàn lần. Trước khi ra Huế lần này tôi đã đi chôn anh Hòa tại nghĩa trang Quân Đội Biên Hòa. Anh tử trận ngày 7-7-1972 đúng ngày Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu bay xuống An Lộc gắn lon Đại úy cho anh và ngay đêm đó anh bị pháo chết. Nội trong 24 tiếng đồng hồ ông anh vợ tôi đã lên chức hai lần, từ Trung úy lên cố Thiếu tá. Và cũng chính trong lần ra Huế này mà tôi được nghe được rất nhiều giai thoại về anh Trường, “người hùng tái chiếm Quảng Trị” lúc này đã được vinh thăng Trung tướng với ba sao trên ve áo và giữ chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn I, Quân khu I. Tất cả những giai thoại đó nếu được ghi lại đầy đủ tôi nghĩ có thể viết thành một quyển sách. Giai thoại về sự thanh liêm trong sạch của anh cũng có. Giai thoại về tác phong chỉ huy của anh cũng có. Giai thoại về lòng thương lính dưới quyền của anh cũng có.

Tôi nhớ là trong giao thông hào giữa hai đợt pháo kích một vị sĩ quan cạnh tôi sau khi biết sự liên hệ rất gần giữa tôi với anh Trường hỏi tôi có đi thăm tướng Trường trong lần ra Huế này không. Tôi trả lời không. Rồi tôi nói thêm: “Mình chả dại. Đang ngon lành trong ngành CTCT lại ở hậu cứ, gặp ông nhớ ông lại ký giấy tống mình ra tiền tuyến thì mệt lắm. Mà không phải tôi nói giỡn đâu. Một người anh họ tôi cùng khoá với tôi 2/68 đã bị lãnh búa rồi. Ông tướng hãnh diện đi khoe với cố vấn Mỹ là có người anh họ đang chiến đấu ở ngay tuyến đầu!”

Lần thứ tư tôi gặp anh Trường là vào tháng 7 năm 1993 tại Virginia, tiểu bang êm đềm của nước Mỹ. Như một khúc phim được quay nhanh, hai mươi ba năm sau ngày tôi gặp anh lần chót ở Việt Nam tôi lại thăm anh Trường tại tư gia, một căn nhà khiêm nhường tại vùng thủ đô Hoa Kỳ. Cuộc chiến Việt Nam như một giấc mơ hãi hùng nhưng không thực lúc này đã trở thành dĩ vãng. Năm đó vào tháng 7 chúng tôi bay qua miền Đông nhân ngày giỗ thứ 30 của cha tôi được tổ chức tại nhà anh cả tôi, anh Việt, ở Virginia. Lần đầu tiên gặp anh Trường trong bộ thường phục, trông anh là lạ. Anh bận chiếc áo bông-ta-gu màu đỏ trông anh mập ra, trẻ trung và khỏe mạnh. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy ở anh vẻ an bình hiện trên gương mặt. Nhưng đó chắc chỉ là bề ngoài. Bên trong chắc hẳn anh mang nặng nỗi đau và niềm cay đắng của một vị tướng bại trận sẽ mang theo anh cho đến tận cuối đời. Anh đích thân rót rượu và ân cần mời tất cả mọi người. Tôi toan tiến lại gần anh, nói với anh vài lời, đặc biệt là bày tỏ tấm lòng của tôi đối với anh, nhưng tôi lại thôi. Tôi nghĩ trong bụng anh có thể đã nghe những lời bày tỏ tương tự như thế rất nhiều lần rồi, nói ra lại thành khách sáo, vả lại chúng tôi là người nhà, còn thiếu gì những dịp khác để gặp anh tâm tình. Nhưng tôi đã làm. Dịp khác để gặp anh đã không bao giờ đến, cho đến khi anh ra đi vĩnh viễn vào ngày 22 tháng 1 năm 2007. Tôi không thể ngờ lần thứ tư tôi gặp anh ở Virginia đó cũng là lần chót. Và chúng tôi vẫn chưa bao giờ trao đổi với nhau được lấy một lời. Tôi chỉ còn cách tự an ủi là ba năm trước khi anh mất anh đã đọc những lời chân tình của tôi viết về anh trên trang đầu cuốn sách Giòng Sông Thanh Thủy tôi gửi tặng.

Trưa hôm nay tôi lái xe đến thăm anh Phạm Hậu. Nhà anh Hậu ở Bothell, cách Shoreline chỗ chúng tôi ở khoảng 20 phút lái xe. Từ mấy năm nay chúng tôi có một giao ước. Cứ cách khoảng hai tháng là hai đứa phải ới cho nhau một tiếng, hẹn nhau tại một quán ăn, ăn trưa rồi ngồi hàn huyên. Luân phiên chúng tôi trả tiền. Nhưng dạo này anh hơi lẩn, ngại lái xe, nên tôi thường đến nhà anh chở anh đi.

Từ trong nhà bước ra anh nói ngay:

– Tôi quên mất rồi. Không biết lần này ai trả tiền, ông hay tôi?

– Tôi cũng không nhớ. Nhưng nhằm nhò gì. Để tôi trả cho. Anh cứ “vô tư” đi cho tôi nhò!

– Này! Ông đừng lợi dụng bệnh Alzheimer của tôi nhé! Cái gì cũng phải cho nó sòng phẳng...

Trong lúc lái xe tôi nghĩ đến sự tình cờ hi hữu đã khiến chúng tôi gặp lại nhau và ở gần nhau trên nước Mỹ. Bốn mươi năm trước chúng tôi có một thời gian cùng phục vụ tại Khối Kế Hoạch/Tổng Cục CTCT. Anh Hậu lúc ấy là Thiếu tá nhưng anh chỉ tạm trú ở Tổng Cục vài tháng trước khi chờ biệt phái sang Phủ Tổng Thống. Hồi đó tôi nghe đồn anh có “gốc” lớn lắm. Sau này kể anh chuyện ấy anh cười nói: “Gốc mẹ gì! Toàn là đồn nhảm không à!”. Tôi cũng nhớ là sau khi biết tôi là con của ông cụ, anh Hậu, tác giả tập thơ Chuyện Chúng Minh, có đọc cho tôi ngay câu thơ mà anh đã làm trước đó mười năm: “Yêu Nhất Linh tôi chọn tên Nhất Tuấn”. Cùng sang Mỹ năm 1975 và cùng chọn tiểu bang miền Tây Bắc nước Mỹ để định cư, chúng tôi đã có dịp gặp nhau thường xuyên từ hơn ba mươi năm nay.

Ăn trưa xong, bên tách trà nóng, chúng tôi ngồi ôn chuyện cũ. Lẫn trong câu chuyện hình ảnh của những người mà chúng tôi đã từng quen biết năm xưa, người mất kẻ còn, lần lượt hiện ra. Tội nghiệp Trung tá Ngô Văn Hùng, Trưởng khối Kế Hoạch/Tổng Cục CTCT, xếp của chúng tôi, đã chết vì ngộ độc trên chuyến tàu hỏa chở những tù nhân cải tạo ra Bắc. Trung tá Nguyễn Đình Bảo, Trưởng phòng Nghiên Cứu Kế Hoạch, xếp trực tiếp của tôi, cũng đã ra đi tại tiểu bang New Jersey miền Đông nước Mỹ. Trung tá Vĩnh Huyền, Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 50 CTCT, người mà anh Hậu vẫn khen là có gương mặt và tác phong rất bảnh, đã từ lâu tôi mất liên lạc, không biết còn ở Calgary bên Canada hay không. Và Thiếu tá Nguyễn Công Luận nữa, không biết anh còn ở San José hay không, sức khỏe anh hiện ra sao...

Bên ngoài lướt qua khung kính của nhà hàng mưa nhẹ bay bay. Bãi đậu xe lá vàng phủ ước nhẹ. Bây giờ là cuối thu, những chiếc lá của hàng cây phong trồng trên bãi đậu xe đã bắt đầu chuyển từ màu vàng óng sang màu đỏ tía. Mỗi lần cơn gió mạnh thổi lá rụng lá tả bay đậu trên mũi trên kính những chiếc xe hơi nằm trên bãi.

Tôi nhìn anh Phạm Hậu ngắm hàng râu mép của anh và bỗng thấy anh cũng bảnh y như Trung tá Vĩnh Huyền trong hình ảnh ký ức tôi năm xưa. Chỉ khác là bây giờ râu tóc của nhà thơ này đã chuyển sang màu muối tiêu. Nhớ đến Trung tá Vĩnh Huyền tôi lại liên tưởng đến lần chúng tôi ra Huế năm 1972 và tôi nói với anh Hậu:

– Tôi đang viết giờ một bài về tướng Ngô Quang Trưởng, nghe nói anh có làm bài thơ về ông Trưởng hay lắm, anh có thể đọc cho tôi được không?

Năm ngoái cũng trong một lần đi ăn trưa như hôm nay tôi đã kể cho anh Hậu nghe về ước muốn sau cùng của anh Trưởng là sau khi anh chết tro của anh được thả trên đèo Hải Vân. Vào mùa hạ năm 2008, một năm sau khi anh chết, ý nguyện đó đã được gia đình thực hiện. Theo lời Nhung kể cho tôi trong một lần điện đàm thì anh Trưởng có một người tài xế sống ở Việt Nam mà Nhung vẫn thường xuyên liên lạc và giúp đỡ từ nhiều năm nay. Chính chú tài xế ấy đã đón Nhung và các con Nhung tại phi trường Tân Sơn Nhất khi Nhung mang bình tro anh Trưởng về Việt Nam. Từ phi trường chú tài xế chờ mọi người về nhà chú tại ngoại ô thành phố Sài Gòn. Thật là một điều lạ lùng là nhà chú tài xế đó lại ở trên đường Thạch Lam, một con đường mới mở sau này khá lớn và dài ở sâu trong Chợ Lớn. Tôi có hỏi Nhung là chú ấy có biết Nhung là con của Thạch Lam hay không Nhung trả lời là chú ấy không biết và Nhung cũng không nói. Rồi sau đó tất cả bay ra Huế thuê xe lên đèo Hải Vân. Đến gần đỉnh đèo nơi một khúc ngoặt nguy hiểm có một cái miếu nhỏ thờ những người bị tai nạn chết ở đó Nhung quyết định chọn chỗ này để rải tro. Suốt ngày hôm đó trời âm u giông gió. Mấy mẹ con và chú tài xế khấn nguyện trước miếu. Một lát lâu sau khấn xong ngừng lên thì trời đất bỗng dưng quang đặng hẳn lên mây tan và trời trong xanh. Vợ con anh Trưởng từng người một kể cả người tài

xé trung thành lần lượt rải tro theo gió, tro của vị tướng lừng danh của quân sử VNCH bay trên ngọn đèn hồng vĩ Hải Vân nơi mà chú tài xế kia đã nhiều lần chở vị tướng ba sao qua lại trên trục lộ Huế-Đà Nẵng, ngọn đèn đã đưa vị tướng chốn lĩnh vùng địa đầu lên đỉnh vinh quang và cũng là ngọn đèn đã kéo vị tướng ấy xuống chốn cùng thảm bại.

Rải tro theo gió... trên đỉnh đèn Hải Vân... ý nguyện của người đã khuất gọi lên trong tôi hình ảnh vừa bi hùng lại vừa lãng mạn, như là sự kết hợp tuyệt vời giữa mỗi tình của viên dũng tướng với cô con gái đầu lòng của nhà văn Tự Lực Văn Đoàn.

Ngậm ngùi tôi lắng nghe anh Phạm Hậu đọc bốn câu thơ sau đây của anh:

*Lệnh sáng giữ, lệnh chiều bỏ Huế!
Bao chiến công... cũng thế mà thôi
Hải Vân... tro rắc bốn trời
Hạt tro nào... lạc vào nơi cỏ thành?*

Nhất Tuấn

Tiểu đoàn 5 Nhảy Dù VN (3/1954-9/1954).

Kỷ niệm về chú Viễn Sơn Nguyễn Tường Bách Nguyễn Lân

(con Hoàng Đạo)

Kính thưa chú,

"Trăm năm còn có gì đâu

Chẳng qua một nắm cỏ khô xanh rì" (Kiều)

Chú ra đi trong thanh thản. Nhưng cháu không nghĩ vậy. Cứ mỗi năm gặp gỡ, lần nào chú cũng thờ dài. Chú vẫn nuối tiếc sự nghiệp dang dở. Chú vẫn chưa thấy mình làm trọn bổn phận với dân tình, với đất nước. Và trước khi nhắm mắt, chú biết rằng mình đã bất lực. Bài thơ CHIỀU viết tại Tiên Sơn (Trung Quốc) hai chú cháu cùng tâm đắc:

"Chiều tà lê gót xóm Kiều hương

Mắt lệ mờ loang bóng phố phường

Tuổi thơ hoài bão nay còn hết?

Vận nước làm đo máy ngã đường.

Bao năm bão táp như sồn gỏi,

Ngàn xưa lý tưởng gấn đau thương

Cây tùng nghênh gió qua ngày tháng

Mái tóc xanh giờ đã điểm sương" (Viễn Sơn)

Hàng năm, dù hai miền đông tây xa cách, cháu vẫn bay sang thăm chú. Cháu muốn tìm lại tình phụ tử mà cháu mất khi chưa đầy 10 tuổi. Cháu muốn nhìn lại hình ảnh thân quen của Ba cháu (Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long) qua người em ruột. Cháu muốn ngắm kỹ nét đặc thù của dòng họ từ hình dáng đến tư tưởng. Ba cháu, bác Tam và chú là những người nhiệt thành, phóng khoáng, mang tư tưởng Tự Lực Văn Đoàn, mang tính chất người cách mạng Việt Nam.

Ngày cháu còn nhỏ, khoảng 6,7 tuổi - 70 năm về trước - chú là một thanh niên hiếu động, một sinh viên y khoa sắp ra trường, tương lai rạng rỡ. Dáng người dong dỏng cao, trắng trẻo, đẹp như lai. Hồi đó chắc nhiều cô theo đuổi. Nhưng sao cháu lại kỵ chú? Cháu sợ mỗi khi chú kề bên. Chú hay chọc ghẹo con nít nhất là ngày ấy cháu trông "ngon quá". Chú thì thầm: "Sạch sẽ, thơm tho thật! Ra đường cướp thấy nó xẻo tai cho!" Chưa hết! Cháu đang ăn bánh là bị chú

cướp giật. Cháu đương uống nước dừa là bị chú hắt đổ. Cháu bực lắm! Chú thích vui, thích đùa cười mà lại đùa dai. Cháu còn bé dại đâu hiểu nổi!

Ngày, tháng qua...

Rồi Cách Mạng tháng Tám năm 1945... Rồi Việt Minh Cộng Sản cướp chính quyền. Rồi thực dân Pháp trở lại. Rồi những người Quốc Gia thua trận phải lưu vong! Chú đã vượt biên giới sang Tàu, tìm lại các anh (Hoàng Đạo, Nhất Linh) tìm lại những người cùng chung chí hướng, cùng nhau mưu đại sự cho ngày mai. Nhưng “mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên” hay là vì những người quốc gia chưa đủ trình độ gian xảo như cáo Hồ nên ... suốt đời bôn ba, mất nơi hải ngoại như ba cháu, tự hủy mình để đấu tranh cho nhân quyền như bác Tam, hay tóc bạc mới được hưởng những năm tháng tự do trong tuổi già như chú để cuối đời vẫn ngậm ngùi nuối tiếc chưa trả xong nợ núi sông?! Năm 1988 cháu gặp lại chú. Chú vẫn đẹp nhưng là đẹp lão. Chú trầm tính hơn xưa nhiều. Đây là lúc cháu học nơi chú. Đây là lúc cháu cảm thấy rất gần gũi với chú. Những hoạt động của người cách mạng, những phấn đấu, những đắng cay, những khó khăn mà người yêu nước dần thân phải trải qua. Thời gian này, chú là nhân chứng duy nhất có thể kể lại cho thế hệ sau những biến cố lịch sử xảy ra trong khoảng thời gian 1932-1946. Tên tuổi của những nhân vật siêu việt trong nước hoặc xảo trá bịp bợm nhất lịch sử chỉ mình chú sống sót, là nhân chứng mà thôi. Hơn thế, chú đã dự phần vào cuộc đấu tranh chung ấy. Cháu còn tò mò muốn biết đời sống của chú trong thời gian 39 năm ở Trung Hoa lục địa. Chú vẫn giữ quốc tịch Việt Nam. Là một bác sỹ có lương tâm, chú tận tụy với bệnh nhân không phân biệt chính kiến. Là một người ly hương giản dị, làm việc để vợ con đủ ăn, thế thôi. Thì gia đình mình, từ thời bà nội vẫn thanh bạch, thừa chú! Chú nói chuyện chậm rãi, nhẹ nhàng và điều mà cháu kính yêu nơi chú, sự khiêm tốn. Chú là con người chí tình, là con người không ưa phô trương. Một điểm son nữa ở chú là với bất cứ ai, dù là kẻ thù, chú không một lời thóa mạ, bôi nhọ. Chú còn công nhận kẻ đối đầu là người tài giỏi mặc dù hẳn không cùng chiến tuyến, đi sai đường lối dân tộc. Thế có phải là tính chất Nguyễn Tường không, thừa chú? Chú không phải là người quá khích mặc dù trên phương diện đấu tranh, chú là người cương quyết, quả cảm. Thêm điểm son nữa cháu mến mộ.

Ngày qua... tháng qua... năm qua...

Sự nhanh nhẹn, mình mẫn kém dần... Ai chẳng thế! Biết vậy, sao cháu vẫn đau lòng khi thấy tay chú run lên từng hồi, chân bước nặng nề khó khăn hơn, tóc bạc hơn, phản ứng chậm chạp hơn. Gia đình nhà ta chỉ còn mình chú là bậc trưởng thượng. Tuy nhiên so với các anh chị, chú là người thọ nhất. Chú Thạch Lam mất mới ngoài 30, ba cháu qua đời ở tuổi 42, và bác Nhất Linh từ trần khi 57 tuổi. Thâm tâm tự an ủi, chú Bách sống lâu hơn các anh nhiều! Cháu biết chú thích trò chuyện với cháu. Mỗi lần tới thăm, cháu thấy mắt chú sáng lên. Mắt cháu cũng sáng lên vì giờ phút này cháu là người trêu chọc chú. Cháu muốn chú vui. Cháu muốn bộ não của chú hoạt động. Cháu muốn trí nhớ của chú bền bỉ. Mấy năm trước, chú đọc cuốn truyện ngắn đầu tay Sôi Nổi của cháu, chú bảo: “Viết tiếp đi. Viết truyện dài đi. Viết về đất nước, xã hội hay viết chuyện tình... cố gắng viết nhé. Anh viết được đấy. Thích viết về gì?” – “Thưa chú, chuyện tình. Mà phải là chuyện tình của Viễn Sơn Nguyễn Tường Bách cháu mới có hứng. Chú kể cho cháu nghe đi. Cháu không viết thì chẳng còn ai biết tình cảm của chú thuở xa xưa nữa. Chú nghĩ sao?”

Chú im lặng. Cháu thúc giục. Chú chậm rãi: “Quên hết rồi! – Vì nhiều quá? – Không, vì phải quên, vì còn nhiều chuyện quan trọng hơn. – Vì đất nước, cháu hiểu. Nhưng đó là ngày xưa. Bây giờ đã lớn tuổi, có tiếng tăm, chú cần ghi lại những mẫu đời lãng mạn cho hậu thế - Tiếng tăm là cái gì?”. Chú ngờ ngác nhìn cháu như thăm khuyển “Họ Nguyễn Tường không có suy nghĩ kiểu đó!”

Cứ cái điệu này biết bao giờ cháu mới moi được cuộc đời tình ái của chú. Nhưng rồi, chú cũng kể... thi vị và lãng mạn, đẹp như mộng những mối tình dang dở... nào những khi sóng bước

trên đường Cổ Ngư, nào những lúc bơi thuyền trên mặt nước Tây Hồ... những tình tiết nên thơ đó chỉ còn là kỷ niệm... chỉ vì lý tưởng, vì đất nước! Cháu vừa phục vừa thương, chú ơi!

Đêm qua giật mình vì tiếng chuông điện thoại từ Westminster cho biết chú đã từ trần lúc hơn hai giờ trưa. Cháu không ngạc nhiên vì từ mấy năm nay chú yếu lắm rồi. Nhưng cháu vẫn lặng người, vẫn thấy hụt hẫng. Tháng 7 này, ngày kỷ niệm 50 năm của Nhất Linh, ngày hội thảo về Tự Lực Văn Đoàn không còn chú nữa! Trống vắng quá!

Đêm nay, ngồi viết những giòng chữ này, hình ảnh chú hiện ra trước mắt. Những ngày cuối cùng của một cụ già còm cõi bại liệt, một con người tài hoa, có chí hướng, đầy nhiệt tâm, chân thành và lãng mạn thuở xưa nay còn đâu!

Trước mắt cháu những cuốn sách của chú bày la liệt... Việt Nam Những Ngày Lịch Sử, Trên Sông Hồng Cuồn Cuộn, Hồi Ký Việt Nam Một Thế Kỷ Qua... và những bài tản văn... Cháu sẽ đọc lại để học hỏi, để nhớ chú, để nhớ một con người mà theo cháu: *Không thành công nhưng thành Nhân.*

Giờ này chú đang đoàn tụ cùng các anh chị và thím. Chú đang vui.
Sẽ có ngày chú cháu mình gặp lại.

Thương kính,
Cháu Nguyễn Lân

(Viết tại Virginia 3 giờ rưỡi sáng ngày 12 tháng 5 năm 2013)

Dấu xưa **Nguyễn Tường Giang**

Buổi sáng hôm ấy trời có nhiều sương mù. Lúc tôi tỉnh dậy hơi lạnh thấm qua nền nhà gỗ truyền qua gan bàn chân làm tôi có cảm tưởng như trở thành một giọt sương. Các cửa sổ đều đóng kín, nhưng qua làn kính trong suốt, những bông hoa mimosa nở vàng lay động êm đềm. Căn nhà nằm trên một triền đồi cao, con dốc sáng lên với những viên đá xanh nằm ngổn ngang và những đám cỏ non còn ướt thẫm. Phía dưới xa kia là mặt hồ lớn, hơi khói bốc lên nghi ngút, quyện vào nhau. Kính đứng bên cạnh tôi, hai tay thủ vào túi áo bành tô bằng dạ xám đã cũ, thả những làn khói thuốc vào mặt kính. Anh nói nhỏ qua hàm răng cắn chặt cán chiếc tàu thuốc: Ông có nhìn thấy cây soan tây ở chân đồi không. Tôi nhìn theo tay trở xuống một thân cây mảnh khảnh ở giữa những rặng thông, một cây soan tây với những bông hoa mờ nhạt.

Kỳ còn nằm ở trong phòng hồi vọng ra: Có phải cây soan tây ngoài mình gọi là cây sấu đông. Không ai trả lời vì Kính còn mãi mãi lại tàu thuốc đã tắt. Tôi hà hơi lên mặt kính rồi lấy tay xoa một vòng nhỏ, một hình ảnh nào đó trong một cuốn phim đã coi lâu. Kính rủ tôi ra xem mấy chậu lan. Ở ngoài trời, gió mát lạnh lùa vào người như thấm nước trên từng phần nhỏ của da, Kính lấy tay hất nước từ một chiếc mũ sắt tưới cây. Những giọt nước bay lên cao lóng lánh. Hình ảnh một người bốn mươi tuổi, miệng ngậm tàu thuốc, những đám chân râu xanh chạy trên mép, cầm một chiếc mũ sắt tưới những hàng lan nằm trên bể nước cũ hoặc treo lủng lẳng trên cây làm tôi ngậm ngùi, một chút gì mát mát ở đâu đây. Không khí như không một vẩn bụi, sạch quá. Một chậu lan mới mở sáng nay, những cánh hoa trắng và mỏng, long lanh như tuyết đọng. Tôi kề mũi vào người, chỉ thấy mùi mát ạnh của sương đêm và những cánh nhụy nhỏ như đốm phấn vàng trên cánh bướm. Kính đã ngừng tay, chiếc mũ sắt rung rinh như một con thuyền. Lan Tuyết Ngọc đấy. Ngày xưa ông bác ông cũng nói về thứ này.

Một buổi sáng mù sương nào ở núi rừng Phi Nôm , người bác già đã dẫn tôi , một cậu bé chưa đầy mười lăm tuổi , vào khu rừng sau nhà tìm lan . Căn nhà bằng gỗ nằm xa quốc lộ phía sau mở một con đường vào rừng . Qua một con suối nhỏ róc rách những tiếng reo vui – người đi lâu chưa thấy về , nhớ người lòng suối Đa Mê cũng buồn – là tới rừng râm . Mùa mưa , rừng âm u và những con vắt lạnh như kim khí bám vào người khiến tôi không có một chút thích thú nào . Ông đi một đôi ủng cao su cao đến đầu gối , mỗi lần kiếm được một loại lan lại giảng giải tôi nghe. Tội nghiệp tôi , trời lạnh và trí óc còn mơ đến những bông hoa rực rỡ của đời , tôi nào có thấy những cánh hoa thanh khiết và cao quý của núi rừng là đẹp. Ông chỉ tôi người từng loại hoa , nhưng hương thơm của lan nhẹ quá , nhẹ đến nỗi khứu giác non nớt của tôi chỉ thấy mùi đất ẩm và gỗ mục. Tháng Tám năm đó , ông làm những ngôi đèn ông sao bằng giấy bản mỏng và cả ngày ngồi vẽ từng loại lan trên mặt đèn. Ngày rằm được chiếu sáng bởi những ngọn nến nhỏ , những bông lan như nở hết những cánh hoa đẹp nhất , lung linh trong trận mưa nhỏ hạt.

Bây giờ ông đã chết. Tôi ngó bông lan mới nở , ngó những cánh lá lan dài và thon nhẹ , những chiếc rễ cây nhỏ bám vào đất ẩm của chiếc vỏ dừa bỏ đời hay của một thanh gỗ mục , Tôi đã già rồi chẳng. Tôi đọc hai câu thơ nhớ được về lan : Sắc trong Thanh ngọc hương thơm mộng. Một thoáng mơ tiên thoáng xuống trần. Kinh nói : Đó là lan Thanh ngọc , đây cũng có một giò Thanh ngọc . Lan Thanh ngọc thơm hơn Tuyết ngọc nhiều. Rồi Kinh trở một giò lan nằm lẫn lộn với các loài khác. Những cánh lá nhỏ , rêu xanh mọc lan trên các rễ cây. Những ngón tay Kinh mơ man nhẹ trên các lá , ngó những đốt cây một cách thích thú. Nhiều khi chỉ có những con sâu nhỏ mà làm hỏng một giò lan của mình. Tôi cười : Thì giết nó đi , có gì khó đâu. Kinh trả lời như tôi vừa làm một điều xúc phạm : Sâu cũng là một sinh vật , nó chắc không ý thức được việc nó làm. Rồi Kinh cười buồn. Có tiếng Kỳ vọng ra : vào uống trà cho ấm người. Kinh nhắc chậu lan mới nở , mang bằng cả hai tay. tôi đốt một điếu thuốc thơm , trời lạnh và buổi sáng vắng người.

Chiếc bàn bằng gỗ thấp nằm ở phòng trên một chiếc chiếu hoa. Mặt bàn phủ một chiếc khăn dạ màu xám nhạt. Một chiếc bình thủy màu ca-rô đỏ , một cái ấm đất bằng nắm tay và những tách nhỏ như hạt mít. Kinh đặt chậu hoa ở giữa bàn. Chiêm cũng đã dậy và ngồi gần góc bàn. Chiêm hỏi : Các ông định ở chơi bao lâu. Kỳ đáp : Vui thì ở lâu , buồn thì về. Kinh rót trà ra từng tách nhỏ : Phải uống thật chậm , trà Trung quốc đây Lan Thanh ngọc phải có hơi trà mới thơm. Chúng tôi cùng nâng tách trà lên , thổi nhẹ trên mặt nước trong như hổ phách. Hơi trà bốc lên quện vào những cánh lan và hương thơm tỏa ra , tỏa ra. Căn nhà lát bằng gỗ cả bốn bức tường , sàn cũng bằng gỗ đánh vec-ni đen bóng. Phòng này Chiêm và Kinh ở. Nửa bên kia là văn phòng làm việc của Ty. Kỳ và tôi hôm qua đến đây đã hỏi đùa : Ông đúng là công chức gương mẫu , việc nhà như việc nhà. Chiêm rời bàn làm việc , chân đi vớ dầy và dép da dẫn chúng tôi qua phòng riêng. Những chiếc ghế mây đã cũ , không còn nệm. Một cành đào còn nở hoa cắm trên chậu xứ. Bàn thờ Phật với hình Đức Quan Âm bồ tát. Một nén nhang đang cháy mùi thơm phảng phất. Chiêm nói : Nhà này trước là hotell thời Pháp bây giờ mình dùng làm Ty sở. Mà ở đây cũng chẳng có gì để làm cả. Ông có bao nhiêu nhân viên. Chiêm chỉ bằng quơ : sáu người , mà lẽ ra một người làm cũng quá đủ rồi. Người sinh viên đã từng tranh đấu bao nhiêu năm , làm đổ bao nhiêu chế độ. Giờ đây Chiêm thu mình trong chiếc áo đan bằng len dày , màu tro xám - màu của Phật tử - Một mình đi lại trong căn phòng gỗ của miền Cao nguyên. Chiêm mới được ba mươi tuổi. Tôi nhìn trên vách ở đầu giường có treo hình hòa thượng Thích Quảng Đức lúc viết bức thư trước khi tự thiêu và chân dung của Gandhi , lãnh tụ bất bạo động.

Trời lạnh. Ở phía cuối giường có dán một tấm bìa lớn vẽ phóng lại một trang báo Văn Hóa Ngày Nay. Bức tranh có ánh trắng chiếu hui hắt qua song cửa , soi lên mặt bàn có để một cái ly nhỏ. Bài thơ Tương Biệt Dạ của Huyền Kiều. Kinh nói : Các ông có thấy tượng Phật đặc biệt của tôi chưa. Tôi và Kỳ cùng đáp chưa và theo Kinh ra nhà ngoài. Tôi sờ trên mặt pho tượng đã nát một bên mặt , những mẫu đồng ram ráp dưới làn da. Giữa thời đại này Phật không có mắt

mà lại hay. Chúng tôi trở lại bàn uống trà , cùng im lặng. chiếc may thu thanh nhỏ đã cũ rè rè phát ra một bản nhạc buồn. Kỳ vẫn vợ vuốt tay trên nòng súng carbine phòng vệ dân sự , nòng súng đã rỉ ở ngoài. Kính hít một hơi thuốc dài rồi nhả khói lên cao hai tay vẫn thu vào trong áo bành tô. Ngoài trời hình như có gió , tôi nghe thấy tiếng sào sạc của lá cây.

Mẹ tôi mất vào 6 giờ tối. Lúc đó tôi mới làm việc ở B.H. về , qua nhà đón vợ con lên thăm bà. Không có một linh tính nào báo trước việc đó cả. Có một chi tiết nhỏ , vợ tôi buổi sáng có mua một ít bánh cuốn Thanh Trì - thứ bánh mẹ tôi rất thích khi còn sống - nơi bà gánh hàng rong hông chợ Bến Thành. Đáng lẽ ra tôi về nhà từ buổi trưa và mang lên cho mẹ tôi ăn. Nhưng một phần vì chiếc xe bị hết bình điện phải đi sửa lại. Một phần vì hôm đó là ngày trực của tôi , tôi phải nhờ một người bạn thay thế. Buổi trưa trời nắng gắt đến độ mồ hôi bết cả áo quần , tôi mệt như người ở trong lò lửa. Vào khoảng 3 giờ tôi có hơi sốt ruột vì sự chậm trễ. Tôi xuống phòng mổ lấy một bịch máu loại O, bỏ cả vào bao ni lông , mua ít đá cục chườm chung quanh. tôi dặn dò vài nhân viên về sự vắng mặt và đi ra chỗ sửa xe. Bình điện chưa được mạnh lắm nhưng tôi cũng lấy và đi về Sài Gòn. Chiếc xe hơi quá cũ , tay lái bị lỏng tuy nhiên tôi chạy hết tốc lực có thể được.

Tôi có nghĩ nhiều đến mẹ tôi trên đường về nhưng không một chút nghi ngờ bà chết ngày hôm nay. Mẹ tôi bị bệnh đã lâu , ung thu dạ dày. Cách đây hai năm bà đã bị mổ cắt đi hai phần ba. Người giải phẫu cho bà cũng là ông thầy đỡ đầu cho tôi trình luận án , đã kéo tôi vào phòng riêng và nói : Nếu ăn uống đàng hoàng thì có thể kéo dài hai năm. Tôi cũng nghĩ như thế và bây giờ sức khỏe của mẹ tôi đã yếu lắm. Hai năm qua đi không một biến chứng nào , tôi nghĩ đôi khi khoa học cũng bị vượt qua bởi nhiều sự tình cờ. Tôi cũng đã đi làm việc được một năm và về thăm bà rất đều đặn. Tôi có gửi bà nuôi đứa con lớn nhất , mới hai tuổi , cũng là cháu trai nội độc nhất của bà. Bà ở cùng người con lớn, anh tôi. Anh độc thân và làm việc ở bộ Kinh-Tế. Tôi còn một người chị theo chồng ở ngoài Huế , lâu lâu về thăm bà một lần. Mẹ tôi vui hay buồn trong thời gian này tôi cũng không quả quyết lắm. Tôi mồ côi cha từ nhỏ , khi sinh ra có ba ngày và tôi đã sống gần mẹ trong suốt ba mươi năm. Khi chiến tranh bùng nổ , một mình bà dắt díu ba chị em tôi về một làng hẻo lánh ở Bắc- Giang và tôi sống cả tuổi thơ ở đó. Mẹ tôi đi mót lúa , gánh gạo suốt mười cây số để đến chợ , chị tôi phụ giúp bà. Tôi và người anh đi vào rừng kiếm củi , nhặt nắm rẻ hay trái cây.

Năm sáu tuổi tôi được đi học ở trường làng cách hai cây số. Con đường đến trường phải qua một khu rừng lau. Vào mùa thu bông lau nở trắng xóa cả một vùng. Năm 49 , bà đưa chúng tôi về Hải-Phòng , đưa làm hai lần vì sợ nguy hiểm. Tôi và anh tôi về trước , bà gửi chúng tôi ở nhà một người cô (Chị ruột cha tôi) rồi lại vội vã quay về đón chị tôi. Lúc trở về Hải-Phòng tôi có bị chết hụt mấy lần. Có lần đại bác nổ gần chúng tôi và khi phải tranh nhau qua đò , tôi bị xô đẩy bay xuống lòng sông cuộn cuộn. Họ vớt tôi lên và khi qua sông phải chạy thêm hai cây số với quần áo ướt đầm. Sáng hôm sau đã nghe tin con đò bị trúng đạn và chìm ở giữa dòng. Tôi nhớ mãi chi tiết này là vì từ sau lần đó mẹ tôi không rời tôi nửa bước và lòng mến thương của bà , sự âu yếm đặc biệt của bà đã khiến tôi được như ngày nay.

Chúng tôi ở Hải-Phòng hơn một năm rồi theo gia đình bà cô về Hà-Nội. Mẹ tôi xin được việc làm ở Nha Bưu Điện, với một số lương ít ỏi , bà nuôi anh em tôi ăn học đủ cho tới khi vào nam. Tôi sẽ không có gì nhiều hơn để kể trong khoảng thời gian này. Mẹ tôi tiếp tục làm việc , có được một căn nhà nhỏ của sở. Khi anh em chúng tôi vào đại học , anh tôi đi dạy học thêm phụ giúp mẹ. Tôi trong suốt thời gian này cũng như khi còn nhỏ không giúp gì được cho gia đình ngoài việc lêu lổng đi chơi , như các thanh niên trẻ và ham chơi khác. Tôi lập gia đình sớm , mẹ tôi vẫn còn giúp đỡ vợ chồng tôi. Cho đến khi bà chết. Lúc tôi sửa soạn lên thăm bà thì anh tôi tới. Anh không kịp tắt máy xe , bảo tôi : Mẹ chết rồi.

Tôi không hỏi gì cả. Mẹ tôi chết rồi. Tôi nhớ lại lúc đó tôi không có cảm giá gì lạ. Tôi không tin bà chết. Lần cuối tôi ngồi bên giường bà cười và nói với tôi : Con cố mua phần đất cho mẹ càng gần bà nội càng tốt. Tôi còn nói đùa với bà : Còn phần đất trong hội mẹ dành cho con nghe , bỏ đi uống quá. Mẹ tôi co" chân trong một hội tương tế nào đó , nhưng lúc chót bà đổi ý và muốn được chôn gần họ hàng trong một nghĩa địa đã có khá nhiều bia mộ mang những tên đệm giống nhau. Tôi cúi xuống sàn xe , hơi nước đá từ bao ni lông đựng máu làm tê lòng bàn tay. Tôi mân mê bạch máu , thầm mong có thể anh tôi đã nghĩ nhầm. Vợ tôi trong tay còn cầm gói bánh cuốn , run run và muốn òa khóc.

Tôi lái xe đi bình tĩnh. Tôi chỉ tin cái chết khi chính tôi xác nhận điều đó. Mẹ tôi nằm im lặng trên giường , bình thản. Mắt đã khép. Tôi nắm lấy cổ tay bà , cố nghĩ rằng mạch máu còn đập ở đâu đây. Nhưng tôi chỉ thấy mạch máu tôi đập trên đầu ngón tay. Tôi đặt hai tai lên ngực bà , ngực còn nóng nhưng tôi mơ hồ nghe tiếng lá cây sào sọc bên ngoài cửa sổ. Bà đã chết thật rồi. Tôi ngó những chai nước biển còn lay động trên đầu giường , tôi bóp nhẹ mu bàn chân hơi phù lên của bà. Tôi đứng dậy và đi ra ngoài. Tôi còn nhìn thấy bà. Anh tôi ngồi yên lặng ngoài phòng khách tôi hỏi : Mẹ chết lúc nào. Buổi trưa khi tao đi làm mẹ còn dặn mua nho cho mẹ , nhưng khi tao về thì mẹ đã chết. Tôi nói : Mẹ chết không đau đớn là tốt lắm , bệnh này hay gây cho bệnh nhân khổ sở nhiều. Rồi tôi đi ra vườn. Bây giờ đã cận tết , cành đào chị tôi gửi từ Huế vào đang trổ những bông hoa màu hồng xinh xắn , cây mai ở góc vườn đã trộ hoa vàng. Tôi không muốn thấy mình muốn khóc. Tôi thấy lòng thanh thản , buổi tối chỉ có sao lấp lánh trên nền trời và những cơn gió mát. Hình như tôi vừa chết chứ không phải mẹ tôi.

Uống trà xong , Tôi và Kỳ rủ nhau xuống phố. Nắng đã lên nhưng mỏng manh quá, chỉ đủ làm hoe vàng moặt vài ngọn cây. Trời còn lạnh và gió đã thổi bay những lớp sương đọng trên mặt hồ. Con đường ánh lên một màu xám sáng , chia ra nhiều nhánh như một dòng sông. Khách sạn lớn nhất và đẹp nhất của thành phố nằm giữa hai đường vòng , cô đơn như một tòa lâu đài cổ. Thành phố còn giữ vẻ im lặng của những ngày Tết , người lác đác qua lại , những màu áo đỏ , vàng còn mang vẻ rực rỡ trên những tấm lụa mới. Tôi hỏi Kỳ : Kinh sao hẳn không đi. Kỳ cười : Hẳn không có giấy phép. Đã mừng bầy tết rồi nhĩ. Một vài cây đào ven đường còn giữ lại bông hoa hồng nhạt, moặt con chim bay từ mái nhà cũ đến một cành thông. Tôi cố chờ đợi thêm một con chim khác. Nhưng không có gì cả. Tôi nhìn sang Kỳ. Kỳ đốt một điếu thuốc mới , bẻ lại cổ áo. Chiếc áo len đã cũ màu xám nhạt , quần cũng đã phai màu và đôi giày mua sẵn cũng sờn lông đã ngả màu đất bùn. Trông Kỳ cô đơn quá. Nhưng tôi yêu vẻ cô đơn và trầm tĩnh. Kỳ hơn tôi khoảng mười tuổi , tôi vẫn tự hỏi làm sao chúng tôi lại rất thân với nhau và hiểu nhau như đã nô đùa chung từ khi còn nhỏ. Chúng tôi quen nhau khoảng bốn năm , khi hai người cùng hoạt động trong một nhóm chánh trị .Nhưng khi đã bắt đầu thân nhau , ngồi uống cà phê ở một tiệm cà phê khuyệt nẻo , hay nhâm nhi chút rượu mạnh nơi hàng quán bên sông , chúng tôi khám phá ra là cả hai đều không ưa chính trị .

Chúng tôi kể cho nhau nghe những thú vui thời tuổi trẻ , sự hoài niệm dĩ vãng và vẻ đẹp của mọi sự vật trên đời . Chúng tôi nói về những ngôi nhà cổ trong vườn trồng đầy những hoa hải đường mà thật tình tôi cũng không nhớ rõ màu sắc .Đôi khi chúng tôi bàn về thú uống rượu của cổ nhân , kể cho nhau nghe quá khứ mịt mù khi còn nhỏ ở Huế và Hà Nội , hai thành phố mà chúng tôi yêu mến . Chúng tôi lẫn lộn Kỳ còn quá trẻ hay tôi già trước tuổi .Tôi và Kỳ đến ăn sáng ở một quán nổi tiếng về bún bò huế , cắn những miếng ớt cay đến chảy nước mắt và trở lại phòng ăn của khách sạn ngồi uống cà phê . Kỳ hỏi tôi lơ đãng : bà cụ ông bao nhiêu tuổi rồi nhĩ. Tôi đáp : hình như là 65. Thực tình tôi cũng không nhớ rõ tuổi của bà. Tôi tiếp : chóng quá , đã chín ngày rồi. Kỳ gọi một ly cà phê đen và tôi một ly cà phê sữa. Buổi sáng , căn phòng rộng mênh mông , lạnh lẽo. bàn bên cạnh hai người ngoại quốc đang đánh một thứ cò nào đó , một người đàn bà tóc vàng yên lặng hút thuốc. Những ghé khác còn trống , bày ra các nệm màu hoàng yên và xanh rêu. Tôi lấy chiếc pipe nhồi thuốc và mời lửa. Kỳ nói : mùi thuốc cherry

ngon quá , ngồi gần người còn thú hơn hút. Tôi bập bập trên cán pipe để giữ cho lửa khỏi tắt. Người ngoại quốc bàn bên cạnh ho vài tiếng nhẹ . Người đối diện nói với người đàn bà bằng hai ba câu tiếng Pháp.

Tôi có cảm tưởng như đã sống trong cảnh tượng này ít nhất một lần và tự dưng tôi buồn bã. mẹ tôi đã chết thật rồi. Tôi biết chắc điều đó vì vĩnh viễn tôi không còn nhìn thấy bà nữa. Người quản gia của chị tôi đã vào phòng liệm bà một lần cuối cùng , trước khi đưa vào áo quan tôi chỉ thấy một gói vải màu đỏ rờ . Rồi sau đó là tiếng khóc , tiếng người nói và có thể là tiếng cãi nhau xôn xao. Rồi mùi hương và mùi nến chảy , tiếng tụng kinh gõ mõ đều đều như từ cõi nào vọng lại. Tôi quì hàng giờ trước quan tài , tôi lễ trả hàng ngàn lần và ôm mặt khóc sau xe tang. Buổi sáng mừng hai tết , đoàn xe chạy buồn bã giữa những quần áo mới bên đường , và trước khi trở lại nhà tôi vẫn tự hỏi không biết đầu bà nằm về hướng nào dưới lòng đất.

Tôi nhấp một ngụm cà phê còn hơi ấm, tò mò ngắm chiếc tách bằng sứ có vẽ một bông hoa hồng. Mọi vật yên lặng quá. Tôi nghĩ giá có một chút rum ở trong cà phê thì ngon biết mấy. Nắng đã lên cao , chiếu một vệt dài ngang qua mặt bàn , ngang qua ly cà phê của Kỳ. Một cặp trai gái chụp hình cho nhau trước cửa khách sạn , bên ngoài cửa kính. Người con gái đưa tay vuốt tóc , những sợi tóc mềm và dài bám hờ hững trên vai. Cô gái còn nhỏ , mặc áo dài màu tím và khoác áo len màu sữa đục. Họ nói và cười với nhau , những tiếng động không vang vào được phía trong. Nhìn ra ngoài thấy môi họ mấp máy hay há ra như một phim câm. Cô gái chỉ một bông hoa cúc mới nở phía trái khách sạn , rồi cô đến đứng bên cạnh và một tay cô mân mê những cúc áo len. Kỳ nói nhẹ : Trông những người yêu nhau hạnh phúc quá. Tôi cười : Sao ông không kiếm lấy một cô cho đời đáng yêu. Nhưng tôi thầm nghĩ cái hình ảnh đẹp đẽ như trong phim ảnh kia chỉ có thể đứng ở ngoài mà nhìn vào , qua một tấm kính. Nó thật trái ngược với cảnh buồn khổ , chỉ có người trong cuộc mới thấm thía nỗi đau đớn dày vò mình. Cặp trai gái đã bỏ đi , tay nắm tay chạy trên những bậc thang xuống hồ. Bên kia hồ , đôi cỏ xanh nhuộm nắng và tôi nghe tiếng thoang reo như một điệu nhạc buồn.

Ba người ngoại quốc đã đứng dậy. Một người khoác áo lạnh cho người đàn bà. chiếc áo màu vàng ấm. Họ vù đi vừa nói , âm thanh vi vu như gió. Kỳ trả tiền , tôi cởi bớt những cúc áo len cho đỡ nóng. Nắng tràn ngập các bàn ghế kê sát bên cửa kính. Chúng tôi rời khách sạn , đi ngược về phía cuối thành phố. Một chiếc xe Lambro rô máy chạy ngang rồi khuất nẻo ở một đường dốc. Tôi nói : đến nhà bà cô tôi ăn cơm trưa luôn. Nhà ở lưng chừng thung lũng , trong một con đường nhỏ. Chúng tôi đi ngang một nhà thờ vắng vẻ , hội văn hóa Mỹ còn đóng cửa. Những vila nở đầy hoa mimosa. Rẽ vào một con đường nhỏ rất sâu , lăn lóc những viên đá xanh làm đường. Một con chó lông vàng úa ngó chúng tôi nhưng không sủa , tôi vuốt đầu nó. Bà cô tôi ở trong nhà đi ra , chiếc áo lạnh bằng nhung đen giống hệt chiếc áo của mẹ tôi. Bà nói : Tội nghiệp mẹ cháu chết đi chẳng được hưởng gì cả. Tôi đáp : Vâng. Người ta sống để mong hưởng một cái gì . Chắc không phải thế. Đó chỉ là một cách nói để che đậy vẻ cao quý của đời sống. Người ta sống khổ sở để không hưởng một cái gì. Như những bông lan nở hoa và tàn lụi. Tôi nghĩ thế , ít ra cho mẹ tôi và bà cô buồn rầu đứng kia .

Chúng tôi vào nhà , bà cô xuống bếp làm cơm. Tôi và Kỳ ngồi nói chuyện với mấy cô em họ. Kỳ khen những cánh đào thật đẹp. Tôi chọn một băng cassette và bấm nút. tiếng ca mềm và ấm trong căn phòng nhỏ. Chúng tôi ngồi vào bàn ăn. Trong bữa cơm ai cũng nhắc đến mẹ tôi. Còn tôi , những món ăn quen thuộc làm tôi nhớ bà hơn cả những lời hỏi thăm. Từ đây , tôi sẽ chẳng được ăn những món ăn mà tôi đã ăn trong bao năm qua. Bà cô pha một bình trà nhỏ ướp sen. Tôi ngoài uống trà , lơ đãng trả lời những câu hỏi và nhìn qua cửa kính xuống thung lũng.

Bên kia thung lũng là một nghĩa địa lớn , những tấm bia màu trắng sáng lên dưới nắng. Trước mộ mẹ tôi cũng có một tấm bia làm vội bằng xi măng quét vôi trắng và người khắc chữ đã khắc

làm ngày mẹ tôi mất. Tôi quỳ xuống trước mộ , dùng dao sửa lại cho đúng rồi dùng bao hương màu đỏ chà lên chỗ mới sửa cho cùng màu. Tôi chợt hỏi không biết hai chậu cúc vàng để bên mộ đã tàn chưa. Mẹ tôi vẫn mong có dịp lên đây thăm bà cô và ở lại chơi một thời gian - Trên này co phong vị tết như ngoài bắc - nhưng tôi hiểu rằng , dù là một ước mơ nhỏ mẹ tôi cũng không bao giờ thực hiện được. Tôi đi thơ thẩn ra vườn , ngắm những bông hoa xác pháo đỏ rực trên mái nhà , những bông cúc tươi mát vàng rực rỡ , những bông hoa màu hồng màu đỏ mà tôi không biết tên , tôi há miệng lớn và thở đầy những không khí vào phổi , mẹ tôi đang đứng ở gần đây , ngắt vài bông cúc lớn cắm ở bàn thờ Phật. Kỳ ra rủ tôi lên chợ. Chúng tôi leo qua những con dốc đầy hoa quỳ , la cà khắp các quán cà phê chung quanh chợ cho đến tối. Khi chúng tôi trở lại nhà Chiêm và Kinh , hai người đang ăn cơm. Chiêm ngừng lên nhìn tôi : Bà cụ ông mới mất hả? Hồi chiều lên phố mới biết. Kinh nói : Ăn cơm chưa , ngồi ăn chút cơm cho vui. Tôi và Kỳ ngồi xuống bàn ăn , bữa cơm chỉ có một đĩa đậu và mấy cọng rau. Buổi tối tôi theo Kinh ra xếp lại những chậu lan trên bể nước. Kinh xếp những giò lan sắp nở vào một góc. Lan phải có sương mới thanh khiết. Trời tối xẩm và gió lạnh thổi qua đồi , thấm những giọt sương vào da. Kinh thọc hai tay vào áo bành tô , lửa đỏ lập loè trên đầu tẩu thuốc . Mùi khói thuốc như tan vào trong gió. Tôi thấy lạnh ở cổ và ho. Chúng tôi ngồi uống trà đến nửa đêm , Chiêm nhường cho tôi và Kỳ giường có nệm và chăn bông. Hơi lạnh như ùa qua các kẽ hở , tràn ngập trong phòng. Tôi nằm co ro cố rúc sâu vào trong lòng mẹ , chiếc chăn bông mỏng không đủ ấm nhưng hơi ấm trong người của mẹ tôi có thể nóng như than trong lò. Tôi ứa nước mắt , khóc và gọi trong đêm khuya lạnh lẽo đầy bóng tối :

Mẹ ơi. Mẹ tôi đã chết rồi.